



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 62 - Số 645 / Kỳ I - 5/2023



KỶ NIỆM 77 NĂM THÀNH LẬP NGÀNH THỐNG KÊ (06/5/1946-06/5/2023)
**ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CÁC ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC
HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG NGÀNH THỐNG KÊ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



**TỔNG KẾT DỰ ÁN
“CẢI THIỆN HỆ THỐNG
THỐNG KÊ QUỐC GIA VIỆT NAM”
DO CHÍNH PHỦ I-TA-LI-A TÀI TRỢ**



**KỶ VỌNG KINH TẾ VIỆT NAM
ĐẠT MỤC TIÊU
TĂNG TRƯỞNG NĂM 2023**



**KẾT QUẢ NĂM ĐẦU TIÊN THỰC HIỆN
MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU ĐẾN NĂM 2045
NƯỚC TA TRỞ THÀNH
NƯỚC PHÁT TRIỂN, THU NHẬP CAO**

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 5/2023 (645) Ra hàng tháng. Năm thứ 62

Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược hướng tới xây dựng ngành Thống kê phát triển bền vững
4. 77 năm Ngành Thống kê Việt Nam - Những dấu mốc lịch sử
7. Tổng kết Dự án "Cải thiện hệ thống thống kê quốc gia Việt Nam" do Chính phủ I-ta-li-a tài trợ
10. Hội nghị công bố quyết định của Tổng cục trưởng TCTK về công tác cán bộ của CTK tỉnh Quảng Ninh
11. Tổng cục Thống kê công bố Quyết định về công tác cán bộ trưởng Cao đẳng Thống kê II
12. Hội nghị công bố quyết định của Tổng cục trưởng TCTK về công tác cán bộ của CTK tỉnh Bắc Kạn

KINH TẾ - XÃ HỘI

13. Tình hình kinh tế - xã hội cả nước 4 tháng đầu năm 2023
16. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng Tư năm 2023
17. Kỳ vọng kinh tế Việt Nam đạt mục tiêu tăng trưởng năm 2023
21. Chỉ số PAPI năm 2022: Bức tranh nhiều màu sắc về quản trị và hành chính công
ThS. Võ Thị Khánh Linh
25. Việt Nam đẩy mạnh tín dụng xanh phục vụ cho tăng trưởng xanh và phát triển bền vững
ThS. Nguyễn Chung Thủy
28. Nhà nước phát huy vai trò nòng cốt trong phát triển nhà ở xã hội
ThS. Trần Thanh Bình
31. Tăng cường công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
ThS. Đặng Quang Cảnh - ThS. Vũ Thị Hồng Nết

34. Phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo Tây Nguyên
TS. Đặng Quang Trung

37. Hưng Yên đẩy mạnh thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
TS. Nguyễn Thị Ái Liên - Nguyễn Thị Hương Giang

40. Tin địa phương

SÁCH HAY THỐNG KÊ

41. Tổng điều tra kinh tế năm 2021 - Hoạt động của các doanh nghiệp trên 50% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

42. Kết quả năm đầu tiên thực hiện mục tiêu phấn đấu đến năm 2045 nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao
TS. Nguyễn Huy Lương

45. Đánh giá sự hài lòng với cuộc sống và cảm nhận hạnh phúc của thanh niên Việt Nam qua kết quả Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ
ThS. Tô Thúy Hạnh

48. Tác động của việc Fed tăng lãi suất đến nền kinh tế Việt Nam: Nhận diện và giải pháp
TS. Hoàng Thị Xuân

QUỐC TẾ

51. Quyền con người và bình đẳng giới phải là trọng tâm của mọi chính sách và thảo luận về dân số
Björn Andersson

52. Mỹ kỳ vọng nâng tầm vị thế
Tiến Long

Giá: 27.000 đ

KỶ NIỆM 77 NĂM THÀNH LẬP NGÀNH THỐNG KÊ (06/5/1946-06/5/2023)**ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CÁC ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC
HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG NGÀNH THỐNG KÊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

LTS. Ngành Thống kê có bề dày lịch sử 77 năm xây dựng và phát triển (06/5/1946-06/5/2023). Tiếp nối truyền thống vẻ vang, thế hệ công chức, viên chức và người lao động ngành Thống kê hôm nay luôn nỗ lực dốc sức xây dựng Ngành ngày càng phát triển, hiện đại, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng. Nhân kỷ niệm 77 năm ngày thành lập ngành Thống kê, phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện đã có buổi trao đổi, phỏng vấn với Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê **NGUYỄN THỊ HƯƠNG** về việc nâng cao chất lượng công tác thống kê, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dùng tin.



PV: Nâng cao chất lượng công tác thống kê không chỉ là đòi hỏi của ngành Thống kê mà còn của cả xã hội. Trong thời gian qua, ngành Thống kê đã thực hiện những đột phá chiến lược nào để nâng cao chất lượng con số thống kê, thưa Bà?

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương: Thời gian vừa qua, cùng với việc thực hiện các đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đề ra, ngành Thống kê đã thực hiện những đột phá chiến lược về thể chế, con người, ứng dụng công nghệ thông tin và trong sự kết nối, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương.

Trước hết, ngành Thống kê tăng cường hoàn thiện thể chế, củng cố môi trường pháp lý cho hoạt động thống kê. Cụ thể, đã hoàn thiện dự thảo, trình Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung một số

điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê và được Quốc hội thông qua vào cuối tháng 11/2021. Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia được ban hành kèm theo Luật Thống kê sửa đổi gồm 230 chỉ tiêu thống kê quốc gia, trong đó bổ sung những chỉ tiêu phản ánh sự phát triển của nền kinh tế như kinh tế số, logistics và các chỉ tiêu mới phát sinh trong định hướng phát triển đất nước.

Ngay sau khi Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung được Quốc hội thông qua, trong năm 2022, ngành Thống kê đẩy mạnh công tác xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn, triển khai thực hiện Luật Thống kê sửa đổi. Kết quả, ngày 07/11/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 94/2022/NĐ-CP quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống

chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong tháng 2/2023 mới đây, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg về Chương trình điều tra thống kê quốc gia (thay thế Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg) và Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg về Hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (thay thế Quyết định 54/2016/QĐ-TTg).

Việc hoàn thiện thể chế thời gian qua giúp hệ thống môi trường pháp lý cho hoạt động thống kê được củng cố, phục vụ cho việc thực hiện Luật Thống kê sửa đổi đồng bộ ở các bộ, ngành, địa phương. Đây là kết quả của sự nỗ lực không chỉ của ngành Thống kê mà của cả các Bộ, ngành.

Trong năm 2023, TCTK tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhiều văn bản khác như Dự thảo Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê (thay thế Thông tư số 01/2019/TT-BKHĐT); Bộ chỉ tiêu Tăng trưởng xanh; quy trình sản xuất thông tin thống kê. Đặc biệt, TCTK đang hoàn thiện hai văn bản pháp lý quan trọng là Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (thay thế Nghị định số 60/2018/NĐ-CP) và Dự thảo sửa đổi Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phục vụ tốt công tác chỉ đạo điều hành các cấp được hoàn thiện, giúp cho việc củng cố kiện toàn tổ chức ở cơ sở và có hệ thống thể chế đồng bộ nhất.

Bên cạnh việc hoàn thiện thể chế, ngành Thống kê đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định 2014/QĐ-TTg năm 2021 và các đề án lớn của Ngành như: Đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát, Đề án ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030...

Về nguồn nhân lực, Tổng cục Thống kê (TCTK) luôn quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện để nhiều lượt công chức, viên chức được tham gia các khóa tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ. Theo đó, trong năm 2022 dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, song TCTK đã cử 2.200 lượt

công chức, viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tiếp và trực tuyến trong nước và ngoài nước. Đây là khối lượng đào tạo lớn, cho thấy ngành Thống kê luôn nỗ lực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở cả Trung ương và địa phương.

Bên cạnh đột phá chiến lược về hoàn thiện thể chế, chú trọng yếu tố con người, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê cũng được ngành Thống kê đặc biệt lưu ý tăng cường cả về hạ tầng phần cứng và phần mềm. Trong năm 2022, bên cạnh việc thực hiện triển khai Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước theo Quyết định số 501/QĐ-TTg (Đề án 501) và tiếp nhận các dự án khác liên quan đến công nghệ thông tin, ngành Thống kê tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn phòng, hoàn thiện hệ sinh thái quản lý điều hành ngành Thống kê; xây dựng hệ thống thu thập thông tin của các cuộc điều tra chuyển đổi phương pháp mới hoặc có thiết kế phiếu hỏi mới, giúp cho việc thu thập, xử lý và tổng hợp số liệu thống nhất giữa các cuộc điều tra và cho phép xuất dữ liệu vi mô của các cuộc điều tra đến cấp tỉnh, để phục vụ tổng hợp thêm các chỉ tiêu cần thiết phục vụ địa phương và chuyên ngành; một số cuộc điều tra đã cho phép xuất dữ liệu vi mô đến cấp huyện.

Ngành Thống kê đồng thời triển khai xây dựng Dự án “Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chế độ báo cáo thống kê bộ, ngành; chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã tần suất nhanh (trực tuyến) phục vụ công tác quản lý điều hành từ trung ương đến địa phương”; Dự án “Xây dựng

Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử”.

Trong các cuộc điều tra hiện nay, ngành Thống kê không còn sử dụng phiếu giấy, thay vào đó là sử dụng hình thức thu thập thông tin ứng dụng công nghệ thông tin - CAPI (sử dụng máy tính bảng, điện thoại thông minh, internet kết nối đến các doanh nghiệp, người dân). Việc công bố dữ liệu cũng được đưa vào hệ thống thông tin thống kê một cách tự động theo lịch phổ biến thông tin thống kê đã được công bố hàng năm.

Rõ ràng, việc tăng cường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đã nâng cao chất lượng thông tin thống kê, phục vụ kịp thời, hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành của Đảng và Nhà nước. Theo kết quả đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, TCTK đạt 88,6/100 điểm, xếp thứ 8 trên 36 đơn vị thuộc Bộ trong năm 2021.

PV: Bà có thể điểm khái quát một số kết quả ngành Thống kê đã đạt được trong thời gian vừa qua, cụ thể là năm 2022?

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương: Thực hiện những chiến lược trên, trong năm 2022, công tác biên soạn báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, lao động việc làm, các chỉ tiêu thống kê tổng hợp và phổ biến thông tin thống kê được nâng cao, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành kinh tế - xã hội của Đảng và Chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê trong và ngoài nước. Hoàn thành biên soạn Niên giám thống kê và hơn 20 ấn phẩm, báo cáo thống kê quan trọng. Thực hiện phổ biến thông tin thống kê

thông qua tổ chức các buổi họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội, lao động việc làm, mức sống hộ dân cư; quản lý và vận hành Trang thông tin điện tử của toàn Ngành. Chất lượng phân tích và dự báo thống kê được nâng cao với 18/18 chuyên đề/báo cáo phân tích và dự báo thống kê được hoàn thành theo kế hoạch; cung cấp số liệu và biên soạn các Báo cáo chuyên đề, chuyên sâu phục vụ tổng kết các Nghị quyết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ban Kinh tế Trung ương như: Nghị quyết số 54 - NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng; Nghị quyết số 53-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và Kết luận số 27-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 53-NQ/TW...

Ngoài những kết quả trên, ngành Thống kê còn ghi nhận nhiều điểm nhấn: Lần đầu tiên Tổng cục Thống kê tổ chức hội nghị Thống kê toàn quốc với sự tham dự và phát biểu chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và sự tham dự của gần 14 nghìn đại biểu tham dự. Việc tổ chức thành công Hội nghị Thống kê toàn quốc có ý nghĩa quan trọng, có sức lan tỏa sâu rộng về vai trò của thông tin thống kê trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành đến các đồng chí đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp. Bên cạnh đó, trong năm vừa qua, TCTK tham mưu Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 về Khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, để hướng dẫn các cấp chính quyền

đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn 2021-2026 một cách bài bản, thống nhất, có thể so sánh được. Năm 2022 cũng là năm đầu tiên TCTK phối hợp với các sở, ngành địa phương để thực hiện biên soạn và công bố kịp thời tốc độ tăng trưởng GRDP ước tính và sơ bộ hằng quý cho tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Kết quả biên soạn đã được Chính phủ, Bộ, ngành và địa phương tin tưởng, thống nhất sử dụng trong quản lý điều hành các cấp.

PV: Dù đã có những nỗ lực cải thiện chất lượng thống kê trong thời gian qua, song rõ ràng hiện nay còn có những lỗ hổng trong thống kê như nhiều ngành, lĩnh vực ngành Thống kê chưa chạm tới; sự chia sẻ dữ liệu giữa các Bộ, ngành vẫn còn hạn chế... Theo Bà, làm thế nào để lấp những khoảng trống này?

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương: Công tác phối hợp, chia sẻ dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê giữa TCTK với các Bộ, ngành được thực hiện thông qua Chế độ báo cáo báo cáo thống kê cấp quốc gia và các Quy chế phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin giữa Tổng cục Thống kê với các Bộ, ngành liên quan. Đến nay, TCTK đã ký 13 quy chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, trường đại học, tập đoàn, nhằm xây dựng hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy và chính quyền các cấp. Tuy nhiên việc thực hiện còn hạn chế, đó là việc tiếp cận thông tin từ nguồn dữ liệu ban đầu. Hiện nay, TCTK chỉ nhận được báo cáo tổng hợp với những dữ liệu mang tính tổng quát, chưa đảm bảo phục vụ cho việc phân tích dữ liệu chuyên sâu. Do đó, với mong muốn xây dựng

được hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, đồng bộ thì TCTK cần có nguồn lực, không chỉ về thể chế, hạ tầng, con người mà còn cần sự kết nối, sự hiểu, thông cảm, chia sẻ và phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành và địa phương, từ việc xây dựng các quy chế cũng như thể hiện bằng các hoạt động kết nối cụ thể. Chỉ khi tiếp cận được với nguồn dữ liệu ban đầu, TCTK mới có thể có được thông tin để phân tích sâu hơn, rõ nét hơn về bức tranh kinh tế - xã hội của đất nước, thông qua các sản phẩm cụ thể ở từng ngành, từng địa phương.

PV: Vay thuê Bà, ở chiều ngược lại, ngành Thống kê sẽ chủ động kết nối với các cơ quan, Bộ, ngành, viện nghiên cứu hay các doanh nghiệp để tạo dựng hệ sinh thái dữ liệu như thế nào?

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương: Ngoài nguồn dữ liệu vi mô có được do chương trình điều tra thống kê quốc gia cũng như các thông tin thống kê do ngành Thống kê triển khai thu thập thì TCTK đã có kết nối trực tiếp một số cơ quan để có dữ liệu. Ví dụ như, kết nối với Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính) để có dữ liệu về doanh nghiệp, kết nối với Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) để có được dữ liệu phục vụ tổng hợp và biên soạn chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hay kết nối với Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) để cung cấp thông tin thực hiện báo cáo đầu tư trực tiếp nước ngoài...

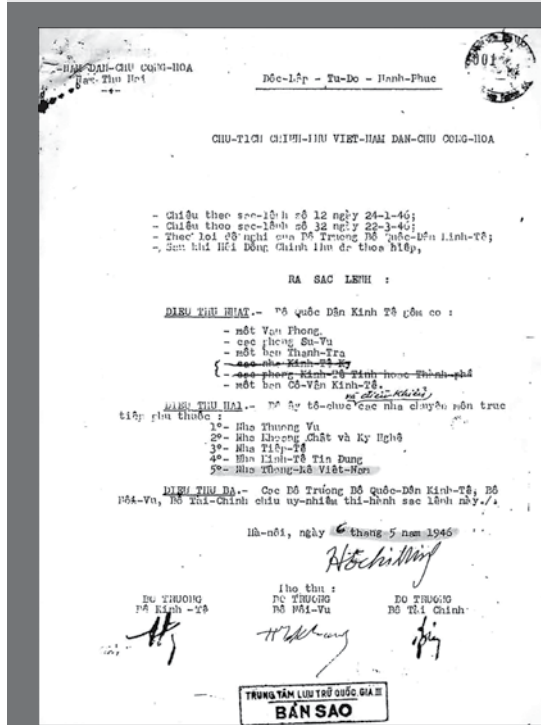
Ngoài ra, TCTK phối hợp với các Tập đoàn, Tổng Công ty (ví dụ như Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) trong việc cung cấp và thống nhất số liệu của ngành điện, dầu khí để rà soát số liệu hằng tháng phục vụ biên soạn báo cáo kinh tế - xã hội.

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

Ở địa phương, công tác phối hợp, chia sẻ thông tin với các Sở, ban, ngành được tăng cường. Trong năm 2022, một số Cục Thống kê tỉnh, thành phố đã ký thỏa thuận hợp tác, quy chế phối hợp với các Sở, ban, ngành, Viện nghiên cứu tại địa phương. Ngoài ra, định kỳ hằng tháng, quý, các Cục Thống kê thường xuyên phối hợp với các Sở, ban, ngành trong việc rà soát số liệu kinh tế - xã hội, đảm bảo tính khách quan, kịp thời và chính xác phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Tất cả các dữ liệu được chia sẻ này đều được thực hiện theo Luật Thống kê. TCTK đã và đang cố gắng tuyên truyền, phổ biến, đồng thời chia sẻ lợi ích có được để xây dựng dữ liệu dùng chung như xu hướng thế giới. Dữ liệu là nguồn tài nguyên vô giá, dữ liệu chỉ có giá trị khi được đồng đảo người dân, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế sử dụng, để các tổ chức, cá nhân có được bức tranh tổng thể cũng như có nhận thức sát với thực tiễn, từ đó ra những quyết định phù hợp để có được những thành công. Những việc làm của TCTK trong thời gian qua với mong muốn cộng tác để cùng nhau lớn mạnh, cùng có giá trị cộng hưởng. Đây chính là thông điệp của TCTK muốn truyền đạt trong nhiều năm nay và cũng là xu hướng chung của thế giới.

**PV: Trân trọng cảm ơn Bà đã trả lời phỏng vấn!
Bích Ngọc (thực hiện)**



Sự ra đời của Ngành Thống kê Việt Nam được đánh dấu bằng ngày 6 tháng 5 năm 1946, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký sắc lệnh số 61/SL quy định bộ máy tổ chức của Bộ quốc dân kinh tế gồm các phòng, ban, nha trực thuộc, trong đó có Nha Thống kê Việt Nam. Để ghi nhớ quá trình xây dựng, trưởng thành và để phù hợp với thực tế lịch sử, ngày 6 tháng 5 năm 1946 đã được chọn là ngày thành lập ngành Thống kê Việt Nam. Và cũng từ đó đến nay, trong giai đoạn nào, hoàn cảnh nào, Thống kê Việt Nam cũng làm tốt vai trò công cụ đắc lực của Chính phủ trong quản lý, điều hành các chính sách phát triển kinh tế xã hội, đóng góp tích cực vào công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước.

Chiều theo Sắc lệnh 61/SL ngày 6 tháng 5 năm 1946, Bộ trưởng Bộ Quốc dân Kinh tế đã ký Nghị định ngày 28 tháng 5 năm 1946 về tổ chức Nha Thống kê Việt Nam thuộc Bộ Quốc dân Kinh tế. Nhiệm vụ của Nha Thống kê Việt Nam quy định như sau: Suu tầm và thu thập những tài liệu và những con số có liên quan đến vấn đề xã hội, kinh tế hay văn hoá; Xuất bản những sách về thống kê; Kiểm soát các công ty bảo hiểm Việt Nam hay hải ngoại.

Ngày 25 tháng 4 năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 33/SL sát nhập Nha Thống kê Việt Nam vào Phủ Chủ tịch.

Ngày 1 tháng 7 năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 124/SL bãi bỏ Sắc lệnh số 33/SL và quyết định Thống kê trở thành "Một tổ chức tạm thời để theo dõi công việc thống kê sẽ do Nghị định Thủ tướng Chính phủ ấn định".

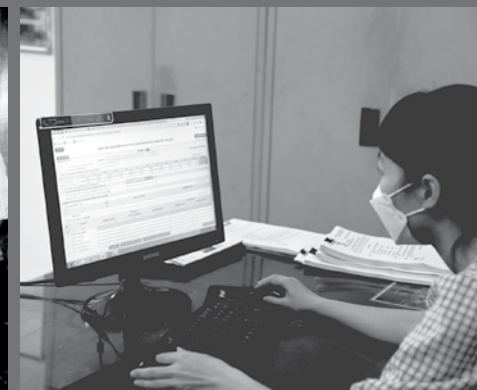
Ngày 9 tháng 8 năm 1950, Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng thay mặt Thủ tướng Chính phủ, ra Nghị định số 38/TTg thành lập phòng Thống kê trong Văn phòng Thủ tướng phủ. Phòng Thống kê có nhiệm vụ: Thu thập và xếp đặt những tài liệu thống kê của các Bộ và các Ủy ban hành chính



Tổng Điều tra Dân số ở Cần Thơ năm 1989



Xử lý kết quả TĐTDS năm 1989



Điều tra Doanh nghiệp năm 2022

77 năm Ngành Thống kê Việt Nam NHỮNG DẤU MỐC LỊCH SỬ

kháng chiến địa phương; Giúp các Bộ và các Ủy ban hành chính kháng chiến tổ chức và hướng dẫn theo dõi công tác thống kê.

Ngày 20 tháng 2 năm 1956, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Điều lệ số 695/TTg về tổ chức Cục Thống kê Trung ương, các cơ quan thống kê địa phương và các tổ chức thống kê các Bộ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong Điều lệ 695/TTg qui định:

Cục Thống kê Trung ương trong Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một cơ quan của Nhà nước để lãnh đạo thống nhất và tập trung mọi việc thống kê và kế toán trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Cục Thống kê Trung ương và các cơ quan Thống kê ở địa phương, các tổ chức thống kê các Bộ là một hệ thống thống nhất, tập trung.

Nhiệm vụ chủ yếu của Cục Thống kê Trung ương là sưu tầm, thu thập, nghiên cứu và đệ trình Chính phủ những tài liệu thống kê chính xác, phân tích một cách khoa học để có thể nêu được quá trình thực hiện kế hoạch Nhà nước, sự phát triển kinh tế và văn hoá trong nước, những nguồn tài nguyên và cách sử dụng tài nguyên đó, tỷ lệ phát triển của các ngành kinh tế, văn hoá và mức độ phát triển của từng ngành.

Ngày 8 tháng 4 năm 1957, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 142-TTg quy định lại tổ chức, nhiệm vụ của các cơ quan thống kê các cấp, các ngành, bãi bỏ Điều lệ số 695-TTg. Về tổ chức thống kê: Bộ máy thống kê các cấp, các ngành gồm có: Cục Thống kê Trung ương (Trong Ủy ban Kế hoạch Nhà nước); Các Chi cục Thống kê Liên khu, khu,

thành phố, tỉnh; Phòng Thống kê huyện, châu; Ban Thống kê xã; Các tổ chức thống kê của các Bộ, các ngành Trung ương và các cơ quan trực thuộc.

Cục Thống kê Trung ương là cơ quan của Nhà nước phụ trách, lãnh đạo thống nhất và tập trung mọi việc thống kê về kinh tế, tài chính, văn hoá, xã hội trong cả nước.

Nhiệm vụ chủ yếu của Cục Thống kê Trung ương là sưu tầm, chỉnh lý, nghiên cứu, phân tích những tài liệu điều tra thống kê cơ bản về các ngành kinh tế quốc dân, văn hoá, xã hội, rồi đệ trình Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Chính phủ để làm căn cứ hoặc tài liệu tham khảo để định các chính sách, lập kế hoạch và kiểm tra kế hoạch.

Ngày 21 tháng 12 năm 1960, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quyết định số 15-NQ/TVQH về việc tách Cục Thống kê

Trung ương ra khỏi Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, thành lập Tổng cục Thống kê.

Ngày 29 tháng 9 năm 1961, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 131-CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê. Theo Nghị định này, Tổng cục Thống kê là cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo tập trung và thống nhất toàn bộ công tác điều tra thống kê theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ sưu tầm, chỉnh lý phân tích các tài liệu thống kê có căn cứ khoa học về kinh tế, văn hoá, xã hội, nhằm phục vụ cho các công tác quản lý nhà nước, lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân.

Ngày 5 tháng 4 năm 1974, Hội đồng Chính phủ đã ra Nghị định số 72-CP ban hành điều lệ về tổ chức và hoạt động của Tổng cục Thống kê thay thế Nghị định số 131-CP ngày 29 tháng 9 năm 1961 của Hội đồng Chính phủ. Theo đó, Tổng cục Thống kê là cơ quan Trung ương thuộc Hội đồng Chính phủ, có nhiệm vụ tổ chức và quản lý thống nhất công tác hạch toán và thống kê. Tổng cục Thống kê thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở đường lối chính sách và các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước.

Ngày 23/3/1994, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê thay thế Nghị định số 72/CP ngày 5/4/1974 của Hội đồng Chính phủ.

Theo Nghị định này, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê cơ bản giống như nội dung đã được đề cập ở Điều lệ của Nghị định 72/CP ngày 5/4/1974 của Hội đồng

Chính phủ. Tuy nhiên tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê được sắp xếp gọn hơn.

Ngày 03/9/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 101/2003/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thay cho Nghị định số 23/CP ngày 23/3/1994 của Chính phủ.

Về vị trí và chức năng: Tổng cục Thống kê là cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn quản lý Nhà nước về thống kê, tổ chức thực hiện hoạt động thống kê và cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật; quản lý Nhà nước các dịch vụ công và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn Nhà nước thuộc Tổng cục Thống kê quản lý theo quy định của pháp luật.

Theo Nghị định này, cơ cấu tổ chức Ngành Thống kê, cơ quan Tổng cục Thống kê mở rộng, hoàn thiện hơn phù hợp với yêu cầu phát triển của Ngành, chức năng nhiệm vụ mang tính chuyên môn và chuyên nghiệp hơn gắn với từng lĩnh vực cụ thể.

Ngày 24/8/2010, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Quyết định số 65/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 quy định Sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 54/2010-QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Từ đó đến nay, Tổng cục Thống kê là cơ quan trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý nhà nước về thống kê; tổ chức các hoạt động thống kê và cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/3/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, Tổng cục Thống kê được tổ chức theo mô hình mới với hệ thống dọc từ Trung ương đến địa phương theo đơn vị hành chính: Cơ quan Tổng cục Thống kê ở Trung ương với 15 đơn vị hành chính và 5 đơn vị sự nghiệp; các cơ quan thống kê ở địa phương với 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố, tổng số trên 6 nghìn công chức, viên chức.

Có thể thấy, trong gần 8 thập kỷ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, vai trò chức năng nhiệm vụ của Ngành Thống kê luôn được Đảng, nhà nước, Chính phủ Việt Nam đề cao và coi trọng một cách đúng nghĩa: *"Thống kê là tai, là mắt của Đảng và Nhà nước"* (Chủ tịch Hồ Chí Minh); *"...Tình hình nước mình thể hiện trong con số, tương lai ở trong con số, kế hoạch cũng ở trong con số"* (Nguyên Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng). Để làm tốt vai trò chức năng, nhiệm vụ mà Đảng, nhà nước, Chính phủ giao phó, trong quá trình xây dựng phát triển, ngành Thống kê Việt Nam đã không ngừng đổi mới, nỗ lực nâng cao chất lượng thông tin thống kê đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đất nước qua từng giai đoạn./.

TỔNG KẾT DỰ ÁN

“CẢI THIỆN HỆ THỐNG THỐNG KÊ QUỐC GIA VIỆT NAM” DO CHÍNH PHỦ I-TA-LI-A TÀI TRỢ

Năm 2014, Tổng cục Thống kê Việt Nam và Cơ quan Thống kê quốc gia I-ta-li-a (ISTAT) đã ký Biên bản ghi nhớ Hợp tác song phương trong lĩnh vực thống kê nhằm tranh thủ nguồn tài chính, hỗ trợ kỹ thuật và kinh nghiệm tốt từ phía I-ta-li-a để nâng cao năng lực cho Tổng cục Thống kê. Thực hiện Biên Bản ghi nhớ, Tổng cục Thống kê Việt Nam đã chủ động xác định các lĩnh vực hợp tác và xúc tiến tìm nguồn kinh phí để thực hiện.

Tháng 2 năm 2018, Dự án “Cải thiện hệ thống thống kê quốc gia Việt Nam” được Chính phủ nước Cộng hòa I-ta-li-a phê duyệt tài trợ, theo đó Dự án được thực hiện trong giai đoạn 3 năm từ 2018 – 2021, với 5 hợp phần: Hợp phần 1: Xây dựng năng lực thể chế; Hợp phần 2: Thống kê năng lượng; Hợp phần 3: Thống kê môi trường và biến đổi khí hậu; Hợp phần 4: Phổ biến thông tin thống kê; Hợp phần 5: Công nghệ thông tin và truyền thông.

Mục tiêu tổng quát của dự án là tăng cường năng lực của Tổng cục Thống kê nhằm thực hiện tốt hơn vai trò dẫn dắt, điều phối hệ thống thống kê quốc gia và hoạt động theo hướng cơ quan dịch vụ công có hiệu quả, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, thời gian thực hiện của Dự án được gia hạn và kết thúc vào ngày 21/4/2023.

Chiều ngày 19/4/2023, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê phối hợp với Cơ quan hợp tác và phát triển



I-ta-li-a, Cơ quan Thống kê I-ta-li-a tổ chức Lễ tổng kết Dự án “Cải thiện hệ thống thống kê quốc gia Việt Nam” do Chính phủ I-ta-li-a tài trợ, với chủ đề “Quản trị thông qua số liệu thống kê chính thức: Kinh nghiệm từ một dự án thành công”.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương và Ngài Antonio Alessandro, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền I-ta-li-a tại Việt Nam đồng chủ trì buổi lễ. Cùng tham dự Lễ Tổng kết có đại diện của Liên minh châu Âu; Đại diện sứ quán một số nước tại Việt Nam; đại diện một số cơ quan thống kê quốc gia các nước, các tổ chức quốc tế; các chuyên gia đến từ Cơ quan Hợp tác và Phát triển I-ta-li-a... Về phía Việt Nam, có các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Trung Tiến, Nguyễn Thanh Dương; lãnh đạo, công chức, viên chức các đơn vị thuộc Tổng cục; đại diện các Bộ, ngành và một số cơ quan thông tấn báo chí.

Phát biểu khai mạc Lễ Tổng kết, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương

cho biết, tháng 2/2018, Dự án “Cải thiện hệ thống thống kê quốc gia Việt Nam” được Chính phủ nước Cộng hòa I-ta-li-a phê duyệt tài trợ, thực hiện trong giai đoạn 3 năm từ 2018 - 2021, với 5 hợp phần: Xây dựng năng lực thể chế; Thống kê năng lượng; Thống kê môi trường và biến đổi khí hậu; Phổ biến thông tin thống kê; Công nghệ thông tin và truyền thông. Mục tiêu của dự án là tăng cường năng lực của Tổng cục Thống kê nhằm thực hiện tốt hơn vai trò dẫn dắt, điều phối hệ thống thống kê quốc gia và hoạt động theo hướng cơ quan dịch vụ công có hiệu quả, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Dự án được gia hạn thêm 18 tháng và kết thúc vào ngày 21/4/2023. Sau gần 5 năm thực hiện, với nỗ lực cao của Tổng cục Thống kê và Cơ quan Thống kê I-ta-li-a, đến nay, Dự án đã hoàn thành 100% khối lượng công việc và đạt được những kết quả tốt đẹp như mục tiêu của Dự án đề ra.

Thứ nhất, Hợp phần Xây dựng năng lực thể chế đã được triển khai trong sự phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, đã tiến hành thực hiện thí điểm bộ công cụ Lime survey để khảo sát về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và hoạt động của Tổng cục bộ, ngành. Kết quả điều tra đã cho thấy bức tranh rõ nét hơn về hoạt động của từng chủ thể trong Hệ thống thống kê quốc gia Việt Nam. Từ đó cho thấy, Tổng cục Thống kê với vai trò điều phối, tham mưu cho Chính phủ cần cải thiện tốt hơn nữa hoạt động thống kê trong hệ thống thống kê quốc gia.

Thứ hai, Hợp phần Thống kê năng lượng đã từng bước cải thiện Hệ thống Thống kê năng lượng Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế, theo đó Tổng cục Thống kê đã thực hiện báo cáo gửi Liên hợp quốc về năng lượng ở Việt Nam; Nâng cao phương pháp luận trong biên soạn bảng Cân đối năng lượng của Việt Nam và các chỉ số liên quan đến năng lượng.

Thứ ba, Hợp phần Thống kê môi trường và biến đổi khí hậu đã biên soạn được báo cáo thí điểm quan trọng về “Chỉ tiêu phát triển bền vững về môi trường đô thị và biến đổi khí hậu tại Việt Nam”. Đây là lần đầu tiên, Tổng cục Thống kê biên soạn được một báo cáo đầy đủ, chi tiết về vấn đề môi trường.

Thứ tư, Hợp phần phổ biến thông tin đã đạt được kết quả hợp tác rõ nét ngay khi Dự án được thực hiện 18 tháng. Các chuyên gia cơ quan Thống kê I-ta-li-a đã hỗ trợ Tổng cục Thống kê xây dựng trang web mới với giao diện thân thiện, truy cập đơn giản, dễ sử dụng để giới thiệu, truyền thông và nhận diện Tổng cục Thống kê và khai thác số liệu thống kê hiệu quả nhất.

Thứ năm, Hợp phần Công nghệ thông tin và truyền thông cũng đạt được những kết quả rõ rệt thông qua áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất số liệu thống kê nhằm đảm bảo số liệu thống kê chính xác và kịp thời.

Tổng cục trưởng khẳng định, những kết quả đáng khích lệ đạt được trong gần 5 năm qua là nhờ sự hợp tác chặt chẽ, hiệu quả từ Cơ quan hợp tác và phát triển I-ta-li-a, Cơ quan Thống kê I-ta-li-a, sự cố gắng nỗ lực, cam kết mạnh mẽ của Tổng cục Thống kê, hướng tới mục tiêu nâng cao tính hiệu quả hoạt động của Tổng cục Thống kê, đưa ra những số liệu thống kê chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch phục vụ chính sách, phục vụ người dân, nhằm từng bước nâng cao vị thế của Tổng cục Thống kê trong cộng đồng thống kê quốc tế. Dự án được thực hiện thành công, góp phần cải thiện

một bước tư duy tổ chức quản lý, tư duy sản xuất và sử dụng dữ liệu thống kê theo tiêu chuẩn hiện đại, thay đổi lề lối làm việc, tiếp nhận và thực hiện hỗ trợ kỹ thuật.

Tổng cục trưởng bày tỏ cảm ơn Ngài đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa I-ta-li-a tại Việt Nam, Cơ quan Hợp tác và Phát triển I-ta-li-a, Cơ quan Thống kê I-ta-li-a, các cơ quan liên quan đã hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Tổng cục Thống kê thực hiện thành công Dự án này.

Phát biểu chúc mừng những kết quả của Dự án “Cải thiện hệ thống thống kê quốc gia Việt Nam”, Ngài Antonio Alessandro, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền I-ta-li-a tại Việt Nam cho biết, tổng giá trị của Dự án là 650 nghìn EU cho thời gian 5-6 năm, bao gồm các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và khoản viện trợ không hoàn lại nhằm mục tiêu củng cố và phát triển năng lực của Cơ quan Tổng cục Thống kê Việt Nam. Dự án có vai trò quan trọng trong chương trình hỗ trợ chính thức của Chính phủ I-ta-li-a tại Việt Nam. Ông khẳng định, một hệ thống thống kê đáng tin cậy, hiệu quả là rất quan trọng đối với thế giới toàn cầu đang có nhiều thay đổi như hiện nay; giúp cho quốc gia có chính sách đúng đắn để cải thiện mối quan hệ giữa Chính phủ với người dân, tăng cường tính minh bạch trong lĩnh vực công.

Đại sứ Antonio Alessandro vui mừng cho biết, Lễ Tổng kết diễn ra trong khuôn khổ kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia I-ta-li-a và Việt Nam, kết quả của Dự án này là một ví dụ minh chứng cho thành công của mối quan hệ hợp tác giữa hai quốc gia. Qua những kết quả của Dự án, ông mong Tổng cục Thống kê sẽ hỗ trợ Chính phủ Việt Nam chuyển đổi xanh tốt hơn, tiến bộ hơn,





đặc biệt trong bối cảnh hiện nay đang có nhiều thay đổi. TCTK Việt Nam cũng đồng thời đóng vai trò quan trọng trong cung cấp phổ biến dữ liệu minh bạch đến người dùng tin, thông qua trang website được xây dựng với một giao diện thân thiện. Đại sứ Antonio Alessandro chúc cho Cơ quan Thống kê I-ta-li-a và Tổng cục Thống kê Việt Nam tiếp tục duy trì mối quan hệ hiện tại và mở rộng lĩnh vực hợp tác trong tương lai.

Phát biểu tại Lễ Tổng kết, bà Tiziana Fusco, Giám đốc Cơ quan Hợp tác và Phát triển I-ta-li-a (AICS) tại Hà Nội cho rằng, đây là cơ hội để chia sẻ những kết quả đạt được của Dự án qua sự hợp tác quý báu giữa Tổng cục Thống kê Việt Nam và cơ quan Thống kê I-ta-li-a. Trong những năm qua, sự hợp tác giữa hai cơ quan đã được tăng cường và phát triển, gồm các hoạt động trao đổi, chia sẻ kiến thức chuyên môn, phương pháp thực hiện không chỉ ở cấp độ kỹ thuật để thu thập, phân tích, phổ biến thông tin thống kê trong các lĩnh vực cụ thể mà còn xuyên suốt xây dựng các thể chế như nâng cao vai trò của Tổng cục Thống kê Việt Nam với tư cách là cơ quan cung cấp dữ liệu đảm bảo tính bền vững. Các sản phẩm của Dự án như: Bảng cân đối năng lượng đầu tiên ở Việt Nam; báo cáo liên quan đến các chỉ số môi trường, đô thị, tính bền vững và biến đổi khí hậu sẽ được nhân rộng cho các nghiên cứu, các ấn phẩm mới trong các lĩnh vực khác nhau.

Tại Lễ Tổng kết, các đại biểu được nghe đại diện lãnh đạo các đơn vị thuộc Tổng cục là đầu mối 5 hợp phần hợp tác của Dự án trình bày các báo cáo tổng kết hợp phần: Tầm quan trọng của công tác điều phối trong Hệ thống Thống kê quốc gia



(Hợp phần 1); Từng bước cải thiện Hệ thống Thống kê năng lượng Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế (Hợp phần 2); Thống kê Môi trường đô thị và Biến đổi khí hậu ở Việt Nam - Thực trạng và triển vọng (Hợp phần 3); Trang thông tin điện tử mới để giới thiệu, truyền thông và nhận diện cơ quan Tổng cục Thống kê (Hợp phần 4); Hiện đại hóa Công nghệ thông tin và Truyền thông (ICT) nhằm đảm bảo số liệu thống kê chính xác và kịp thời (Hợp phần 5).

Sau phần trình bày báo cáo của các hợp phần, tại Lễ Tổng kết diễn ra Phiên Tọa đàm cấp cao "Điều phối thông minh, thống kê hiệu quả" với các khách mời đại diện đến từ Cơ quan Thống kê thuộc Ủy ban Kinh tế - xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương; Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc; Trường Đại học Kinh tế quốc dân; Tạp chí Kinh tế Việt Nam và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trong Phiên Tọa đàm, các khách mời và đại biểu tham dự buổi lễ đã cùng nhau chia sẻ, trao đổi, thảo luận các vấn đề xoay quanh nội dung sản xuất và điều phối thống kê; vai trò quan trọng của các cơ quan thống kê quốc gia trong bối cảnh hệ sinh thái dữ liệu mới đang từng ngày thay đổi; vai trò của dữ liệu chất lượng, hệ sinh thái dữ liệu là nhân tố then chốt đối với công tác hoạch định

chính sách trong khu vực; Tầm quan trọng của số liệu thống kê phi chính thức, sự hợp tác giữa nhà sản xuất và người sử dụng số liệu thống kê để sản xuất số liệu phù hợp hơn với nhu cầu của người sử dụng cuối cùng và các khuyến nghị nhằm tăng cường vai trò điều phối giữa các cơ quan sản xuất số liệu và cơ quan nắm giữ các nguồn dữ liệu hành chính.

Phát biểu bế mạc Lễ Tổng kết, Tổng cục trưởng khẳng định, Dự án hợp tác với I-ta-li-a đã giúp nâng cao năng lực của Thống kê Việt Nam ở các lĩnh vực khác nhau. Với tinh thần hợp tác cao, cam kết mạnh mẽ, phối hợp kịp thời, Tổng cục Thống kê Việt Nam và Cơ quan Thống kê I-ta-li-a đã triển khai hiệu quả và thành công các hoạt động của Dự án. Mặc dù Dự án đã kết thúc nhưng kết quả hợp tác vẫn còn tiếp diễn. Đây sẽ là nền tảng và cơ hội để Tổng cục Thống kê Việt Nam tiếp tục nhận được những hỗ trợ mới từ Cơ quan Hợp tác và Phát triển I-ta-li-a và Cơ quan Thống kê I-ta-li-a trong thời gian tới nhằm duy trì tính bền vững của Dự án và nâng cao năng lực, vị thế của Thống kê Việt Nam trong khu vực và thế giới, giúp Thống kê Việt Nam từng bước đạt được mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045./.

B.N

HỘI NGHỊ CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG CỤC TRƯỞNG TCTK VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA CTK TỈNH QUẢNG NINH



Chiều ngày 28/4/2023, tại Quảng Ninh, Tổng cục Thống kê tổ chức Hội nghị Công bố quyết định của Tổng cục trưởng TCTK về công tác cán bộ. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê (TCTK) Nguyễn Thị Hương đã đến dự và chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị, về phía lãnh đạo địa phương có bà Nguyễn Thị Hạnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh; về phía TCTK có đại diện lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ, Văn phòng TCTK, Vụ Thống kê Dân số và Lao động; Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh có lãnh đạo Cục, lãnh đạo các phòng, Chi cục và công chức, người lao động Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh.

Tại Hội nghị, thừa ủy quyền của lãnh đạo TCTK, đại diện lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ - TCTK đã Thông báo Quyết định số 160/QĐ-TCTK ngày 01/02/2023 của Tổng cục trưởng TCTK về việc nghỉ hưu hưởng chế độ bảo hiểm xã hội từ ngày 01/5/2023 đối với đồng chí Phạm Văn Chính, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 376/QĐ-TCTK ngày 11/4/2023 của Tổng cục trưởng TCTK về việc giao đồng chí Ngô Thị Vân, Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh phụ trách Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh.

Phát biểu tại Hội nghị, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương ghi nhận những đóng góp, cống hiến của đồng chí Phạm Văn Chính, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của ngành Thống kê nói chung và của Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh nói riêng, phục vụ kịp thời yêu cầu thông tin thống kê cho TCTK, cho Lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, cũng như phối hợp tốt với các đơn vị trong quá trình công tác, chỉ đạo và điều hành đơn vị.

Giao nhiệm vụ phụ trách Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh cho đồng chí Ngô Thị Vân, Phó Cục trưởng, cùng tập thể lãnh đạo và công chức, người lao động của Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đề nghị đồng chí Ngô Thị Vân tiếp tục học hỏi để nâng cao vai trò quản lý, đặc biệt gương mẫu, phát huy tốt năng lực của bản thân trong việc điều hành tập thể Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh, giúp công chức, người lao động Cục Thống kê phát huy được năng lực bản thân để hoàn thành tốt nhiệm vụ của Ngành, của Lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh giao.

Đồng chí Ngô Thị Vân cần quan tâm tới việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn quy hoạch tại chỗ

để xây dựng cho Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh nói riêng và nguồn quy hoạch của ngành Thống kê nói chung những công chức có năng lực, trình độ, phẩm chất, đạo đức tốt, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, thử thách khi tổ chức yêu cầu.

Tập thể Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh tiếp tục nêu cao tinh thần đoàn kết, kế thừa những thành quả đã đạt được để đơn vị ngày càng phát triển hơn; đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thu thập, xử lý số liệu; nâng cao chất lượng báo cáo, phân tích và dự báo thống kê; tăng cường phối hợp và chia sẻ, xử lý thông tin với các Sở, ngành để tham mưu giúp Lãnh đạo Tỉnh ủy, Lãnh đạo UBND, TCTK đánh giá sát tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Vinh dự nhận nhiệm vụ mới, đồng chí Ngô Thị Vân bày tỏ cảm ơn sự tin tưởng của Lãnh đạo TCTK, sự hỗ trợ, ủng hộ của tập thể lãnh đạo và công chức, người lao động Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh. Đồng chí Ngô Thị Vân xin tiếp thu toàn bộ những nội dung chỉ đạo của Tổng cục trưởng và hứa triển khai thực hiện tốt những nhiệm vụ do Lãnh đạo Tổng cục, Lãnh đạo địa phương giao phó.

Tại Hội nghị, đồng chí Phạm Văn Chính, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh cũng bày tỏ cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ, đồng hành của Lãnh đạo TCTK, các đơn vị thuộc Tổng cục và toàn thể lãnh đạo, công chức và người lao động Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh trong suốt những năm công tác trong ngành Thống kê. Đồng chí gửi lời chúc ngành Thống kê Việt Nam nói riêng và Thống kê tỉnh Quảng Ninh nói riêng luôn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ quan trọng của Ngành và ngày càng phát triển./

Thu Hòa



TỔNG CỤC THỐNG KÊ CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỐNG KÊ II

Chiều ngày 26/4/2023, tại Trường Cao đẳng Thống kê II (Đồng Nai), Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội nghị Công bố Quyết định của Tổng cục trưởng TCTK về công tác cán bộ. Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến tham dự và chủ trì Hội nghị. Tham dự Hội nghị có đại diện lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ, Văn phòng Tổng cục; đại diện lãnh đạo các Cục Thống kê: TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Thuận, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu và cán bộ, giảng viên, viên chức và người lao động Trường Cao Đẳng Thống kê II.

Tại Hội nghị, đại diện lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ (TCTK) đã công bố Quyết định số 384/QĐ-TCTK ngày 17/4/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ông Trần Thanh Hùng thôi giữ chức vụ Hiệu trưởng và được bố trí công tác chuyên môn tại Trường Cao đẳng Thống kê II; Quyết định số 385/QĐ-TCTK ngày 17/4/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc giao ông Hà Đức Thủy, Phó Hiệu trưởng nhiệm vụ phụ trách Trường Cao đẳng Thống kê II.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến biểu dương đồng chí Trần Thanh Hùng trong thời gian công tác cũng như giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý Nhà trường đã cùng tập thể lãnh đạo, viên chức, người lao động Trường Cao đẳng Thống kê II đạt nhiều thành tích trong công tác. Cá nhân đồng chí Trần Thanh Hùng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ năm 2015 đến năm 2021. Qua đó, Phó Tổng cục trưởng ghi nhận và đánh giá cao những đóng góp của đồng chí Trần Thanh Hùng trong thời gian qua và chúc đồng chí dù ở vị trí nào cũng tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp của Trường Cao đẳng Thống kê II nói riêng và ngành Thống kê nói chung đạt được những thành tích cao nhất.



Đối với đồng chí Hà Đức Thủy, với vị trí Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Cao đẳng Thống kê II, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến đề nghị đồng chí và Trường Cao đẳng Thống kê II một số nội dung sau:

Thứ nhất, với trách nhiệm của người đứng đầu, đồng chí Hà Đức Thủy cần luôn gương mẫu, tiếp tục phát huy năng lực của bản thân trong công tác chỉ đạo, điều hành nhà Trường cũng như kết nối các thành viên của Trường Cao đẳng Thống kê II xây dựng lên tập thể đoàn kết, vững mạnh.

Thứ hai, đồng chí Hà Đức Thủy cùng tập thể lãnh đạo, viên chức, người lao động Trường Cao đẳng Thống kê II tiếp tục xây dựng Trường Cao đẳng Thống kê II thực sự trở thành một địa chỉ đào tạo đáng tin cậy về thống kê được xã hội, người học, phụ huynh tin tưởng và trân trọng.

Thứ ba, với những thuận lợi nhưng không ít khó khăn thách thức phía trước, tập thể Trường Cao đẳng Thống kê II càng phải đoàn kết để xây dựng một tập thể mạnh; luôn biết đổi mới trong công tác dạy và học để nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao chất lượng giảng viên, áp dụng chương trình và phương pháp đào tạo tiên tiến, hiện đại; Chuyển hướng phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng

chất lượng và hiệu quả đào tạo; đồng thời đảm bảo số lượng phù hợp với thực lực của Nhà trường trong từng thời kỳ.

Đại diện phát biểu nhận nhiệm vụ, Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Cao đẳng Thống kê II Hà Đức Thủy gửi lời cảm ơn tới Lãnh đạo Tổng cục Thống kê, Vụ TCCB - TCTK đã tin nhiệm và quyết định giao nhiệm vụ; đồng thời bày tỏ cảm ơn sâu sắc đối với tập thể Cấp ủy, Lãnh đạo trường, Hội đồng trường, cán bộ chủ chốt Nhà trường; và hứa sẽ tiếp tục duy trì sự đoàn kết trong Trường, làm tốt vai trò tập hợp, tạo điều kiện để phát huy hết khả năng, tâm huyết của tất cả mọi thành viên trong nhà trường để thực hiện có kết quả các mục tiêu, nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược của Trường; gương mẫu trong công tác và lối sống; khách quan, công tâm trong xử lý công việc. Phó hiệu trưởng phụ trách mong tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Tổng cục Thống kê; sự giúp đỡ có hiệu quả của các vụ thuộc TCTK, các Cục Thống kê tỉnh thành phố, các trường bạn; đặc biệt là sự hợp tác, chia sẻ với tinh thần cộng đồng trách nhiệm cao của toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên, học viên Trường Cao đẳng Thống kê II trong quá trình thực thi nhiệm vụ./.

Thu Hiền

Hội nghị công bố quyết định của Tổng cục trưởng TCTK VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA CTK TỈNH BẮC KẠN

Sáng ngày 26/4/2023, tại tỉnh Bắc Kạn, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội nghị công bố quyết định của Tổng cục trưởng TCTK về công tác cán bộ Cục Thống kê (CTK) tỉnh Bắc Kạn. Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thanh Dương chủ trì Hội nghị.

Tham dự hội nghị có đại diện lãnh đạo các đơn vị thuộc cơ quan TCTK; đại diện lãnh đạo CTK các tỉnh: Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang; Về phía CTK tỉnh Bắc Kạn có các đồng chí lãnh đạo Cục; lãnh đạo các Phòng, ban, Chi cục cùng toàn thể công chức, lao động CTK tỉnh Bắc Kạn.

Tại hội nghị, đồng chí Phan Thị Ngọc - Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ TCTK đã đọc thông báo Quyết định số 161/QĐ-TCTK ngày 01/02/2023 của Tổng cục trưởng TCTK về việc nghỉ hưu hưởng chế độ bảo hiểm xã hội từ ngày 01/5/2023 đối với đồng chí Triệu Tiến Ban, Cục trưởng CTK tỉnh Bắc Kạn; Công bố Quyết định số 375/QĐ-TCTK ngày 11/4/2023 của Tổng cục trưởng TCTK về việc giao nhiệm vụ cho đồng chí Phan Văn Lùng, Phó Cục trưởng CTK tỉnh Bắc Kạn phụ trách CTK tỉnh Bắc Kạn kể từ ngày 01/5/2023.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thanh Dương thay mặt Lãnh đạo Tổng cục chúc mừng đồng chí Triệu Tiến Ban, đồng chí Phan Văn Lùng cùng tập thể CTK tỉnh Bắc Kạn.

Với hơn 35 năm cống hiến cho ngành Thống kê, đồng chí Triệu Tiến Ban đã có những đóng góp quan trọng trong hoạt động công tác của CTK tỉnh Bắc Kạn. Cá nhân đồng chí Triệu Tiến Ban cũng đã



đạt được nhiều thành tích như: Bằng khen của UBND tỉnh Bắc Kạn, Bằng khen của Tổng cục trưởng TCTK, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Đối với đồng chí Phan Văn Lùng, được giao nhiệm vụ phụ trách Cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn là cơ hội để khẳng định khả năng của mình. Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Thanh Dương đề nghị đồng chí Phan Văn Lùng và Cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn một số nội dung: (i) Với trọng trách được giao, đồng chí Phan Văn Lùng tiếp tục gương mẫu, phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của người lãnh đạo, quản lý, phát huy tính dân chủ trong tập thể, cùng tập thể Lãnh đạo, công chức, người lao động CTK tỉnh Bắc Kạn hoàn thành tốt nhiệm vụ của Ngành và của Tỉnh giao. (ii) Tập thể Lãnh đạo CTK tỉnh Bắc Kạn tiếp tục nêu cao tinh thần đoàn kết, kế thừa những thành quả đã đạt được để đơn vị ngày càng phát triển hơn. (iii), CTK tỉnh Bắc Kạn tiếp tục bám sát chương trình, kế hoạch do Lãnh đạo Tổng cục,

Lãnh đạo Tỉnh giao đảm bảo triển khai tốt các cuộc điều tra, thu thập những thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn để tham mưu, giúp Lãnh đạo tỉnh đưa ra những chỉ đạo chính xác, kịp thời về tình hình kinh tế - xã hội. (vi) CTK tỉnh Bắc Kạn tiếp tục phối hợp tốt với CTK các tỉnh bạn cũng như phối hợp tốt với các sở, ngành, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện để đảm bảo hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao.

Tại hội nghị, phát biểu nhận nhiệm vụ, đồng chí Phan Văn Lùng cảm ơn sự tin nhiệm của Ban Lãnh đạo Tổng cục. Với nhiệm vụ mới, đồng chí Phan Văn Lùng hứa tiếp tục rèn luyện tu dưỡng đạo đức, nâng cao nghiệp vụ, nhiệt huyết với công việc cùng toàn thể công chức, lao động CTK tỉnh Bắc Kạn đoàn kết hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao; Tiếp tục phát huy truyền thống xây dựng CTK Bắc Kạn phát triển, đóng góp vào thành công chung của ngành Thống kê./

M.T

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CẢ NƯỚC 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp

Lúa đông xuân

Tính đến ngày 15/4/2023, cả nước gieo cấy được 2.949,5 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 98,6% cùng kỳ năm trước, trong đó: Các địa phương phía Bắc gieo cấy 1.066,2 nghìn ha, bằng 99%; các địa phương phía Nam gieo cấy 1.883,3 nghìn ha, bằng 98,4%. Diện tích gieo cấy lúa đông xuân giảm chủ yếu do chuyển đổi mục đích sử dụng đất để chuyển sang đất xây dựng, trồng rau màu, trồng cây lâu năm hoặc nuôi trồng thủy sản.

Đến trung tuần tháng Tư, các địa phương phía Nam đã thu hoạch được 1.568,4 nghìn ha lúa đông xuân, chiếm 83,3% diện tích gieo cấy và bằng 102,9% cùng kỳ năm trước. Theo kết quả sơ bộ, năng suất lúa đông xuân ước đạt 72 tạ/ha, tăng 1,2 tạ/ha so với năm trước do thời tiết tương đối thuận lợi và ứng dụng các mô hình trồng lúa công nghệ cao tiếp tục được nhân rộng; sản lượng ước đạt 10,6 triệu tấn, giảm 30,3 nghìn tấn do diện tích giảm 28,2 nghìn ha.

Chăn nuôi

Chăn nuôi gia súc, gia cầm 4 tháng đầu năm phát triển ổn định mặc dù chăn nuôi lợn gặp khó khăn do giá thức ăn ở mức cao trong khi giá thịt hơi ở mức thấp, nguy cơ tái phát dịch tả lợn châu Phi lớn. Tính đến thời điểm cuối tháng tư đàn lợn tăng 3,7% so cùng kỳ; đàn bò tăng 1,6%; gia cầm tăng 2,0%, đàn trâu giảm 2,3%.

Tính đến ngày 24/4/2023, cả nước không còn dịch tai xanh và dịch cúm gia cầm; dịch lở mồm long móng còn ở Bến Tre; dịch viêm da nổi cục còn ở Hà Tĩnh, Quảng Ngãi và dịch tả lợn châu Phi còn ở 13 địa phương chưa qua 21 ngày.

b) Lâm nghiệp

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 69,8 nghìn ha, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 35 triệu cây, tăng 6,3%; sản lượng gỗ khai thác đạt 4.627,8 nghìn m³, tăng 3,5%.

Diện tích rừng bị thiệt hại trong 4 tháng đầu năm 2023 là 534 ha, tăng 47,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Diện tích rừng bị chặt, phá là 356,3 ha, tăng 2,3%; diện tích rừng bị cháy là 177,7 ha, gấp 13 lần.

c) Thủy sản

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, sản lượng thủy sản ước đạt 2.637 nghìn tấn, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 1.942,6 nghìn tấn, tăng 1,2%; tôm đạt 285,5 nghìn tấn, tăng 1,9%; thủy sản khác đạt 408,9 nghìn tấn, tăng 0,6%. Trong đó, sản lượng nuôi trồng là 1.416,2 nghìn tấn, tăng 3,0%; sản lượng khai thác 1.220,8 nghìn tấn, giảm 0,8%.

2. Sản xuất công nghiệp

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước do kinh tế thế giới phục hồi chậm với chính sách thắt chặt tiền tệ ở nhiều quốc gia làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn dẫn đến đơn hàng sản xuất giảm, kim ngạch xuất khẩu giảm.

Trong đó, ngành khai khoáng giảm 2,8% (cùng kỳ năm 2022 tăng 4,1%), làm giảm 0,5 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành chế biến, chế tạo giảm 2,1%, làm giảm 1,5 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 0,5%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý

rác thải, nước thải tăng 5,5%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 4 tháng đầu năm 2023 của một số ngành trọng điểm cấp II giảm so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 9,6%; sản xuất xe có động cơ giảm 8,5%; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy giảm 7,9%; sản xuất trang phục giảm 7,4%;... Bên cạnh đó, chỉ số IIP của một số ngành tăng so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 14,3%; khai thác quặng kim loại tăng 14,1%; sản xuất đồ uống tăng 11,1%;...

Chỉ số sản xuất công nghiệp 4 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 52 địa phương và giảm ở 11 địa phương trên cả nước. Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá cao do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao (Tuyên Quang 14,8%; Đắk Lắk: 14,2%). Ở chiều ngược lại, một số địa phương có chỉ số IIP tăng thấp hoặc giảm (Trà Vinh 32,3%; Quảng Nam: 29,8%).

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/4/2023 tăng 0,7% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 3,5% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,1% và giảm 1,3%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,4% và giảm 2,7%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 0,9% và giảm 4,1%.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, cả nước có 49,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký gần 465 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký 331,4 nghìn lao động, tăng 0,6%

về số doanh nghiệp, giảm 26,8% về vốn đăng ký và giảm 4,8% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 4 tháng đầu năm 2023 đạt 9,3 tỷ đồng, giảm 27,2% so với cùng kỳ năm 2022. Nếu tính cả 604,6 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 17.174 doanh nghiệp tăng vốn, tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 4 tháng đầu năm 2023 là 1.069,6 nghìn tỷ đồng, giảm 46% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có gần 29 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (giảm 6,2% so với cùng kỳ năm 2022), nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 4 tháng đầu năm 2023 lên 78,9 nghìn doanh nghiệp, giảm 2% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân một tháng có 19,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 49,9 nghìn doanh nghiệp, tăng 21,8% so với cùng kỳ năm trước; 20,9 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 39,9%; 6,1 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 10,1%. Bình quân một tháng có 19,2 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

4. Đầu tư

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 131,2 nghìn tỷ đồng, bằng 19% kế hoạch năm và tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 18,5% và tăng 10,8%). Cụ thể:

- Vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý ước đạt 24,6 nghìn tỷ đồng, bằng 18,5% kế hoạch năm và tăng 30% so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý ước đạt

106,6 nghìn tỷ đồng, bằng 19,1% kế hoạch năm và tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/4/2023 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 8,88 tỷ USD, giảm 17,9% so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn đăng ký cấp mới có 750 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 4,11 tỷ USD, tăng 65,2% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 11,1% về số vốn đăng ký.

Trong số 51 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2023, Xin-ga-po là nhà đầu tư lớn nhất với 1,52 tỷ USD, chiếm 37% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Trung Quốc 526,2 triệu USD, chiếm 12,8%;...

- Vốn đăng ký điều chỉnh có 386 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 1,66 tỷ USD, giảm 68,6% so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 1.044 lượt với tổng giá trị góp vốn 3,11 tỷ USD, tăng 70,4% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 4 tháng đầu năm 2023 ước đạt 5,85 tỷ USD, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 4,7 tỷ USD, chiếm 80,5% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 4 tháng đầu năm 2023 có 41 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 140 triệu USD, giảm 51% so với cùng kỳ năm trước; có 11 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 13,5 triệu USD, giảm 67,8% so với cùng kỳ.

Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 153,5 triệu USD, giảm 53,2% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 4 tháng đầu năm 2023 có 20 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó: Xin-ga-po là nước dẫn đầu với 103,3 triệu USD, chiếm 67,3% tổng vốn đầu tư;...

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Thu ngân sách Nhà nước

Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước 4 tháng đầu năm 2023 ước đạt 645,4 nghìn tỷ đồng, bằng 39,8% dự toán năm và giảm 5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: *Thu nội địa* ước đạt 538,8 nghìn tỷ đồng, bằng 40,4% dự toán năm và giảm 2% so với cùng kỳ năm trước; *Thu từ dầu thô* tháng ước đạt 21,9 nghìn tỷ đồng, bằng 52,2% dự toán năm và giảm 9,6% so với cùng kỳ năm trước; *Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu* ước đạt 84,7 nghìn tỷ đồng, bằng 35,4% dự toán năm và giảm 19,9% so với cùng kỳ năm trước.

Chi ngân sách Nhà nước

Lũy kế tổng chi ngân sách nhà nước 4 tháng đầu năm 2023 ước đạt 500,3 nghìn tỷ đồng, bằng 24,1% dự toán năm và tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên ước đạt 355,4 nghìn tỷ đồng, bằng 30,3% dự toán năm và tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước; chi đầu tư phát triển đạt 110,6 nghìn tỷ đồng, bằng 15,2% và tăng 15,6%; chi trả nợ lãi 34 nghìn tỷ đồng, bằng 33% và giảm 3,3%.

6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 2.007,3 nghìn tỷ đồng, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố

giá tăng 8,3%. Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 1.581,4 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước (loại trừ yếu tố giá tăng 6,4%); Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 214,8 nghìn tỷ đồng, tăng 25,8% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 9,1 nghìn tỷ đồng, gấp gần 2,1 lần cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ khác ước đạt 202 nghìn tỷ đồng, tăng 16,5% so với cùng kỳ năm trước.

b) Xuất nhập khẩu hàng hóa

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 210,79 tỷ USD, giảm 13,6% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu hàng hóa

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 108,57 tỷ USD, giảm 11,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 28,58 tỷ USD, giảm 11%, chiếm 26,3% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 79,99 tỷ USD, giảm 12,1%, chiếm 73,7%.

Trong 4 tháng đầu năm 2023 có 20 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 83,8% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 05 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 57,4%).

Nhập khẩu hàng hóa

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 102,22 tỷ USD, giảm 15,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 36,62 tỷ USD, giảm 11,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 65,6 tỷ USD, giảm 17,4%.

Trong 4 tháng đầu năm 2023 có 19 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 75,8% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 02 mặt hàng nhập khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 37,1%).

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 4 tháng đầu năm 2023,

Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 28,4 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 33,3 tỷ USD. Trong 4 tháng đầu năm 2023, xuất siêu sang Mỹ ước đạt 24,4 tỷ USD, giảm 23,6% so với cùng kỳ năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 16,8 tỷ USD, giảm 18,1%...

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 6,35 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 2,35 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 8,04 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 14,39 tỷ USD.

c) Vận tải hành khách và hàng hóa

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, vận tải hành khách ước đạt 1.493,9 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 24,6% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển đạt 80,5 tỷ lượt khách.km, tăng 50,2%.

Vận tải hàng hóa Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, vận tải hàng hóa ước đạt 737,1 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 156,7 tỷ tấn.km, tăng 19,8% (cùng kỳ năm trước tăng 12%).

d) Khách quốc tế đến Việt Nam

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, khách quốc tế đến nước ta ước đạt hơn 3.683,7 nghìn lượt người, gấp 19,2 lần cùng kỳ năm trước nhưng vẫn chỉ bằng 61,7% so với cùng kỳ năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch Covid-19. Trong đó, khách đến bằng đường hàng không chiếm 88,7% lượng khách quốc tế đến Việt Nam và gấp 19,2 lần cùng kỳ năm trước.

Khách đến từ Châu Á đạt 2.673,5 nghìn lượt người, gấp 22,6 lần so cùng kỳ năm trước; Khách đến từ châu Âu đạt 522,2 nghìn lượt người, gấp 14,4 lần; khách đến từ châu Mỹ đạt 337,6 nghìn

lượt người, gấp 12,1 lần; từ châu Úc đạt 142,1 nghìn lượt người, gấp 15,6 lần và từ châu Phi là 8,3 nghìn lượt người, gấp 9,1 lần.

7. Một số tình hình xã hội

a) Đời sống dân cư

Về tác động của các sự kiện tiêu cực đến đời sống trong 4 tháng đầu năm 2023 được các hộ gia đình đánh giá: 32,1% hộ đang phải chịu những ảnh hưởng do giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng cao; 6,5% hộ gia đình chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh đối với con người và 2% hộ gia đình chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh đối với vật nuôi, cây trồng.

Trong 4 tháng đầu năm 2023, Chính phủ đã hỗ trợ hơn 18,2 nghìn tấn gạo cho 204,7 nghìn hộ với hơn 1,2 triệu nhân khẩu, trong đó: Hỗ trợ gạo cho người dân dịp Tết Nguyên đán là 16,9 nghìn tấn gạo; hỗ trợ cho người dân kỳ giáp hạt năm 2023 hơn 1,3 nghìn tấn gạo.

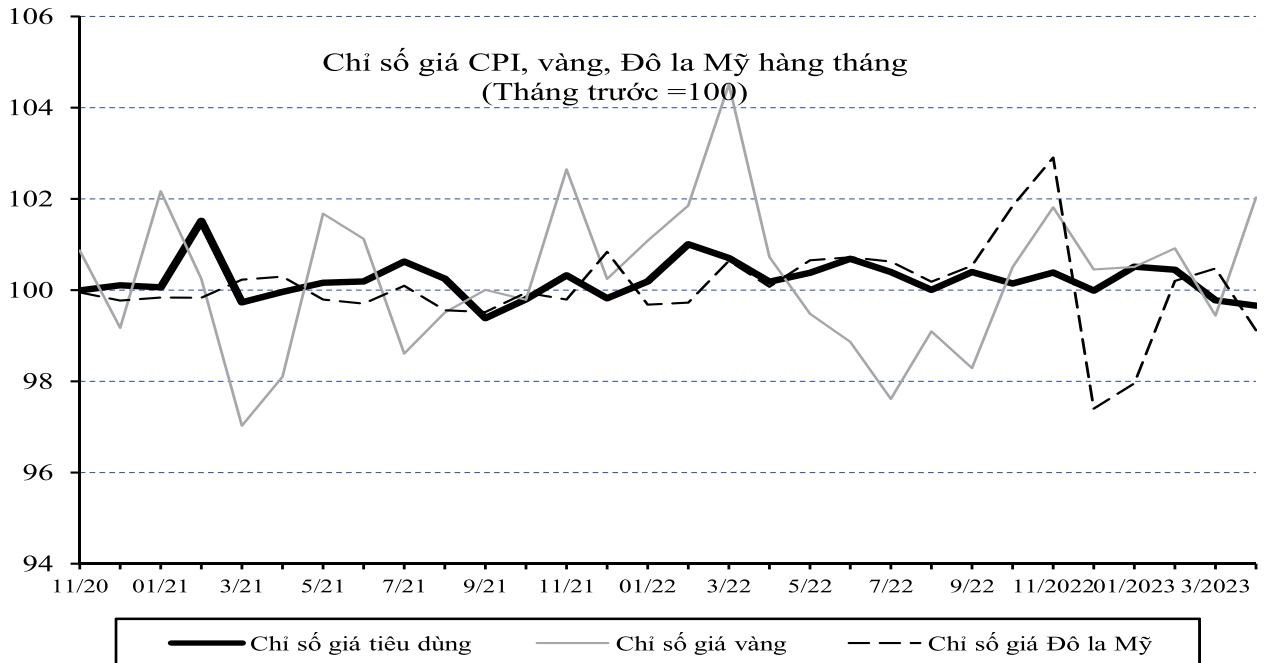
b) Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, cả nước có gần 26,3 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết; 4.409 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng...

Dịch Covid-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Tại Việt Nam, các địa phương tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống và kiểm soát dịch, đặc biệt là tại các khu vực cửa khẩu để phát hiện trường hợp nghi ngờ mắc Covid-19, nhất là các đối tượng nhập cảnh từ các khu vực đang bùng phát dịch, từ các nơi xuất hiện các biến thể mới. Kể từ ca mắc Covid-19 đầu tiên tại Việt Nam vào ngày 23/01/2020 đến ngày 26/4/2023, Việt Nam có hơn 11,5 triệu trường hợp mắc, trong đó 10,6 triệu trường hợp đã được chữa khỏi và 43,2 nghìn trường hợp tử vong.

(Xem tiếp trang 44)

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ THÁNG TƯ NĂM 2023



Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG TƯ NĂM 2023 SO VỚI				4 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 4 năm 2022	Tháng 12 năm 2022	Tháng 3 năm 2023	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	110,29	102,81	100,39	99,66	103,84
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	114,29	103,62	99,68	99,62	104,48
1- Lương thực	114,71	103,84	101,73	100,30	103,74
2- Thực phẩm	112,50	102,89	98,75	99,29	104,02
3- Ăn uống ngoài gia đình	118,65	105,35	101,16	100,13	105,95
II. Đồ uống và thuốc lá	109,77	103,63	101,06	100,12	103,89
III. May mặc, mũ nón, giày dép	105,84	102,31	100,45	99,92	102,56
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	112,20	105,20	101,21	99,17	106,67
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,10	102,29	100,51	99,92	102,65
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	103,29	100,62	100,18	100,02	100,63
Trong đó: Dịch vụ y tế	102,55	100,10	100,07	100,00	100,08
VII. Giao thông	109,98	96,06	103,81	100,43	97,73
VIII. Bưu chính viễn thông	97,48	99,67	99,74	99,86	99,72
IX. Giáo dục	110,94	105,98	96,31	98,70	109,08
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	110,99	106,22	95,75	98,51	109,74
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	103,78	102,99	100,09	99,55	104,42
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	110,26	103,33	101,40	100,35	103,34
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	149,99	98,91	102,92	102,04	100,66
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	101,65	102,50	97,74	99,11	103,21

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng

KỶ VỌNG KINH TẾ VIỆT NAM

ĐẠT MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG NĂM 2023

LTS: Để tăng trưởng kinh tế cả năm đạt 6,5%, trong 9 tháng còn lại của năm 2023, kinh tế cả nước cần phải tăng khoảng 7,5%. Đây là mức tăng khá cao trong bối cảnh các khó khăn, thách thức của quý I vẫn chưa thực sự chấm dứt. Vậy kinh tế Việt Nam năm 2023 liệu có đạt mục tiêu tăng trưởng đề ra? Phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện, Tổng cục Thống kê đã có cuộc trao đổi, phỏng vấn với Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê LÊ TRUNG HIẾU xoay quanh vấn đề này.

PV: GDP cả nước Quý I/2023 đạt mức tăng trưởng 3,32%, xin Ông cho biết những điểm sáng nào đóng góp vào mức tăng trưởng này?

Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu: Tăng trưởng quý I/2023 đạt 3,32% so với cùng kỳ, đây là mức tăng thấp nhưng đó là một nỗ lực của Việt Nam trong chính sách quản lý và điều hành. Trong bức tranh kinh tế này, có thể thấy những điểm sáng cần ghi nhận như:

Ngành nông nghiệp vẫn có mức tăng ổn định, quý I đạt 2,52% so với cùng kỳ, đảm bảo an ninh lương thực trong nước và duy trì tăng xuất khẩu các mặt hàng

chủ lực như: Gạo; rau, quả. Khối dịch vụ đánh dấu sự phục hồi mạnh mẽ, tăng 6,72% so với cùng kỳ. Các ngành dịch vụ lưu trú ăn uống, nghệ thuật vui chơi giải trí tăng cao bởi đóng góp lan tỏa của hoạt động du lịch và nhu cầu đi lại dịp lễ tết Nguyên Đán. Doanh thu của hoạt động du lịch, lữ hành quý I năm 2023 tăng 119,8% so với cùng kỳ; ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 28,4%; vận tải hành khách tăng 28,8%; khách quốc tế đến Việt Nam đã tăng 29,7 lần.

Lạm phát được kiểm soát. Quý I năm 2023 chỉ số giá tiêu dùng ở mức 4,22% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù là mức tăng cao hơn so với 2 năm trở lại và thấp hơn

so với quý I năm 2020, nhưng vẫn là mức tăng chưa đáng lo ngại và vẫn nằm trong phạm vi kiểm soát.

Tiêu dùng trong nước vẫn đảm bảo ổn định không bị suy giảm. Tiêu dùng quý I năm 2023 tăng 3,01% so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa vẫn tăng 11,4% so với cùng kỳ, trong đó một số nhóm tăng cao: nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 14,6%; nhóm hàng may mặc tăng 12,3%; nhóm xăng dầu các loại tăng 14,7%.

Hoạt động đầu tư vẫn tăng. Mặc dù có dấu hiệu chậm lại nhưng vốn đầu tư toàn xã hội vẫn đạt mức tăng 3,7%, trong đó vốn đầu tư khu vực nhà nước đạt 11,5% so với cùng kỳ; khu vực ngoài nhà nước

vẫn tăng là 1,8%. Số liệu cho thấy, mặc dù hoạt động đầu tư của khu vực ngoài nhà nước tăng thấp nhưng khu vực này vẫn đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất. Đặc biệt, khu vực Nhà nước đang nỗ lực trong việc giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm, tạo động lực cho nền kinh tế.

Tình hình lao động, việc làm phục hồi tích cực. Lao động 15 tuổi trở lên có việc làm trong quý I năm 2023 ước tăng 1,1 triệu người so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động ước giảm 0,21 điểm phần trăm; thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương là 7,9 triệu đồng/tháng, tăng 578 nghìn đồng.

Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tuy sụt giảm nhưng vẫn đảm bảo xuất siêu. Kim ngạch xuất khẩu Việt Nam quý I năm 2023 đạt 79,17 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 75,10 tỷ USD, Việt Nam xuất siêu 4,07 tỷ USD. Trong đó, các mặt hàng xuất khẩu tăng là những mặt hàng Việt Nam chủ động được về sản xuất như: Gạo, rau quả, hạt điều, dầu thô, vận tải và phụ tùng.

PV: Thời gian tới, nền kinh tế phải đối mặt với những thuận lợi và khó khăn như thế nào, thưa Ông?

Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu: Tình hình kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, song vẫn có triển vọng tích cực và được các tổ chức quốc tế, uy tín đánh giá cao. Một số điểm sáng đối với kinh tế thế giới trong năm 2023 có thể giúp giảm bớt áp lực đối với điều hành vĩ mô của nền kinh tế, bao gồm áp lực lạm phát toàn cầu, tỷ giá, tăng mặt bằng lãi suất đã chậm lại và Trung Quốc nới lỏng chính sách "Zero-Covid". Sự phục hồi

của nền kinh tế trong năm 2023 sẽ tiếp tục được hưởng lợi từ việc thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Thuận lợi cho phát triển kinh tế trong thời gian tới có thể kể đến như:

Thứ nhất, giải ngân đầu tư công sẽ có khả năng bứt phá trong năm 2023 do đây là năm cuối thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội theo Nghị quyết 11/CP. Đầu tư công được đẩy mạnh sẽ có tác dụng gia tăng nền tảng kết cấu, cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của khu vực doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh; khơi thông nguồn lực đầu tư công có tác dụng thúc đẩy nhiều ngành, lĩnh vực. Là nguồn vốn mới thúc đẩy đầu tư tư nhân, thúc đẩy sản xuất, kích cầu nền kinh tế phát triển.

Thứ hai, hoạt động du lịch trong thời kỳ dịch bệnh Covid-19 bị đình trệ nhưng thời gian tới sẽ có nhiều khởi sắc. Chúng ta đã có những chương trình khởi động mùa du lịch và quảng bá mạnh mẽ du lịch tới các bạn bè quốc tế. Đặc biệt, do đặc thù du lịch là ngành dịch vụ thị trường có tính chất lan tỏa nên nhiều ngành dịch vụ khác sẽ sôi động hơn trong thời gian tới như vận tải, hoạt động ăn uống,

khách sạn, nhà hàng, nghệ thuật, vui chơi giải trí,...

Thứ ba, ngành nông nghiệp tiếp tục thể hiện vai trò là "trụ đỡ" vững chắc của nền kinh tế nước ta; không chỉ bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm trong nước mà có cơ hội mang lại nguồn thu ngoại tệ từ hoạt động xuất khẩu nông sản; bảo đảm an ninh lương thực và góp phần duy trì ổn định tăng trưởng năm 2023.

Thứ tư, Trung Quốc xóa bỏ chính sách "Zero-Covid", mở cửa biên giới và bỏ giới hạn đi lại quốc tế là cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu, kết nối nguồn cung nhập khẩu nguyên vật liệu bị gián đoạn do dịch bệnh, kỳ vọng sẽ tạo sức bật cho hoạt động xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng nông sản và thủy sản của nước ta. Đồng thời đây cũng là cơ hội để ngành du lịch, dịch vụ của Việt Nam phát triển nhờ thu hút khách du lịch quốc tế, đặc biệt là du khách đến từ Trung Quốc.

Thứ năm, lãi suất của các ngân hàng đang dần hạ nhiệt giúp ổn định thị trường tiền tệ sẽ tạo cơ hội cho tiêu dùng nội địa tăng, kích thích sản xuất, kinh doanh, tạo động lực cho tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Thứ sáu, tình hình lao động, việc làm phục hồi tích cực; tỷ lệ



thất nghiệp, thiếu việc làm giảm, thu nhập của lao động có xu hướng tăng. Các hỗ trợ để tăng cường kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm, hỗ trợ người dân, người lao động bị mất việc, giảm giờ làm đang được tích cực đẩy mạnh.

Thứ bảy, cầu tiêu dùng của người dân kỳ vọng sẽ ổn định và tiếp tục gia tăng cùng với nhu cầu du lịch sẽ là yếu tố động lực tích cực của nền kinh tế trong thời gian tới.

Song song với những thuận lợi, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với một số khó khăn như:

Thứ nhất, kinh tế thế giới 2023 được dự báo tiếp tục có nhiều biến động phức tạp, lạm phát toàn cầu mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, giá năng lượng thế giới tăng cao, chiến sự Nga-U-crai-na với nhiều diễn biến bất ngờ, ngoài dự đoán, nguy cơ suy thoái kinh tế ở các nền kinh tế lớn như Mỹ và EU vẫn hiện hữu và ngày càng rõ nét khi lạm phát kéo dài trong nhiều tháng liên tiếp cùng với lãi suất tăng nóng. Gần đây, sự sụp đổ của ngân hàng Mỹ và sáp nhập của ngân hàng Credit Suisse của Thụy Sĩ đã phần nào ảnh hưởng tới tâm lý người tiêu dùng ở các nước trên thế giới. Với một quốc gia có độ mở lớn như Việt Nam thì những thay đổi về kinh tế, địa chính trị và sinh thái đều tác động đến triển vọng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong thời gian tới.

Thứ hai, lạm phát, giá cả tăng cao gây áp lực lớn lên hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước. Việt Nam là nước nhập khẩu lớn về nguyên liệu phục vụ sản xuất, khi giá nguyên, vật liệu đầu vào thế giới đang ở mức cao nên sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh

nh nghiệp trong nước và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên gây sức ép lên mặt bằng giá chung.

Thứ ba, số lượng đơn hàng sụt giảm. Đây là một trong những nguyên nhân khiến tăng trưởng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm âm. Trong thời gian tới, tình trạng này chưa có dấu hiệu khả quan nên vẫn là cảnh báo khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất.

Thứ tư, dịch Covid-19 đang có dấu hiệu quay trở lại. Trong nước đã xuất hiện nhiều ca mắc Covid-19 và tình hình lây nhiễm diễn biến phức tạp. Mặc dù, Việt Nam đã luôn chủ động trong việc phòng chống dịch và đẩy kinh nghiệm ứng phó nhưng cũng không thể chủ quan trước tính hình dịch bệnh, cần phản ứng kịp thời và linh hoạt tránh làm hỏng những thành quả mà toàn Đảng, toàn dân đã nỗ lực đạt được thời gian qua.

PV: Với những thuận lợi, khó khăn như đã phân tích và trước bối cảnh nền kinh tế thế giới nhiều bất ổn, Ông đánh giá thế nào về mục tiêu tăng trưởng 6,5% cho năm nay và yếu tố nào dẫn dắt nền kinh tế tăng trưởng trong năm 2023?

Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu: Theo kịch bản tăng trưởng đã đề ra trong Nghị quyết số 01/NQ/CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, để đạt mục tiêu cả năm tăng trưởng 6,5% trong năm 2023 thì quý I và quý II cần phải đạt được mức tăng lần lượt là: 5,6% và 6,7%. Tuy vậy, kết quả biên soạn GDP cho thấy, kinh tế cả nước quý I/2023 chỉ ước đạt 3,32%, thấp hơn nhiều so với kế hoạch (thấp hơn 2,3 điểm phần trăm), chủ yếu do các ngành công nghiệp giảm 0,82% so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là công nghiệp

chế biến chế tạo (chiếm trên 60% giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp, đóng góp chủ yếu đến tốc độ tăng trưởng toàn ngành công nghiệp và toàn bộ nền kinh tế) giảm 0,37%¹; xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp chế biến chế tạo như: Linh kiện điện tử, dệt may, da giày,... sụt giảm, thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng cùng kỳ năm 2022 do thiếu hụt đơn hàng nước ngoài đối với các mặt hàng công nghiệp chế biến chế tạo để gia công, sản xuất tại Việt Nam.

Để tăng trưởng kinh tế cả năm đạt 6,5%, trong 9 tháng còn lại của năm 2023, kinh tế cả nước cần phải tăng khoảng 7,5%. Đây là mức tăng khá cao, trong bối cảnh các khó khăn, thách thức của quý I vẫn chưa thực sự chấm dứt; đơn hàng nước ngoài chưa có nhiều chuyển biến rõ nét do thế giới vẫn tồn tại nhiều yếu tố, rủi ro tiềm ẩn nên cầu tiêu dùng thế giới vẫn yếu và khó dự báo.

Tuy nhiên, năm 2023 là năm bản lề để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế đất nước giai đoạn 2021-2025, tất cả các nguồn lực sẽ được huy động và quyết tâm thực hiện trọn vẹn, hiệu quả nhất các giải pháp phát triển kinh tế.

Theo quan sát của Tổng cục Thống kê, xu hướng tăng trưởng kinh tế Việt Nam thường tăng thấp trong quý I, gia tăng dần ở quý II, sau đó bứt phá ở nửa cuối năm. Năm 2023, kinh tế Việt Nam vẫn có thể đi theo xu hướng này khi hoạt động sản xuất công nghiệp đang có xu hướng tăng dần, thể hiện qua chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng Hai tăng hơn 5% so với tháng Một và tháng Ba ước tính tăng 9,4%

1. Tốc độ tăng/giảm giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý I so với cùng kỳ năm trước các năm trong giai đoạn 2011-2023 lần lượt là: 11,90%; 8,11%; 3,83%; 5,15%; 8,36%; 8,35%; 7,03%; 10,92%; 9,95%; 5,55%; 8,63%; 7,85%; -0,37%.

so với tháng Hai và tính chung 3 tháng đầu năm giảm 2,2% so với cùng năm trước và làm cho giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp giảm 0,82%. Do vậy, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới hiện nay, kinh tế quý II Việt Nam còn nhiều khó khăn, chưa thể có tăng trưởng bút phá nhưng sẽ có cải thiện so với quý I. Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, chúng tôi kỳ vọng kinh tế Việt Nam sẽ có những bút phá vượt trội trong các tháng cuối năm.

Bên cạnh đó, năm 2023, các tổ chức quốc tế và nhiều chuyên gia kinh tế đã có cái nhìn khả quan hơn đối với triển vọng toàn cầu. Tuy dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2023 vẫn còn thấp nhưng đã cải thiện đáng kể so với mức dự báo ở thời điểm cuối năm 2022. Tuy nhiên, nguy cơ suy thoái kinh tế ở các nền kinh tế lớn như Mỹ và EU vẫn hiện hữu và ngày càng rõ nét khi lạm phát kéo dài trong nhiều tháng liên tiếp cùng với lãi suất tăng nóng. Kinh tế thế giới năm 2023 được dự báo tiếp tục có nhiều biến động phức tạp, lạm phát toàn cầu mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, giá năng lượng thế giới tăng cao, chiến sự Nga - Ucraina với nhiều diễn biến bất ngờ, ngoài dự đoán. Gần đây, sự sụp đổ của ngân hàng Mỹ và sáp nhập của ngân hàng Credit Suisse của Thụy Sĩ đã phần nào ảnh hưởng tới tâm lý người tiêu dùng ở các nước trên thế giới. Với một quốc gia có độ mở lớn như Việt Nam thì những thay đổi về kinh tế, địa chính trị và sinh thái đều tác động đến triển vọng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Những tác động đó sẽ ảnh hưởng tới nền kinh tế Việt Nam, ít nhất trong nửa đầu năm 2023 và khả năng hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2023. Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn đó vẫn hé lộ những tín hiệu lạc quan. Có thể kể đến một số yếu tố dẫn dắt cho kinh tế Việt Nam năm 2023 như:

Theo góc độ sản xuất:

Ngành nông nghiệp đang thực hiện quá trình tái cơ cấu chuyển từ "sản xuất nông nghiệp" sang "kinh tế nông nghiệp" và đã đạt được những kết quả tích cực, sẽ tiếp tục thể hiện vai trò là "trụ đỡ" vững chắc của nền kinh tế Việt Nam, không chỉ bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm trong nước mà còn khẳng định vị trí là nước xuất khẩu nông sản hàng đầu, đóng vai trò quan trọng trong bảo đảm an ninh lương thực và đóng góp ổn định trong tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Đối với ngành công nghiệp, mặc dù có dấu hiệu sụt giảm trong quý I/2023, nhưng một số ngành công nghiệp chế biến vẫn duy trì được mức tăng trưởng với chỉ số sản xuất khá tốt, tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng.

Khu vực dịch vụ trong năm 2023 được dự báo sẽ tiếp tục có sự tăng trưởng khá, nhất là hoạt động thương mại điện tử có xu hướng phát triển mạnh trong những năm gần đây. Khách du lịch trong nước và quốc tế tiếp tục dự báo tăng cao, khi đó những ngành chưa hoàn toàn phục hồi, hoặc phục hồi chậm so với trước đại dịch sẽ tăng trưởng cao như: Dịch vụ lưu trú, ăn uống; vận tải, hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; nghệ thuật vui chơi, giải trí...

Ngành xây dựng có nhiều tín hiệu khả quan, khi trong năm 2023 sẽ khởi công đồng loạt

12 dự án thành phần thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025. Ngoài ra, các công trình xây dựng lớn phục vụ hoạt động SXKD đã hoàn thành trong năm 2022 giúp tăng thêm năng lực sản xuất cho nền kinh tế cũng sẽ là một trong các động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

Theo góc độ sử dụng:

Năm 2023 là điểm rơi của đầu tư công trung hạn và giải ngân thực hiện gói đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội. Khi thực hiện đây sẽ là nguồn vốn mới thúc đẩy đầu tư tư nhân, kích cầu nền kinh tế.

Ngoài ra, chính sách dịch chuyển dòng vốn FDI của các doanh nghiệp Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và điểm đến có thể là Việt Nam. Theo đó, các công ty tại Việt Nam tiếp tục đa dạng hóa chuỗi cung ứng, đây cũng sẽ là động lực cho tăng trưởng kinh tế năm 2023.

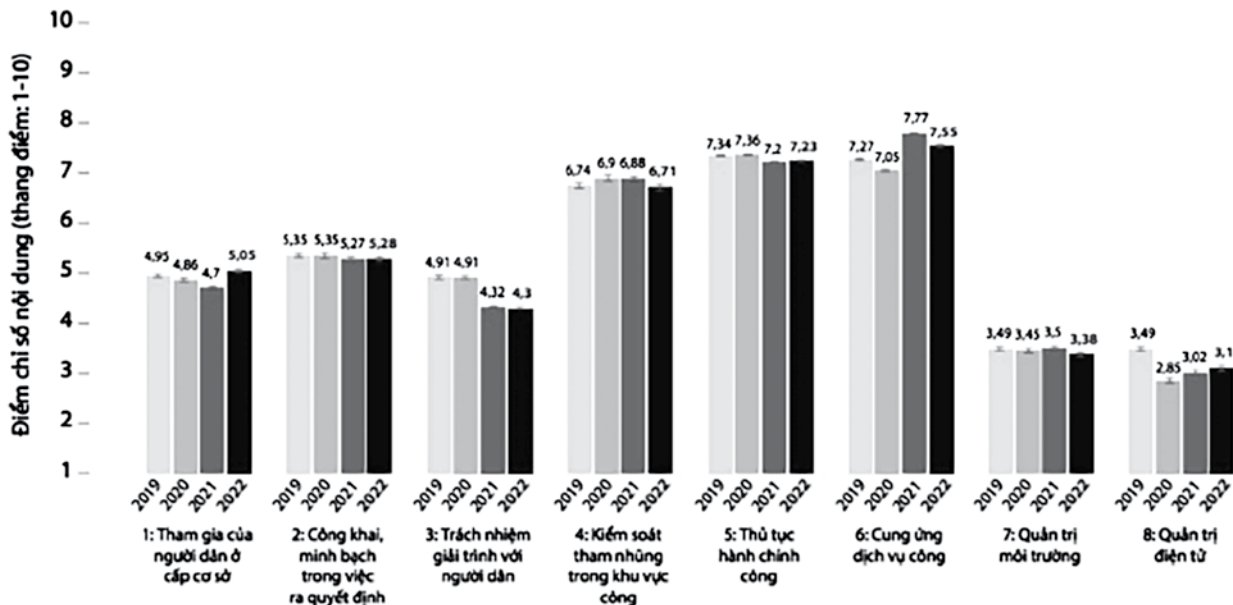
Một yếu tố khác là cầu tiêu dùng năm 2023 sẽ tiếp tục hồi phục sau đại dịch và được hỗ trợ từ nhu cầu du lịch trong nước. Bên cạnh đó, mặc dù năm 2023 được dự báo sẽ khó khăn khi xuất khẩu đến các đối tác thương mại lớn của Việt Nam như Mỹ, EU; tuy nhiên, Việt Nam có thể bù đắp ở các thị trường FTA thế hệ mới như RCEP. Đặc biệt, với việc Trung Quốc mở cửa trở lại, Việt Nam có thể xuất khẩu những mặt hàng tiêu dùng vào thị trường hơn 1,4 tỷ dân sau thời gian dài cách ly. Cùng với đó, lượng lớn khách du lịch từ Trung Quốc sẽ đến Việt Nam (năm 2019 khách Trung Quốc chiếm 30% khách du lịch quốc tế vào Việt Nam), kéo theo xuất khẩu dịch vụ sẽ tăng mạnh.

PV: Trân trọng cảm ơn Ông!

CHỈ SỐ PAPI NĂM 2022: BỨC TRANH NHIỀU MÀU SẮC VỀ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG

ThS. Võ Thị Khánh Linh
Đại học Nông lâm Bắc Giang

Báo cáo Chỉ số hiệu quả và quản trị hành chính công cấp tỉnh PAPI năm 2022 đã đưa ra những phát hiện về hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh với 8 chỉ số nội dung và điểm Chỉ số PAPI tổng hợp. Theo đó, trong năm 2022, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp có những thăng trầm nhất định ở từng nhóm lĩnh vực được thể hiện qua mức độ thay đổi về điểm ở 8 chỉ số nội dung.



Xu thế biến đổi của 8 chỉ số nội dung PAPI qua các năm 2019-2022

Tham gia của người dân ở cấp cơ sở

Chỉ số nội dung 'Tham gia của người dân ở cấp cơ sở' được chú ý nhiều hơn trong bối cảnh Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 có hiệu lực. Tương tự với kết quả những năm trước, các tỉnh/thành phố đạt điểm thuộc nhóm 'cao' có xu hướng tập trung nhiều hơn ở phía Bắc. Phần lớn các tỉnh/thành phố dẫn đầu chỉ số này đều thuộc vùng đồng bằng sông Hồng,

trong khi một số tỉnh/thành phố Duyên hải Nam Trung bộ cũng vươn lên nhóm 1/4 tỉnh/thành phố có điểm số cao nhất. So với kết quả năm 2021, 33 tỉnh/thành phố có mức gia tăng về điểm và 5 tỉnh/thành phố có mức sụt giảm điểm đáng kể.

Việc bầu cử trường thôn/tổ trưởng tổ dân phố đã diễn ra ở tất cả các tỉnh/thành phố trong năm 2022. Tuy nhiên, dữ liệu khảo sát cho thấy, nhiều người dân

chưa thực hiện đầy đủ quyền bầu cử của mình. Ở 16 địa phương, chưa tới 50% số người trả lời cho biết họ được mời tham gia bầu chọn trường thôn/tổ trưởng tổ dân phố. Ngoài ra, ở 28 tỉnh/thành phố, chưa đến 50% số người trả lời cho biết có ít nhất hai ứng cử viên để bầu chọn trường thôn/tổ trưởng tổ dân phố. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, tất cả các tỉnh/thành phố cần cải thiện nhiều ở chỉ tiêu về phổ biến kiến thức

về các vấn đề chính sách, pháp luật quan trọng liên quan tới người dân, cũng như tăng cường sự tham gia của người dân vào các dự án cơ sở hạ tầng tại địa phương. Đặc biệt, hầu hết các tỉnh/thành phố cần nỗ lực hơn nữa trong nâng cao nhận thức của người dân về những văn bản pháp luật quan trọng như Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định ở địa phương

Để tìm hiểu tác động của các chính sách đến cuộc sống và sinh kế của người dân, PAPI xem xét những nỗ lực của chính quyền địa phương trong tạo điều kiện để người dân tiếp cận thông tin và thực hiện các quyền của mình. Chỉ số nội dung này được đo lường bằng bốn nội dung thành phần, gồm: (i) Tiếp cận thông tin; (ii) Công khai danh sách hộ nghèo, (iii) Công khai thu, chi ngân sách cấp xã/phường; và (iv) Công khai kế hoạch sử dụng đất, bảng giá đất.

Tương tự kết quả các năm trước, các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có xu hướng đạt kết quả tốt hơn ở Chỉ số nội dung 2. Trong khi đó, các tỉnh đạt điểm thấp hơn tập trung nhiều hơn ở khu vực Tây Nguyên và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đáng khích lệ là có 18 tỉnh/thành phố đạt mức điểm cao hơn đáng kể, và khoảng điểm của cả nước tăng nhẹ so với năm 2021. Phân tích sâu hơn cho thấy, việc tiếp cận thông tin đất đai của người dân vẫn còn rất hạn chế ở tất cả các tỉnh/thành phố. Người dân cho rằng giá bồi thường thu hồi đất thấp hơn so với giá giao dịch trên thị trường.

Số liệu cũng cho thấy, chưa có tỉnh/thành phố nào thực hiện tốt

việc phổ biến và thực thi đầy đủ Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, chỉ có khoảng 20% số người cần thông tin về chính sách, pháp luật của Nhà nước cho biết đã nhận được thông tin họ cần. Mức độ tin tưởng của người dân vào việc lập danh sách hộ nghèo còn thấp ở hầu hết các tỉnh/thành phố, trong khi chưa có cải thiện rõ rệt nào trong công khai thông tin về thu, chi ngân sách cấp xã so với năm 2021.

Trách nhiệm giải trình với người dân

Chỉ số nội dung này gồm ba nội dung thành phần: (i) Mức độ và hiệu quả tương tác với chính quyền địa phương; (ii) Giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân; và (iii) Tiếp cận dịch vụ tư pháp. Những chỉ báo cụ thể này phản ánh hiệu quả của các cấp chính quyền trong giải quyết các yêu cầu, đề nghị, tố cáo, khiếu nại, kiến nghị của công dân.

Tương tự kết quả năm 2021, các tỉnh/thành phố trong nhóm 'cao' hoặc 'trung bình-cao' tập trung nhiều ở phía Bắc. Mặt khác, hầu hết các tỉnh vùng Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long vẫn nằm trong nhóm "trung bình - thấp" và "thấp". Nhìn chung, so với năm 2021, không có sự tiến bộ đáng kể trong việc thực hiện trách nhiệm giải trình với người dân ở 45 tỉnh/thành phố.

Trong ba nội dung thành phần, các tỉnh/thành phố đạt điểm thấp nhất ở nội dung về xử lý khiếu nại, tố cáo và đề xuất của công dân. Trung bình chưa đến 50% người trả lời trên toàn quốc cho biết họ hài lòng với kết quả nhận được khi gửi đề xuất, khuyến nghị, tố giác tới chính quyền địa phương. Các cơ chế giải quyết tranh chấp dân sự phi tòa án cũng chưa được người dân tin tưởng. Bên cạnh đó,

khi có khúc mắc, người dân có xu hướng tìm tới cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn hơn đại biểu dân cử của họ ở Hội đồng nhân dân xã/phường/thị trấn.

Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công

Chỉ số nội dung này đo lường cảm nhận và trải nghiệm của người dân về hiệu quả phòng, chống tham nhũng của các cấp chính quyền. Bốn nội dung thành phần của Chỉ số nội dung 4 gồm: (i) Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương; (ii) Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công; (iii) Công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực công; và (iv) Quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương.

Xu hướng đáng lưu ý nhất là hiệu quả kiểm soát tham nhũng trong khu vực công của các cấp chính quyền địa phương có phần giảm sút trong năm 2022, sau khi tăng liên tục trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2021. Dù chiến dịch phòng, chống tham nhũng được triển khai mạnh mẽ khắp cả nước, chưa tới 75% số người trả lời ở tất cả các tỉnh/thành phố cho rằng, chính quyền địa phương đã nghiêm túc trong phòng, chống tham nhũng. Ở 42 tỉnh/thành phố, tỉ lệ này chỉ ở mức dưới 50%.

Tương tự kết quả của những năm trước, hiện trạng "chung chi" để có việc làm trong khu vực nhà nước vẫn khá phổ biến ở tất cả các tỉnh/thành phố. Tỉ lệ người làm thủ tục hành chính xin cấp mới hoặc cấp đổi GCNQSDĐ đã phải chi 'lót tay' giảm ở 34 tỉnh/thành phố, tuy nhiên vấn đề này vẫn phổ biến ở các tỉnh còn nghèo như Đắk Lắk, Quảng Trị và Sơn La. Tỉ lệ người sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ở bệnh viện

công tuyến huyện cho biết, họ đã phải trả chi phí ngoài quy định để được chăm sóc tốt hơn dao động từ 40% đến 80% ở 42 tỉnh/thành phố, tương tự kết quả năm 2021.

Đối mặt với hành vi nhũng nhiễu của cán bộ, công chức, người dân chỉ bắt đầu tố giác khi số tiền bị vòi vĩnh lên tới khoảng từ 20 triệu VNĐ đến 43 triệu VNĐ. Điều này phản ánh mức độ 'chịu đựng' tham nhũng của người dân.

Với Chỉ số nội dung 4, khác với kết quả ở ba chỉ số trước, nhiều tỉnh/thành phố thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long vươn lên nhóm 'cao'; trong khi nhiều tỉnh/thành phố thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc và vùng Tây Nguyên lại ở trong nhóm 'thấp'. So với kết quả năm 2021, 7 tỉnh/thành phố (gồm Tiền Giang, Sóc Trăng, Cà Mau, Vĩnh Phúc, Bà Rịa - Vũng Tàu, Khánh Hòa và Điện Biên) có mức gia tăng về điểm đáng kể trong năm 2022.

Thủ tục hành chính công

Chỉ số nội dung 5 đo lường chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công ở những lĩnh vực cần thiết nhất cho đời sống của người dân, bao gồm 3 chỉ số thành phần: (i) Dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền cơ sở; (ii) Dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ); và, (iii) Dịch vụ hành chính công cấp xã/phường. Qua các chỉ tiêu trên, các cấp chính quyền có thể đánh giá mức độ

chuyên nghiệp và khả năng đáp ứng yêu cầu của người dân đối với dịch vụ hành chính công.

Năm 2022, một nửa trong số 32 tỉnh/thành phố trong hai nhóm 'cao' và 'trung bình-cao' thuộc hai vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long. Trong khi đó, các tỉnh có số điểm trong nhóm 'trung bình-thấp' hoặc 'thấp' tập trung chủ yếu ở hai vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

So với kết quả những năm trước, dịch vụ hành chính cấp mới/cấp đổi GCNQSDĐ vẫn còn nhiều vấn đề hơn so với các dịch vụ hành chính công khác như chứng thực, xác nhận của chính quyền địa phương, các thủ tục nhân thân và các thủ tục khác do cấp xã thực hiện. Trễ hẹn trả GCNQSDĐ là vấn đề nổi cộm nhất ở hầu hết các tỉnh/thành phố. Điểm tích cực là tại hơn nửa số tỉnh/thành phố (38 đơn vị), người đi làm thủ tục xin cấp mới/cấp đổi GCNQSDĐ năm 2022 cho biết họ ít phải đi qua nhiều cửa, gặp nhiều người hơn năm trước.

Tương tự, người dân thực hiện các thủ tục nhân thân hoặc thủ tục hành chính cấp xã ở hầu hết các tỉnh/thành phố có trải nghiệm khá tốt với dịch vụ này. Tuy nhiên, các tỉnh Điện Biên, Hòa Bình, Kon Tum và Quảng Trị chưa đạt được mức điểm cao từ người dùng dịch vụ hành chính công cấp xã.

Cung ứng dịch vụ công

Chỉ số nội dung 'Cung ứng dịch vụ công' đo lường mức độ hiệu quả cung ứng bốn dịch vụ công căn bản cho người dân, gồm: (i) Y tế công lập, (ii) Giáo dục tiểu học công lập, (iii) Cơ sở hạ tầng căn bản, và (iv) An ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư. Thông qua khảo sát PAPI, người dân đánh giá mức độ thuận tiện, chất lượng và mức độ sẵn có của các dịch vụ công trên.

Các tỉnh/thành phố trong hai nhóm 'cao' và 'trung bình-cao' ở chỉ số nội dung này chủ yếu tập trung ở vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ, và Duyên hải miền Trung. Tuy nhiên, các tỉnh/thành phố ở hai vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên vẫn tập trung ở hai nhóm 'trung bình-thấp' và 'thấp', tương tự như kết quả khảo sát những năm trước. Trong khi đó, có tới 40 tỉnh/thành phố không có sự thay đổi đáng kể nào qua hai năm.

Tương tự kết quả năm 2021, bệnh viện công huyện, quận, thành phố ở tất cả các tỉnh/thành phố cần cải thiện ở tất cả 10 tiêu chí đánh giá. Về chất lượng trường tiểu học công lập, hiện tượng giáo viên ưu ái học sinh tham gia các lớp học thêm vẫn còn tồn tại tương tự như những năm trước. Điều kiện đường sá gần nhà dân có mức độ khác biệt lớn giữa các tỉnh/thành phố chênh lệch về điều kiện kinh tế, trong khi tần suất thu gom rác thải ở các khu vực đã đô thị hóa phần lớn thường xuyên hơn so với khu vực đô thị.

Tình hình an ninh, trật tự địa bàn khu dân cư có xu hướng sụt giảm ở gần một nửa số tỉnh/thành phố, tỉ lệ người trả lời cho biết họ là nạn nhân của một trong bốn loại hình tội phạm an ninh, trật tự (đột nhập vào nhà, cướp giật, mất trộm, hoặc bị trộm hành hung) tăng ở 28 tỉnh/thành phố.

Quản trị môi trường

Chỉ số nội dung 'Quản trị môi trường' nhằm nắm bắt đánh giá của người dân về chất lượng không khí và chất lượng nguồn nước sinh hoạt nơi cư trú, cũng như sự tuân thủ của chính quyền địa phương và doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường.



Tương tự với kết quả những năm trước, mối quan ngại về môi trường vẫn tập trung ở vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ, nơi tập trung nhiều tỉnh/thành phố phát triển công nghiệp, bên cạnh vùng Tây Nguyên. Vùng đồng bằng sông Cửu Long dường như có kết quả đánh giá khả quan hơn so với 5 vùng kinh tế - xã hội còn lại, với 11/13 tỉnh/thành phố trong vùng có điểm số tích cực. Theo đánh giá, việc thiếu nghiêm túc trong thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương và chất lượng nguồn nước sinh hoạt là lý do chính dẫn tới điểm số của các tỉnh/thành phố ở chỉ số nội dung này còn rất thấp.

So với kết quả khảo sát năm 2021, tỉ lệ người trả lời cho biết doanh nghiệp hoạt động ở địa phương họ sinh sống không phải "chung chi" với chính quyền để trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường giảm ở 49 tỉnh/thành phố. Tỉ lệ cho biết chính quyền địa phương đã xử lý vấn đề môi trường ngay sau khi nhận được thông báo của họ tăng ở 21 tỉnh/thành phố. Trong khi đó, tỉ lệ người dân cho rằng, chính quyền địa phương có ưu tiên bảo vệ môi trường thay vì tập trung phát triển kinh tế bằng mọi giá tăng lên ở khoảng 2/3 số tỉnh/thành phố. Tỉ lệ người trả lời đánh giá chất lượng không khí đạt mức 'tốt' tăng lên ở 32 tỉnh/thành phố. Ngược lại, chất lượng nguồn nước vẫn đánh giá ở mức kém.

Quản trị điện tử

Chỉ số nội dung 'Quản trị điện tử' đo lường các khía cạnh về độ sẵn có của cổng thông tin điện tử, mức độ tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến, và mức độ sử dụng internet của người dân - điều kiện thiết yếu để người dân tham gia quản trị điện tử. Nhìn chung,

năm 2022, dù đã nhận được sự quan tâm lớn, cần nhiều nỗ lực hơn nữa để tăng cường khả năng tiếp cận và tỉ lệ sử dụng của người dân với các nền tảng quản trị điện tử của chính phủ.

Nhiều tỉnh/thành phố trong nhóm tứ phân vị 'cao' và 'trung bình - cao' tập trung ở ba vùng đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, và Đông Nam Bộ. Trong số các địa phương trong nhóm dẫn đầu về kết nối internet và sử dụng cổng thông tin điện tử, có ba thành phố trực thuộc trung ương gồm Hà Nội, Đà Nẵng, và TP. HCM. Về mức độ thân thiện của các trang thông tin điện tử, chưa đến 50% số người trả lời cho biết các trang thông tin của các tỉnh/thành phố dễ sử dụng.

Cổng dịch vụ công trực tuyến Quốc gia nhận được sự quan tâm sử dụng nhiều hơn trong năm 2022, nhưng người dùng chủ yếu tập trung ở Hà Nội và TP. HCM. Năm 2022, tỉ lệ người trả lời cho biết họ đã lập hồ sơ người dùng trên Cổng dịch vụ công trực tuyến Quốc gia trung bình toàn quốc là 3,05%, cao hơn đáng kể so với tỉ lệ 2,08% của năm 2021. Trong đó, Hà Nội và TP. HCM đóng góp tỉ trọng lớn nhất (tương ứng là 4,62% và 6,97%).

Điểm số PAPI tổng hợp năm 2022

Báo cáo PAPI 2022 tính toán điểm số tổng hợp của các tỉnh/thành phố bằng cách cộng điểm số 8 chỉ số nội dung của từng địa phương. Qua điểm PAPI tổng hợp, các tỉnh/thành phố có thể so sánh với những địa phương có cùng điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và vùng địa lý. Tìm hiểu sâu hơn về các chỉ số thành phần và từng tiêu chí là chìa khóa để các địa phương có thể đáp ứng hiệu quả hơn nhu cầu của người dân.

Dựa trên kết quả khảo sát năm 2022, nhóm tứ phân vị cao có sự góp mặt của 6 tỉnh/thành phố thuộc vùng đồng bằng sông Hồng và 6 tỉnh/thành phố thuộc vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Trong số 14 tỉnh/thành phố trong nhóm tứ phân vị thấp chủ yếu là các địa phương vùng Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long, Trung du và miền núi phía Bắc.

Đáng chú ý, điểm Chỉ số PAPI 2022 có xu hướng hội tụ hơn, cho thấy nhiều tỉnh/thành phố không có tiến bộ đáng kể so với năm 2021. Số liệu cho thấy, 33 tỉnh/thành phố có mức độ cải thiện đáng kể ở Chỉ số nội dung 1 "Tham gia của người dân ở cấp cơ sở"; 18 tỉnh/thành phố có mức độ cải thiện đáng kể ở Chỉ số nội dung 2 "Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định ở địa phương" và 30 tỉnh/thành phố có mức độ cải thiện đáng kể ở Chỉ số nội dung 8 "Quản trị điện tử". Tuy nhiên, 29 tỉnh/thành phố giảm sút đáng kể ở Chỉ số nội dung 7 "Quản trị môi trường", 18 tỉnh/thành phố giảm sút đáng kể ở Chỉ số nội dung 4 "Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công" và 18 tỉnh/thành phố giảm sút đáng kể ở Chỉ số nội dung 6 "Cung ứng dịch vụ công".

Có thể nói, Chỉ số PAPI năm 2022 đã cho thấy một bức tranh đa diện về hiệu quả quản trị và hành chính công của các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Giới chuyên gia đánh giá, việc nghiên cứu, phân tích sự đánh giá hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của người dân đem lại những chỉ báo quan trọng, giúp cho các nhà hoạch định chính sách kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách và đổi mới phương thức hoạt động cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn./.

VIỆT NAM ĐẨY MẠNH TÍN DỤNG XANH PHỤC VỤ CHO TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ThS. Nguyễn Chung Thủy
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững đang là xu hướng của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, đồng thời góp phần thực hiện cam kết Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (COP26) đưa mức phát thải ròng về "0", vào năm 2050, thời gian tới, Việt Nam cần huy động một nguồn vốn rất lớn để đầu tư cho các dự án, công trình xanh.



Việt Nam trở thành thị trường phát hành nợ xanh lớn thứ 2 trong ASEAN

Tín dụng xanh được hiểu là những khoản tín dụng mà ngân hàng cung cấp cho các dự án không gây rủi ro hoặc gắn với bảo vệ môi trường. Việt Nam hiện đã ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 theo Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Chính phủ. Để thúc đẩy phát triển tín dụng xanh nhằm triển khai thực hiện các chủ trương, chiến lược của Đảng, Nhà nước về tăng trưởng xanh

và phát triển bền vững, những năm qua, hệ thống văn bản chính sách, pháp luật về tín dụng xanh, ngân hàng xanh từng bước được hoàn thiện. Cụ thể, ngày 06/8/2015 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã ban hành Quyết định số 1552/QĐ-NHNN về Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng với mục tiêu là thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; Ngày 07/8/2018, NHNN ban hành Quyết định số 1604/QĐ-NHNN phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh. Bên cạnh đó,

Bộ Tài chính cũng đã rà soát, ban hành các chính sách thuế nhằm góp phần tạo khuôn khổ pháp lý thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững với hai trụ cột là chính sách thuế để hạn chế sản xuất và sử dụng hàng hóa gây ô nhiễm môi trường và chính sách thuế để khuyến khích đầu tư sản xuất theo công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường.

Bên cạnh hệ thống các chính sách đang ngày càng hoàn thiện, tín dụng xanh đang có những chuyển hướng tích cực, nhận được nhiều sự quan tâm và đầu tư ngày càng cao. Theo NHNN Việt Nam,

giai đoạn 2017 - 2021, dư nợ cấp tín dụng xanh tại Việt Nam có tăng trưởng bình quân đạt hơn 25%/năm. Tính đến 30/6/2022, dư nợ cấp tín dụng đối với các dự án xanh đạt hơn 474.000 tỷ đồng, chiếm 4,1% tổng dư nợ toàn nền kinh tế, tăng 7,08% so với năm 2021. Tín dụng xanh chủ yếu tập trung vào lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (47%), nông nghiệp xanh (32%). Dư nợ được đánh giá rủi ro môi trường và xã hội đạt hơn 2.283 nghìn tỷ đồng, chiếm gần 20% dư nợ cho vay của nền kinh tế với hơn 1,1 triệu món vay. Với những con số trên, Việt Nam trở thành thị trường phát hành nợ xanh lớn thứ hai trong ASEAN, chỉ sau Singapo.

Các chương trình tín dụng xanh nổi bật của các ngân hàng trong thời gian qua có thể kể đến như: Dự án chuyển hóa cacbon thấp sang lĩnh vực tiết kiệm năng lượng được BIDV, ANZ triển khai với nguồn vốn do Chính phủ Đan Mạch tài trợ theo Chương trình hỗ trợ đầu tư xanh (GIF); Sản phẩm cho vay dự án phát triển năng lượng tái tạo tại Vietcombank, BIDV, VietinBank, SHB, HDBank từ nguồn vốn của Ngân hàng Thế giới; Sản phẩm cho vay dự án hiệu quả năng lượng cho ngành công nghiệp Việt Nam do SHB là đơn vị thực hiện, cùng với sự tham gia của các ngân hàng khác từ nguồn vốn Quỹ Khí hậu xanh của Ngân hàng Thế giới; Năm 2022, ADB đã huy động một gói tài trợ giá 135 triệu USD cho Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh VinFast (VinFast) để sản xuất đội xe buýt vận tải công cộng chạy hoàn toàn bằng điện đầu tiên của Việt Nam và mạng lưới sạc xe điện toàn quốc đầu tiên...

Nhận thức của các tổ chức tín dụng về tăng trưởng xanh,

tín dụng xanh ngày càng nâng cao. Nhiều tổ chức tín dụng đã xây dựng chiến lược có tính đến rủi ro môi trường, xã hội vào quy trình thẩm định tín dụng xanh; xây dựng các sản phẩm tín dụng, dịch vụ ngân hàng xanh và quan tâm dành nguồn vốn huy động của ngân hàng để cấp cho các dự án xanh. Đồng thời, các tổ chức tín dụng cũng đã có định hướng rõ hoạt động tín dụng xanh với việc chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế để phát triển và triển khai cho vay chương trình tín dụng xanh.

Với sự nỗ lực của các tổ chức tín dụng và những cam kết mạnh mẽ của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị lần thứ 26, các bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (COP26) quyết tâm đưa mức phát thải ròng về "0" vào năm 2050, đã mở ra nhiều cơ hội về tín dụng xanh cho tăng trưởng ít phát thải với hạn mức đầu tư ngày càng cao đến từ sự hợp tác với các quỹ đầu tư, nhất là các quỹ đầu tư nước ngoài. Điển hình là Pandora - tập đoàn của Đan Mạch thuộc nhóm đi đầu trong việc áp dụng kinh doanh thân thiện với môi trường, được vận hành bằng năng lượng tái tạo đã trở thành nhà đầu tư xanh vào thị trường Việt Nam với vốn đầu tư 100 triệu USD; Tiếp đến là tập đoàn LEGO năm 2022 cũng đã chính thức khởi công xây dựng nhà máy tại tỉnh Bình Dương với tổng vốn đầu tư hơn 1,3 tỷ USD.

Việt Nam hiện được cộng đồng thế giới đánh giá cao và trở thành một điểm đến đầu tư an toàn, hấp dẫn cho các nhà đầu tư với sự hiện diện của nhà đầu tư đến từ các quốc gia và vùng lãnh thổ. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2022 có 73 quốc gia

và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam ước đạt gần 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua.

Mặc dù sự phát triển của thị trường tín dụng xanh tại Việt Nam trong những năm gần đây đã có những bước tiến tích cực song mục tiêu tăng trưởng tín dụng xanh vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như: Vốn xanh vẫn còn khá khiêm tốn; nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực xanh cần thời gian thu hồi vốn dài, chi phí đầu tư lớn, rủi ro thị trường cao; việc cấp tín dụng xanh là một lĩnh vực mới, đòi hỏi yếu tố kỹ thuật về môi trường chuyên sâu nên gây khó khăn cho cán bộ tín dụng trong việc thẩm định, đánh giá hiệu quả của dự án; chưa có hướng dẫn các tiêu chí cụ thể về danh mục các ngành, lĩnh vực xanh để các ngân hàng căn cứ lựa chọn, thẩm định, đánh giá và giám sát khi thực hiện cấp tín dụng xanh; các dự án xanh thường có thời gian hoàn vốn dài, chi phí đầu tư lớn, gây khó khăn cho các ngân hàng trong việc cân đối vốn.

Thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh

Thực tế, Việt Nam còn rất nhiều dư địa và cơ hội để mở rộng nguồn vốn cho tài chính xanh. Với một nền kinh tế phục hồi ổn định sau dịch Covid-19, môi trường đầu tư - kinh doanh ngày càng thuận lợi khi tích cực tham gia hội nhập sâu rộng với quốc tế và tham gia ký kết nhiều Hiệp định thương mại tự do FTA, nguồn lực lượng lao động đang trong thời kỳ dân số vàng có sức trẻ, sự sáng tạo và khả năng thích nghi cao... lợi thế Việt Nam đang là điểm đến

của các khoản đầu tư vào nguồn vốn xanh và bền vững của các Quỹ đầu tư và các tổ chức tài chính quốc tế. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhu cầu vốn để thực hiện các mục tiêu phát triển xanh và phát triển bền vững từ nay đến năm 2030 của Việt Nam vào khoảng 360 tỷ USD, trong đó nguồn vốn từ khu vực tư nhân chiếm 50%.

Theo Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam, đến năm 2025, 100% ngân hàng xây dựng được quy định nội bộ về quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng; 100% các ngân hàng thực hiện đánh giá rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng; áp dụng các tiêu chuẩn về môi trường cho các dự án được ngân hàng cấp vốn vay; kết hợp đánh giá rủi ro môi trường như một phần trong đánh giá rủi ro tín dụng của ngân hàng; ít nhất 10 - 12 ngân hàng có đơn vị/bộ phận chuyên trách về quản lý rủi ro môi trường và xã hội;

60% ngân hàng tiếp cận được nguồn vốn xanh và triển khai cho vay các dự án tín dụng xanh.

Để tiếp tục khơi thông nguồn vốn đáp ứng nhu cầu tăng trưởng xanh thời gian tới Việt Nam cần tập trung vào các giải pháp như:

Một là, NHNN tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tín dụng xanh, hướng dẫn quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của TCTD. Nghiên cứu, xây dựng, tích hợp các nội dung nhiệm vụ của NHNN triển khai Kế hoạch hành động thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26 và thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời nghiên cứu xây dựng các giải pháp tập trung nguồn lực để cấp tín dụng cho các dự án, phương án sản xuất, kinh doanh sử dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến; sử dụng năng lượng tiết kiệm

và hiệu quả; phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sử dụng công nghệ, thiết bị thân thiện với môi trường, sản xuất những sản phẩm thân thiện với môi trường; các dự án, chương trình phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Hai là, hoàn thiện chính sách, công cụ về huy động nguồn lực cho tăng trưởng xanh, tập trung vào các chính sách hỗ trợ, ưu đãi tài chính, phát triển thị trường vốn, thị trường tín dụng, bảo hiểm xanh, thị trường các-bon hướng tới phát triển đồng bộ hệ thống thương mại khí thải theo cơ chế thị trường.

Ba là, nâng cao khả năng tiếp cận tài chính xanh nhằm thể chế hóa và tăng quy mô, tính bao trùm toàn diện của tài chính xanh, đặc biệt là cơ chế ưu đãi cho đầu tư xanh, tài chính xanh, tín dụng xanh nhằm thúc đẩy các dự án xanh.

Bốn là, tăng cường huy động nguồn tài chính từ các định chế tài chính, các quỹ và các nhà đầu tư tư nhân quốc tế, ưu tiên sử dụng các nguồn vốn vay ưu đãi, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), hỗ trợ kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ cho tăng trưởng xanh.

Năm là, đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng xanh giúp các ngân hàng thu hút được nhiều đối tượng khách hàng và nâng cao khả năng cạnh tranh.

Sáu là, đẩy mạnh các chương trình đào tạo, tập huấn cho nhân viên tín dụng giúp nâng cao năng lực thẩm định, đánh giá và quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng... Các ngân hàng cần đẩy mạnh tuyên truyền về tín dụng xanh để khách hàng nắm bắt và hiểu rõ hơn về tín dụng xanh cũng như lợi ích của tín dụng xanh./.



NHÀ NƯỚC PHÁT HUY VAI TRÒ NHẠC TRƯỞNG TRONG PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI

ThS. Trần Thanh Bình

Trưởng Chính trị Nguyễn Văn Cừ - tỉnh Bắc Ninh



Phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở cho đối tượng thu nhập thấp là một trong những nội dung quan trọng của chính sách phát triển kinh tế - xã hội nước ta.

Thực hiện một tầm nhìn vĩ mô cho mục tiêu an sinh xã hội, năm 2022 Chính phủ liên tiếp ban hành các chính sách để tháo gỡ điểm nghẽn về mặt pháp lý, làm bước đệm quan trọng cho thị trường BĐS phân khúc nhà ở xã hội, phát triển ổn định, giúp hiện thực giấc mơ an cư lạc nghiệp cho người thu nhập thấp.

Theo số liệu của Bộ Xây dựng, trong năm 2022, tổng số lượng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân khu công nghiệp đã khởi công là 19 dự án với tổng số khoảng 33.194 căn, tổng diện tích xây dựng là 1,8 triệu m².

Đẩy mạnh các chương trình phát triển nhà ở xã hội tại Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tính đến cuối năm 2022, trên cả nước đã hoàn thành 301 dự án nhà ở xã hội khu vực đô thị và nhà ở công nhân

khu công nghiệp, quy mô xây dựng khoảng 155.800 căn, với tổng diện tích gần 7,8 triệu m²; Đang tiếp tục triển khai 401 dự án, với quy mô xây dựng khoảng 454.360 căn, với tổng diện tích khoảng 22,7 triệu m²; trong đó có 245 dự án với quy mô 300.000 căn hộ đang thực hiện thủ tục đầu tư và có 156 dự án với quy mô 156.700 căn hộ đang đầu tư xây dựng.

Thực hiện Nghị định số 69/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về cải tạo xây dựng lại nhà chung cư, các địa phương

cũng đẩy nhanh tốc độ thực hiện kiểm định, xây dựng kế hoạch cải tạo, xây dựng lại các khu chung cư cũ; trong đó ưu tiên triển khai các khu chung cư nguy hiểm, thuộc diện phải phá dỡ.

Nguồn cung nhà ở xã hội đạt được từ thực tế còn một khoảng cách quá lớn so với nhu cầu của người công nhân, người thu nhập thấp. Nguyên nhân do quá trình triển khai phát triển nhà ở xã hội còn gặp phải nhiều khó khăn, vướng mắc về thủ tục pháp lý, quỹ đất, nguồn vốn, trình tự thủ tục đầu tư; nguyên tắc xác định giá bán, xác định đối tượng mua, thuê mua và vấn đề thanh tra, kiểm tra...

Cụ thể, về quỹ đất dành để phát triển nhà ở xã hội, theo quy định của Luật nhà ở hiện nay, dự án nhà ở thương mại tại các đô thị từ loại III trở lên phải dành 20% quỹ đất để xây dựng nhà ở xã hội, dẫn đến hầu hết các địa phương không bố trí quỹ đất để phát triển dự án nhà ở xã hội độc lập. Các địa phương chưa thực hiện phủ kín quy hoạch làm cơ sở xác định quỹ đất nhà ở xã hội; chưa đưa các chỉ tiêu phát triển nhà ở, đặc biệt là chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, người thu nhập thấp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm. Từ đó quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội trong thời gian qua thiếu nhiều so với nhu cầu thực tế.

Một bất cập khác là quy định về lựa chọn chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội còn chồng chéo, chưa thống nhất với quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu, đất đai, làm cho việc lựa chọn chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội còn phức tạp, mất nhiều thời gian thực hiện thủ tục và làm chậm tiến độ triển khai dự án.

Các doanh nghiệp cũng không mặn mà với phân khúc nhà ở xã hội do các chính sách ưu đãi

cho chủ đầu tư chưa đủ hấp dẫn, không thực chất. Chẳng hạn như lợi nhuận được định mức không vượt quá 10%, trong khi giá bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội lại chưa tính đến các chi phí hợp lý, hợp lệ như chi phí tổ chức bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp...

Bên cạnh đó, điều kiện thụ hưởng chính sách nhà ở xã hội cũng khá phức tạp, người dân và chính quyền phải thực hiện nhiều thủ tục, giấy tờ và gặp nhiều vướng mắc trong việc xác nhận các điều kiện.

Những "liều thuốc giải" cho thị trường nhà ở xã hội

Phát huy vai trò nòng cốt của Nhà nước trong phát triển nhà ở xã hội, trong năm 2023, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản sẽ được sửa đổi theo hướng tập trung gỡ vướng cho phát triển nhà ở xã hội. Theo đó, quy định khi lập quy hoạch của các địa phương phải bố trí quỹ đất làm nhà ở xã hội sẽ được bổ sung, tạo quỹ đất sạch để phát triển nhà ở xã hội tại các địa phương những năm tới.

Bên cạnh đó, thủ tục lựa chọn chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội cũng sẽ đơn giản hơn do dự án được miễn tiền sử dụng đất, khâu đấu thầu, đấu giá đất, thủ tục xác định giá bán nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân cũng nhanh gọn hơn.

Trong thời gian chờ Luật Nhà ở (sửa đổi) hoàn thiện và được Quốc hội thông qua, nhằm nhanh chóng gỡ những nút thắt tạo ra sự trì trệ, trầm lắng của thị trường bất động sản, ngày 11/3/2023 vừa qua, Chính phủ đã có giải quyết khẩn cấp, ban hành Nghị quyết 33/NQ-CP về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững. Nghị quyết

đưa ra nhiều giải pháp để phát triển nhà ở xã hội trong thời gian tới. Trong đó đặc biệt quan tâm đến những nội dung vướng mắc lớn trong thời gian qua về: Giao đất để đầu tư xây dựng dự án nhà ở xã hội; Quy hoạch, bố trí quỹ đất dành để phát triển nhà ở xã hội; Lựa chọn chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội; Quyền lợi và ưu đãi chủ đầu tư; Xác định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội; Đối tượng và điều kiện được thụ hưởng chính sách nhà ở xã hội...

Để hỗ trợ nguồn vốn cho phát triển nhà ở xã hội, Chính phủ cũng đã "chốt" giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam triển khai Chương trình tín dụng khoảng 120.000 tỷ đồng (tương đương khoảng 12% nhu cầu vốn để thúc đẩy thực hiện mục tiêu hoàn thành ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội, nhà ở công nhân giai đoạn 2021-2030). Theo đó, các đối tượng hưởng gói vay là chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân; người mua nhà ở xã hội, nhà ở công nhân được vay với lãi suất thấp hơn khoảng từ 1,5-2% so với lãi suất cho vay trung dài hạn VNĐ bình quân của các ngân hàng trên thị trường trong từng thời kỳ. Thời hạn giải ngân của Chương trình đến khi doanh số giải ngân đạt 120.000 tỷ đồng nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Hiện tại chủ lực là 4 ngân hàng thương mại nhà nước (gồm Agribank, BIDV, Vietinbank và Vietcombank) đã sẵn sàng vào cuộc với gói tín dụng 120 nghìn tỷ đồng dành cho xây dựng dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân. Gói tín dụng này về sau có thể nhiều hơn nếu có thêm sự tham gia của các ngân hàng trong nước và trong quá trình triển khai,

NHNN cũng sẵn sàng tái cấp vốn để triển khai tiếp nếu bị thiếu hụt về thanh khoản.

Các chuyên gia kinh tế cho rằng, dư nợ cho vay bất động sản năm vừa qua ghi nhận mức tăng lên tới 24%, tăng gần gấp đôi so với tăng trưởng tín dụng cho nền kinh tế. Hiện, dư nợ cho vay chiếm tới 20% trong tổng tín dụng cho nền kinh tế, nghĩa là cứ 5 đồng bỏ ra, đã có 1 đồng vào bất động sản. Vì vậy, việc "rót" gói tín dụng 120 nghìn tỷ đồng vào thị trường BĐS là một sự nỗ lực rất lớn của các ngân hàng. Gói tín dụng 120 nghìn tỷ rót vào thị trường BĐS còn được cho là một trong những gói tín dụng mang tính nhân văn, giúp giảm áp lực, căng thẳng thanh khoản cho doanh nghiệp, giảm áp lực vay mua nhà cho người dân. Ngay trong đầu tháng 4/2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có văn bản gửi các ngân hàng thương mại, ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hướng dẫn một số nội dung và yêu cầu triển khai Chương trình cho vay gói 120 nghìn tỷ, thể hiện sự triển khai mạnh mẽ của cơ quan nhà nước trong phát triển nhà ở xã hội.

Cũng trong tháng 4/2023, thị trường bất động sản phân khúc nhà ở xã hội nhận thêm một tin vui,

khi Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030" vừa được phê duyệt theo Quyết định 338/QĐ-TTg. Đây cũng là một trong chính sách thiết thực được chờ đợi trong nhóm giải pháp của Chính phủ nhằm tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản, giảm cơn khát nhu cầu thiết yếu về nhà ở xã hội của các đối tượng chính sách, công nhân viên chức và người lao động. Theo đề án, phấn đấu đến năm 2030, tổng số căn hộ các địa phương hoàn thành khoảng 1.062.200 căn. Trong đó, giai đoạn 2021 - 2025 hoàn thành khoảng 428.000 căn; giai đoạn 2025 - 2030 hoàn thành khoảng 634.200 căn.

Những văn bản trên cho thấy sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ về các giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững. Để những chính sách được ban hành mang lại hiệu quả, trong thời gian tới đây, chắc chắn rằng các nhà chức trách sẽ tiếp tục có hướng dẫn chi tiết, cụ thể để các chính sách thực sự đi vào cuộc sống; xác định rõ và trúng đối tượng. Riêng đối với gói 120 nghìn tỷ đồng, Ngân hàng Nhà nước sẽ có nhiều giải pháp chỉ đạo

các tổ chức tín dụng tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế, trong đó có lĩnh vực BĐS, nâng cao chất lượng tín dụng, khả năng tiếp cận vốn tín dụng của người dân, doanh nghiệp. Cùng với đó sẽ có cơ chế giám sát chặt chẽ để dòng vốn chảy đúng hướng, đúng dự án khả thi, phát huy hiệu quả cao nhất.

Hiệp hội Bất động sản Việt Nam đánh giá, năm 2023, thị trường bất động sản Việt Nam khó tránh khỏi những tác động từ dự đoán diễn biến chậm lại của thị trường bất động sản toàn cầu. Tuy nhiên, nhìn lại năm 2022, thị trường bất động sản Việt Nam trầm lắng là do nguồn cung chỉ tập trung ở phân khúc trung cấp, cao cấp với mức giá không phù hợp với đa số người dân có nhu cầu thực. Điều này cho thấy tiềm năng và dư địa phát triển phân khúc nhà ở xã hội tại Việt Nam còn lớn và đang thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư. Việc Chính phủ ban hành các chính sách trên sẽ nhanh chóng tháo gỡ những "điểm nghẽn" về phát triển nhà ở xã hội, làm bước đệm quan trọng cho thị trường BĐS phân khúc này ấm lên, phát triển ổn định, lành mạnh hơn, giúp hiện thực giấc mơ an cư lạc nghiệp cho người thu nhập thấp./.



TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

ThS. Đặng Quang Cảnh - ThS. Vũ Thị Hồng Nết
Trường Đại học Lao động Xã hội

Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là một vấn đề chưa bao giờ hết nóng trong xã hội hiện nay và luôn nhận được sự quan tâm rất lớn từ các cơ quan quản lý nhà nước. Trong năm 2022, công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo động lực phát triển cho các doanh nghiệp kinh doanh chân chính.

Cục Cạnh tranh & Bảo vệ người tiêu dùng (Bộ Công Thương) tập trung nghiên cứu, hoàn thiện khung khổ pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, làm cơ sở để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong thời gian tới. Bên cạnh đó, nâng cao hiệu quả hoạt động các Đề án về bảo vệ người tiêu dùng, góp phần nâng cao kiến thức pháp luật cho các cơ quan quản lý nhà nước, cá nhân, tổ chức kinh doanh, người tiêu dùng, đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và dẫn thiết lập sự bình đẳng trong mối quan hệ giữa người tiêu dùng với các doanh nghiệp, từ đó tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh và tạo được niềm tin của các doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

Trong năm 2022, Bộ Công Thương tiếp tục mở rộng hệ thống Tổng đài tư vấn, hỗ trợ người tiêu dùng 1800.6838, tăng số lượng đầu mối Tổng đài lên 52 điểm trên

phạm vi cả nước, tạo nền tảng tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tư vấn, hỗ trợ người tiêu dùng đồng thời, cung cấp thông tin đầu vào để xây dựng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Thông qua đường dây nóng 1800.6838, Bộ Công Thương nhận được hơn 10.000 cuộc gọi phản ánh, khiếu nại tố cáo các vấn đề liên quan đến tranh chấp kinh doanh, vi phạm Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, hàng triệu người tiêu dùng đã được bảo đảm quyền lợi thông qua việc Cục Cạnh tranh & Bảo vệ người tiêu dùng kiểm soát chặt chẽ các hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, giám sát các vụ việc thu hồi sản phẩm có khuyết tật và các giao dịch trên môi trường thương mại điện tử. Người tiêu dùng đồng thời được tiếp nhận các thông tin, kiến thức, kỹ năng về tiêu dùng thông qua các phương thức tuyên truyền hiện đại và phù hợp.

Cũng trong năm 2022, lực lượng Quản lý thị trường đã tiến hành thanh, kiểm tra hơn 70.900 vụ, phát hiện, xử lý gần 44.000 vụ vi phạm hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng vi phạm sở hữu trí tuệ (tăng 6% so với cùng kỳ năm 2021); chuyển cơ quan điều tra 127 vụ việc có dấu hiệu tội phạm. Thu nộp ngân sách nhà nước trên 490 tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ năm 2021). Trị giá hàng tịch thu gần 96 tỷ đồng, trị giá hàng hóa áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy hơn 19 tỷ đồng.

Đánh giá tình hình thị trường trong năm vừa qua, Cục Quản lý thị trường cho biết, cung đường vận chuyển hàng lậu, hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ thay đổi, chuyển hướng và lắt léo hơn. Bởi hiện nay, do phía Trung Quốc đã xây dựng tường rào và kiểm soát chặt khu vực biên giới nên tình trạng hàng lậu vận chuyển qua đường mòn, lối mở, khu vực đồi núi giáp biên ở các tỉnh phía Bắc hầu như không

có. Thay vào đó, hàng lậu, hàng giả chuyển hướng đi theo các cửa khẩu tại miền Trung, Tây Nam Bộ, thậm chí còn vận chuyển ngược ra phía Bắc. Trong khi đó, tại thị trường nội địa, tình trạng vận chuyển, kinh doanh hàng lậu, hàng giả, gian lận thương mại vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, khó phát hiện. Hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ vẫn được bày bán tại các tuyến phố, chợ truyền thống và tại các trung tâm thương mại lớn ở hầu hết các tỉnh, thành phố. Đặc biệt, trong nửa cuối năm 2022, tình hình dịch Covid-19 được kiểm soát, nền kinh tế vào giai đoạn phục hồi, bất phá, hàng hóa được tung ra thị trường nhiều hơn, các hành vi vi phạm cũng gia tăng.

Những năm gần đây, thương mại điện tử Việt Nam chứng kiến sự phát triển nhanh chóng với tốc độ trung bình từ 25 - 35%/năm. Sự phát triển nhanh, mạnh của thương mại điện tử mang theo nhiều cơ hội phát triển cho doanh nghiệp cũng như thuận lợi cho khách hàng. Các kênh bán hàng trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Zalo, Tiktok, các sàn giao dịch điện tử (Lazada, Shopee...) ngày càng "nở rộ" hơn,

đưa người tiêu dùng lạc vào một ma trận hàng hóa với những thông tin chưa được kiểm chứng, việc kiểm soát chất lượng hàng hóa gặp nhiều khó khăn hơn. Năm vừa qua, số lượng các khiếu nại tố cáo liên quan đến kinh doanh trên không gian mạng tăng lên rất nhanh, tập trung các vấn đề như chậm, không trả đơn hàng; chậm trả tiền cho khách hàng, không chịu bồi thường cho hàng hóa, cung cấp sản phẩm không bảo đảm...

Hệ lụy tiêu cực những hành vi kinh doanh trên mang lại cho xã hội là không nhỏ. Với một nền kinh tế đang trong quá trình hội nhập như nước ta, việc hàng lậu, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng trà trộn trên thị trường không chỉ gây thất thu cho ngân sách nhà nước, mà còn làm suy giảm niềm tin của người tiêu dùng đến tính minh bạch của thị trường hàng hóa, làm giảm uy tín của các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chân chính và gián tiếp đánh mất "lợi thế" thị trường, "mất điểm" trong mắt nhà đầu tư nước ngoài, nhất là những nhãn hàng lớn, ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Đáng lo hơn, việc hàng giả, hàng nhái đã khiến nhiều

người tiêu dùng bị tổn thương, ảnh hưởng và chịu thiệt hại về sức khỏe, tài chính và tinh thần.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng lan tràn là do luật pháp còn nhiều kẽ hở cộng với sự bất cập trong cơ chế quản lý. Tại Việt Nam, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 có hiệu lực thi hành từ năm 2011, tuy nhiên hiệu quả mang lại chưa cao. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện chủ yếu tập trung vào tiêu thụ hàng giả, hàng nhái mà chưa biện pháp hiệu quả để phòng ngừa ngăn, chặn sản xuất hàng giả, hàng nhái... trong khi đó chế tài xử phạt lại chưa đủ mạnh, mức phạt quá nhỏ so với "siêu lợi nhuận" từ hàng giả mang lại. Công tác quản lý, kiểm tra và xử lý chưa đạt hiệu quả cao do hoạt động thiếu đồng bộ cũng như có sự chông chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan. Phương tiện kỹ thuật phục vụ cho công tác đấu tranh chống hàng giả cũng còn thiếu và yếu.

Bên cạnh đó, phần lớn người tiêu dùng Việt Nam chưa trang bị nhiều kiến thức, thông tin về phân biệt hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng; chưa nắm vững luật pháp nên đã im lặng, không biết cách tự bảo vệ quyền lợi của mình khi mua phải sản phẩm giả, kém chất lượng. Trên thực tế, sự xuất hiện của hàng giả, hàng nhái trên thị trường còn có sự góp phần không nhỏ của người tiêu dùng chấp nhận hàng giả do chuộng giá rẻ. Điều đáng buồn là sự yếu kém trong trách nhiệm của một số doanh nghiệp, họ sẵn sàng vì mục tiêu lợi nhuận mà cố tình cung cấp hàng kém chất lượng, hàng nhái, hàng giả, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, thậm chí lừa đảo người tiêu dùng nhằm chiếm đoạt tài sản, tiền bạc.



Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là vấn đề vô cùng quan trọng góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững của xã hội. Với nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao và đa dạng, nhu cầu của người tiêu dùng Việt Nam không chỉ gói gọn trong sản phẩm hàng hóa mà còn sử dụng rất nhiều dịch vụ khác nhau để phục vụ cho cuộc sống. Do đó, việc bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng cần được thực hiện trên mọi khía cạnh, mọi góc độ.

Xuất phát từ thực tiễn và để phù hợp với xu hướng phát triển kinh doanh, tiêu dùng hiện nay, năm 2022, Cục Cảnh tranh & Bảo vệ người tiêu dùng đã trình Quốc hội xem xét và cho ý kiến đối với Dự thảo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi) nhằm khắc phục những tồn tại, bất cập đặt ra trong thực tiễn gần 12 năm thi hành Luật hiện hành, cũng như thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện thể chế về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đảm bảo phù hợp với các văn bản trong hệ thống pháp luật, đảm bảo thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia hoặc đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục để tham gia. Trong điều kiện nền kinh tế có nhiều thay đổi, nhiều hiện tượng kinh tế mới phát sinh, Dự thảo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi) đã có nhiều điểm mới, quy định rõ hơn trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với người tiêu dùng; hoàn thiện quy định về giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh; quy định về nâng cao trách nhiệm quản lý của các bộ, ngành, địa phương về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tạo cơ sở pháp lý để xây dựng và vận hành cơ chế

phối hợp giữa các đơn vị trong việc thực hiện bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Trong thời gian tới, công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng sẽ có những hành động mạnh mẽ để tạo sự chuyển biến thực chất hơn. Trong đó, đáng lưu ý là các vấn đề liên quan đến tăng cường nguồn lực, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, cơ chế thực thi, để xử lý nghiêm minh đối với những hành vi vi phạm về trách nhiệm đối với người tiêu dùng. Đồng thời, các cơ quan quản lý nhà nước sẽ tăng cường công tác phổ biến pháp luật, tư vấn hỗ trợ, giải đáp cho người tiêu dùng về Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng với nhiều nội dung, hình thức đa dạng, phong phú. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra (nhất là kinh doanh trên môi trường mạng), hướng dẫn nhận biết hàng thật, hàng giả cho người tiêu dùng, giải đáp kịp thời, chính xác các thắc mắc, hỏi đáp về quyền của người tiêu dùng.

Để các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đạt hiệu quả hơn, ngoài những nỗ lực của cơ quan chức năng thì các doanh nghiệp cần phải nhận thức tốt trách nhiệm xã hội của mình, có chính sách bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh. Các doanh nghiệp cũng cần chủ động, tích cực tham gia cuộc chiến chống hàng giả, hàng nhái thông qua hoạt động quảng bá sản phẩm song song với việc hướng dẫn, chỉ rõ cho người tiêu dùng nhận biết hàng giả, hàng nhái cũng như có kênh phân phối sản phẩm chất lượng tốt tới tận tay người tiêu dùng, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, các khu công nghiệp, khu chế xuất... Đặc biệt, các doanh nghiệp cần chủ động

khieux nại khi bị xâm phạm nhân hiệu. Đây cũng là một trong những công cụ hữu hiệu để khẳng định thương hiệu và nâng cao khả năng cạnh tranh của chính doanh nghiệp mình.

Nhưng trên hết, mỗi một người tiêu dùng cần hiểu rõ hơn các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, để trở thành "người tiêu dùng văn minh", có thể tự bảo vệ mình khi bị lừa đảo trong các giao dịch mua bán. Người tiêu dùng cần nắm vững các quyền: Được đảm bảo an toàn tính mạng, an toàn về sức khỏe, an toàn về tài sản; Được yêu cầu bồi thường thiệt hại khi hàng hóa, dịch vụ không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng, số lượng, tính năng, công dụng, giá cả hoặc nội dung khác mà tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đã công bố, niêm yết, quảng cáo hoặc cam kết; Quyền được khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hoặc đề nghị tổ chức xã hội khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật. Thêm vào đó, người tiêu dùng nên lựa chọn những đơn vị bán hàng có uy tín, tìm những phương thức thanh toán đảm bảo, đồng thời tự nâng cao năng lực phát hiện những dấu hiệu lừa đảo.

Năm 2023 là một năm có ý nghĩa quan trọng khi Ủy ban Cảnh tranh quốc gia đã được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Cục Cảnh tranh & Bảo vệ người tiêu dùng, với mô hình đặc biệt, cùng lúc thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong 3 lĩnh vực (quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và kinh doanh đa cấp) và tố tụng, tài phán... Hy vọng mô hình mới của Ủy ban Cảnh tranh quốc gia sẽ phát huy hiệu quả, xây dựng một thị trường lành mạnh để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng ngày một hiệu quả hơn./

PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NGUYÊN

TS. Đặng Quang Trung

Trường Đại học Lao động - Xã hội

Giáo dục và đào tạo vùng Tây Nguyên - Thành tựu và một số hạn chế trong giai đoạn 2011-2022

Khu vực Tây Nguyên bao gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Đây được xem là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của cả nước. Tây Nguyên cũng là vùng có nhiều đặc trưng riêng từ vị trí địa lý, khí hậu thổ nhưỡng đến sự đa dạng, phong phú trong đời sống văn hóa dân cư. Vùng có gần 6 triệu người thuộc 54 dân tộc anh em, trong đó có 53 dân tộc thiểu số, với gần 2,2 triệu người, chiếm hơn 37,5% dân số toàn vùng.

Theo Báo cáo về thực trạng giáo dục và đào tạo vùng Tây Nguyên giai đoạn 2011-2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong 10 năm qua, hệ thống mạng lưới trường lớp học được củng cố và phát triển rộng khắp, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người dân. Các kết quả về giáo dục và đào tạo của toàn Vùng cơ bản đạt kết quả tích cực. Trong đó, về cơ bản, không còn xã trắng về giáo dục mầm non, mọi thôn bản đều có lớp mầm non. Tất cả các xã đều có trường tiểu học. Hầu hết các xã đã có trường THCS, các huyện

Những năm gần đây, với việc triển khai thực hiện đồng bộ và hiệu quả nhiều cơ chế chính sách đặc thù phù hợp, giáo dục và đào tạo của vùng Tây Nguyên đã có nhiều chuyển biến tích cực. Mới đây, để đảm bảo các chỉ tiêu phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đảm bảo phát triển kinh tế-xã hội theo tinh thần Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các địa phương thuộc Vùng đang từng bước đẩy mạnh phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo để đạt được mục tiêu chất lượng giáo dục của Vùng tiệm cận với mặt bằng chung của cả nước vào năm 2030.

đều có trường THPT. Nhiều địa phương đã xây dựng các trường THCS, THPT liên xã. Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi đến trường của Tây Nguyên đạt 99,6% - cao hơn so với bình quân cả nước và đứng thứ 3 toàn quốc. 100% trẻ em 5 tuổi tại các cơ sở giáo dục mầm non

được học 2 buổi/ngày - cao hơn bình quân cả nước và cao hơn cả vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Đến nay, về cơ bản toàn vùng Tây Nguyên đã đạt mục tiêu xóa mù chữ, 100% đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1. Cùng với đó, 40% đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; 74,2% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; cùng với 94% đơn vị cấp xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi ở cả ba cấp học trong những năm qua đều gia tăng, tương đương so với mức bình quân chung cả nước và tương đương với các vùng khác. Năm học 2020-2021, 5/5 tỉnh khu vực Tây Nguyên duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học. Tỷ lệ cơ sở giáo dục tiểu học tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đạt 94,1%; Tỷ lệ cơ sở giáo dục THCS tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đạt 84%, tăng gần gấp đôi so với cách đây 10 năm.

Chất lượng giáo dục toàn diện đã có bước tiến bộ vững chắc. Chất lượng giáo dục phổ thông có chuyển biến tích cực và thu hẹp dần khoảng cách với các địa phương trong cả nước. Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn từng bước

được mở rộng, góp phần đa dạng hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của vùng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Năm học 2021 - 2022, toàn vùng có 3.984 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên (tăng 494 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên so với năm học 2010 - 2011). Đặc biệt, các địa phương trong vùng đã chủ động thực hiện quy hoạch mạng lưới trường phổ thông dân tộc nội trú, nhằm đáp ứng nhu cầu tạo nguồn đào tạo nhân lực người dân tộc thiểu số. Toàn vùng có 59 trường phổ thông dân tộc nội trú và 68 trường phổ thông dân tộc bán trú. Trong đó, có 49/59 trường phổ thông dân tộc nội trú (chiếm tỷ lệ 83,05%) được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Chất lượng giáo dục của các trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú được cải thiện qua từng năm học.

Bên cạnh đó, mặc dù là Vùng có thu nhập bình quân đầu người xếp thứ 5 trên 6 vùng của cả nước, chỉ cao hơn vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, song Tây Nguyên lại là một trong những vùng có tốc độ phát triển giáo dục ngoài công lập cao nhất cả nước. Năm học 2020 - 2021, toàn vùng có 261 cơ sở giáo dục Mầm non, phổ thông ngoài công lập, tăng 150 cơ sở giáo dục so với cách đây 10 năm.

Ngành giáo dục và đào tạo các địa phương đã tích cực chăm lo, phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục đào tạo của mỗi địa phương. Việc bố trí, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đảm bảo theo khung năng lực, theo vị trí việc làm, chuyên môn đào tạo, phù hợp với điều kiện của địa phương. Năm học 2020 - 2021, toàn vùng có 82.066 giáo viên các cấp học (tăng 8.048 giáo viên, tương ứng 9,8%

so với năm học 2010 - 2011). Đến nay, về cơ bản đội ngũ giáo viên đã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tây Nguyên hiện có 9 cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của các trường đại học, 4 trường cao đẳng sư phạm và 107 cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Quy mô sinh viên đại học của vùng là trên 30.220 sinh viên. Trong đó, sinh viên là người dân tộc thiểu số chiếm 13,3%. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 50,2%.

Có được những kết quả tích cực trên là do các địa phương trong Vùng đã triển khai đồng bộ và hiệu quả các chính sách về giáo dục và đào tạo. Trong đó, có sự tăng cường đầu tư cho phát triển giáo dục, hoạt động xã hội hóa giáo dục từng bước được đẩy mạnh. Những năm gần đây, tổng chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại khu vực tăng dần qua các năm. Năm 2021, tổng chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 12.812 tỷ đồng, tăng 56% so với năm 2011.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giáo dục và đào tạo vùng Tây Nguyên còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế như: Quy hoạch mạng lưới trường lớp

còn bất cập; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Nhiều cơ sở giáo dục trên địa bàn còn thiếu phòng học, phòng học đã xuống cấp và quá tải, phải học 2 ca, học nhờ, học tạm; thiếu thư viện, nhà vệ sinh, công trình nước sạch. Trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập còn thiếu, nhiều thiết bị đã cũ, bị hỏng, xuống cấp không đáp ứng yêu cầu dạy, học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhất là ở các huyện vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Cơ cấu giáo viên giữa các môn học, cấp học chưa đồng bộ, vẫn còn tình trạng thừa, thiếu cục bộ tại các địa phương, trường học...

Chất lượng giáo dục vùng Tây Nguyên còn thấp hơn mặt bằng chung của cả nước; chất lượng dạy học môn tiếng dân tộc thiểu số chưa đáp ứng được kỳ vọng; chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực dân tộc thiểu số chưa đáp ứng được yêu cầu. Số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên còn bất cập, vẫn còn tình trạng thừa, thiếu cục bộ tại các địa phương, trường học. Số lượng giáo viên bỏ việc, ra khỏi ngành có xu hướng gia tăng ở một số địa bàn khó khăn làm tăng thêm áp lực về vấn đề thiếu giáo viên. Bên cạnh đó, những năm gần đây tình trạng



tăng dân số tự nhiên và cơ học do di cư tự do ở các địa phương trong vùng tăng, dẫn đến số học sinh do di cư tự do tăng mạnh, khiến số giáo viên đã thiếu lại càng thiếu hơn. Công tác xã hội hóa giáo dục nhiều nơi còn hạn chế do đời sống kinh tế - xã hội miền núi, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn...

Phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo vùng Tây Nguyên giai đoạn tới

Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được cũng như những khó khăn, tồn tại trong hoạt động giáo dục, đào tạo thời gian qua của vùng Tây Nguyên, mới đây tại Hội nghị phát triển giáo dục và đào tạo vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề ra mục tiêu phát triển giáo dục, đào tạo của vùng đến năm 2030. Trong đó, tập trung đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng cơ bản chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa; nâng cao chất lượng giáo dục, bao gồm giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, năng lực ngoại ngữ, tin học; cơ bản đáp ứng được nhu cầu nhân lực của sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của vùng; tăng cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng cao cho đồng bào dân tộc, tạo điều kiện cho người dân học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Quy hoạch mạng lưới trường, lớp hợp lý hơn; củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học. Xây dựng để án kiên cố hóa trường, lớp tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025. Nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nhất là nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ

Tổ quốc đến năm 2030, tầm nhìn 2045, coi đây là khâu đột phá cho sự phát triển nhanh và bền vững của vùng. Đến năm 2030, các chỉ tiêu về chất lượng giáo dục, đào tạo của vùng Tây Nguyên tiệm cận với mặt bằng chung của cả nước. Đến năm 2045, phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên tiệm cận với các vùng khác trên cả nước và từng bước tiệm cận với nền giáo dục trong khu vực.

Để đạt được những mục tiêu trên, các tỉnh vùng Tây Nguyên cần tiếp tục nỗ lực tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo cơ chế tốt để đẩy mạnh phát triển toàn diện giáo dục đạt mục tiêu đảm bảo nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội toàn vùng.

Một số nhiệm vụ cụ thể được đề cập tới, bao gồm: Các địa phương cần có nhận định, đánh giá khách quan về đặc điểm riêng của mỗi địa phương cũng như chung với toàn vùng để kịp thời đưa ra những chính sách, định hướng phát triển phù hợp; tiếp tục phát huy hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục; tập trung cao độ cho việc triển khai hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, trong đó chú trọng tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo đổi mới hiệu quả giáo dục; chú trọng bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên; quy hoạch mạng lưới trường, lớp khoa học, đảm bảo tạo thuận lợi cho phụ huynh và học sinh; giáo dục phổ thông của Tây Nguyên phải đảm bảo bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc trên địa bàn. Bên cạnh đó, cần tiếp tục nâng cao dân trí cho người dân nhằm đảm bảo phục vụ hiệu quả quá trình phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục đề ra các giải pháp

nhằm tăng tỷ lệ người học đại học trong độ tuổi nhằm góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...

Ngoài ra, ngành giáo dục và đào tạo các địa phương trong Vùng cần chủ động thực hiện rà soát quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên bảo đảm phù hợp với thực tiễn, có các biện pháp, phương án cụ thể giải quyết vấn đề trường, lớp tại từng địa bàn; có cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai để thu hút các nhà đầu tư tư nhân tham gia phát triển các cơ sở giáo dục tư thục; bảo đảm mức chi tối thiểu 20% ngân sách địa phương cho giáo dục theo quy định; có kế hoạch đặt hàng, định hướng các cơ sở đào tạo để cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, phù hợp với địa phương.

Với đặc điểm là vùng nhiều khó khăn, giáo dục Tây Nguyên đang phải thực thi nhiệm vụ nặng nề hơn so với các vùng khác. Theo đó, Vùng vừa phải giải quyết yêu cầu khó theo kịp các vùng khác, vừa phải thực hiện đổi mới như mọi vùng, cùng với đó là làm nhiệm vụ với đồng bào dân tộc. Tuy nhiên với thể mạnh, tiềm năng trong phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, chế biến nông sản... cùng những định hướng, cơ chế chính sách đặc thù riêng phù hợp, tin tưởng rằng bài toán về nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực tại Tây Nguyên sẽ có lời giải phù hợp, hiệu quả, đảm bảo mục tiêu đến năm 2030, các chỉ tiêu về chất lượng giáo dục, đào tạo của vùng Tây Nguyên tiệm cận với mặt bằng chung của cả nước; Và đến năm 2045, phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên tiệm cận với các vùng khác trên cả nước và từng bước tiệm cận với nền giáo dục trong khu vực./

HƯNG YÊN ĐẨY MẠNH THU HÚT DÒNG VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

TS. Nguyễn Thị Ái Liên - Nguyễn Thị Hương Giang

Khoa Đầu tư - Đại học Kinh tế quốc dân

Thực trạng thu hút vốn FDI tại tỉnh Hưng Yên

Trong thời gian qua, nhờ thực hiện quyết liệt, đồng bộ triển khai việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội, cũng như bám sát Chương trình Phục hồi và Phát triển kinh tế - xã hội, nên hoạt động xúc tiến, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Hưng Yên đạt được một số kết quả.

Trong giai đoạn 2012-2017, tổng số vốn FDI đăng ký mới có xu hướng tăng lên từ 228,02 triệu USD lên 444,47 triệu USD, tăng gần gấp đôi sau 5 năm. Số dự án cũng tăng lên từ 27 dự án lên 40 dự án. Tuy nhiên, đến năm 2018, tổng vốn FDI đăng ký mới của tỉnh Hưng Yên có sự giảm mạnh, chỉ còn 139,30 triệu USD (với 30 dự án) do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, sau đó tăng trở lại vào năm 2019 với 363,85 triệu USD (47 dự án). Từ năm 2020-2022, chịu tác động của dịch bệnh Covid-19, dòng vốn FDI đăng ký giảm chỉ còn dao động ở mức khoảng 250 triệu USD mỗi năm. Cụ thể, năm 2020, tỉnh Hưng Yên có 26 dự án được cấp phép mới, với số vốn đăng ký đạt 250,40 triệu USD, giảm 44,68% về số dự án và giảm 31,18% về vốn đăng ký so với năm 2019. Đến năm 2022, số dự án FDI

được cấp phép ở tỉnh Hưng Yên tiếp tục giảm xuống còn 27 dự án với tổng số vốn đăng ký là 257,50 triệu USD, tuy nhiên quy mô bình quân một dự án có xu hướng tăng lên, từ 7,74 triệu USD/dự án năm 2019 lên 15,14 triệu USD năm 2022.

Bảng 1: Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Hưng Yên theo quy mô, giai đoạn 2012-2022

Năm	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)
2012	27	228,02
2013	31	109,03
2014	49	378,54
2015	31	283
2016	39	339,68
2017	40	444,47
2018	30	139,30
2019	47	363,85
2020	26	250,40
2021	19	243,06
2022	17	257,40

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên)

Theo số liệu của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên, tính đến hết năm 2022, tại các khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có 221 doanh nghiệp FDI đăng ký thực hiện 280 dự án đầu tư còn hiệu

lực với tổng vốn đầu tư đăng ký, bao gồm: 278 dự án đầu tư thứ cấp và 02 dự án đầu tư hạ tầng KCN. Tổng diện tích đất thuê sử dụng của các dự án FDI thứ cấp tại các khu công nghiệp là 593 ha. Trong tổng số 280 dự án, có 253 dự án FDI đi vào hoạt động trên địa bàn các khu công nghiệp, gồm: 251 dự án đầu tư thứ cấp và 02 dự án đầu tư hạ tầng KCN. Tổng số lao động sử dụng của các doanh nghiệp FDI hiện nay khoảng 62.000 người.

Có 21 quốc gia, vùng lãnh thổ đăng ký thực hiện dự án đầu tư tại các KCN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên tính lũy kế đến cuối năm 2022. Trong đó, Nhật Bản dẫn đầu với 141 dự án và tổng vốn đầu tư đăng ký là 3.534,7 triệu đô la Mỹ, chiếm 50,36% về số dự án và 62,14% tổng vốn đầu tư; Hàn Quốc đứng thứ hai với 52 dự án và tổng vốn đầu tư đăng ký là 635,03 triệu đô la Mỹ, chiếm 18,57% về số dự án và 11,16% tổng vốn đầu tư; Hồng Kông đứng thứ ba với 22 dự án và tổng vốn đầu tư đăng ký là 359,46 triệu đô la Mỹ, chiếm 7,86% về số dự án và 6,32 % tổng vốn đầu tư.

Theo số liệu thống kê, tính lũy kế các dự án còn hiệu lực đến cuối năm 2021, Hưng Yên đứng thứ 10 cả nước về tổng vốn đăng ký FDI với 6099,5 triệu USD (515 dự án).

**Bảng 2: Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài
trong các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên
theo quốc gia/vùng lãnh thổ (Tính đến năm 2022)**

TT	Tên quốc gia, vùng lãnh thổ	Vốn đầu tư đăng ký		Số dự án đăng ký	Số dự án đang hoạt động
		Vốn đăng ký (Triệu USD)	Tỷ lệ % trên tổng vốn đầu tư FDI		
1	Nhật	3.534,73	50,36%	141	136
2	Hàn Quốc	635,03	18,57%	52	43
3	Hồng Kông	359,46	7,86%	22	19
4	Trung Quốc	327,97	8,21%	23	20
5	Singapore	236,32	3,21%	9	5

Các dự án FDI tại các khu công nghiệp chủ yếu tập trung vào các ngành nghề, lĩnh vực là thế mạnh của tỉnh, gồm: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; Hoạt động kinh doanh bất động sản; Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu; Sản xuất trang phục; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; Sản xuất thiết bị điện; Sản xuất chế biến thực phẩm; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác; Sản xuất kim loại; Dệt; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy;...

Có được kết quả trên là nhờ sự quan tâm của lãnh đạo Tỉnh đẩy mạnh triển khai đồng bộ các giải pháp như xây dựng danh mục, lĩnh vực khuyến khích, thu hút đầu tư hàng năm, đẩy mạnh, công tác xúc tiến đầu tư từ công tác tuyên truyền, quảng bá đến hỗ trợ nhà đầu tư về các thủ tục hành chính, đến việc tổ chức đi xúc tiến đầu tư nước ngoài, chủ động tìm kiếm và mời gọi các nhà đầu tư. Đồng thời, Tỉnh đã đề ra những chính sách nhằm ưu đãi dành cho các nhà đầu tư nước ngoài cũng như chủ động xử lý kịp thời những đề xuất, vướng mắc của doanh nghiệp gặp khó khăn, sớm thành lập các đầu mối tiếp nhận thông tin và ban hành văn bản giải quyết hợp lý các vấn đề mới phát sinh đối với các nhà đầu tư và doanh nghiệp trong bối cảnh mới.

Tỉnh Hưng Yên cũng đã thực hiện tốt các nhiệm vụ về cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của công chức cơ quan, nhằm bảo đảm các thủ tục hành chính được giải quyết nhanh chóng, chính xác, hiệu quả, đúng pháp luật. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý điều hành và thực thi công vụ gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp nhà đầu tư nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa tỉnh Hưng Yên.

Các giải pháp để tăng cường thu hút dòng vốn FDI

Thực tế cho thấy, dòng vốn FDI vào tỉnh Hưng Yên trong những năm qua tuy đạt nhiều kết quả, song bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập. Trước hết, công tác quy hoạch của tỉnh vẫn thiếu

tính linh hoạt, chưa phối hợp chặt chẽ được giữa quy hoạch tổng thể với quy hoạch ngành và phát triển theo vùng. Các thủ tục đầu tư tại Hưng Yên vẫn còn khá phức tạp và mất thời gian, đòi hỏi các nhà đầu tư phải dành nhiều nguồn lực để hoàn thành các thủ tục này. Hơn nữa, lao động ở Hưng Yên chủ yếu là những người làm nông nghiệp hoặc công nhân trong các nhà máy truyền thống, ít có lao động có trình độ cao hoặc lành nghề. Bên cạnh đó, Hưng Yên nằm trong khu vực Đông Bắc Việt Nam, mặc dù cận kề Thủ đô Hà Nội song lại có vị trí địa lý ít cạnh tranh, một số hạ tầng cơ sở như đường giao thông, điện, nước, viễn thông, ... có chất lượng chưa cao. Điều này khiến cho việc thu hút đầu tư tại địa phương gặp nhiều khó khăn hơn.

Để dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng trưởng cả về chất và lượng, Hưng Yên đã xác định ba đột phá chiến lược trong thu hút đầu tư FDI là: (1) Lập và quản trị phát triển theo quy hoạch tỉnh; ưu tiên dự án quy mô lớn, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ số,...; (2) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông; (3) Xây dựng đội ngũ cán bộ năng lực, trình độ tốt và lực lượng lao động chất lượng cao. Thêm vào đó, để bảo đảm đầu tư bền vững, tỉnh đã đề ra chính sách khá rõ ràng và cụ thể như: Không cấp phép cho các dự án công nghệ lạc hậu, tác động xấu đến môi trường; các ngành chức năng cần thẩm tra kỹ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Để nâng cao hơn nữa năng lực thu hút dòng vốn FDI vào địa phương, tỉnh Hưng Yên cần tập trung vào các giải pháp chủ yếu sau:

- Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách, thủ tục: (i) Làm tốt công tác

xây dựng quy hoạch dựa trên kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, có xem xét đến chiến lược phát triển của vùng, ngành. Quy hoạch cần có tính khoa học, tính khả thi phù hợp với các khả năng, điều kiện thực tế của tỉnh, đảm bảo sự rõ ràng, cụ thể nhưng vẫn cần có sự linh hoạt để doanh nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận và thực hiện. (ii) Tỉnh cần ban hành danh mục các dự án kêu gọi hợp tác đầu tư nước ngoài rõ ràng, được truyền thông công khai minh bạch, giúp nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận và tìm ra cơ hội thích hợp để đầu tư. (iii) Xây dựng mạng lưới thông tin điện tử liên thông, xuyên suốt giữa các cơ quan trong tỉnh, giúp cho việc kết nối giữa các bộ phận và các cấp được diễn ra liên tục. (iv) Tạo website riêng để thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, tránh thủ tục rườm rà gây mất thời gian của nhà đầu tư. (v) Có phương án giải quyết hiệu quả những vướng mắc trong thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi trong đăng ký đầu tư, xin cấp phép đầu tư, điều chỉnh giấy phép đầu tư cùng với những thủ tục hành chính khác. Kiểm soát thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của công chức cơ quan, nhằm bảo đảm các thủ tục hành chính được giải quyết nhanh chóng, chính xác, hiệu quả, đúng pháp luật. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý điều hành và thực thi công vụ gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp nhà đầu tư nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa tỉnh Hưng Yên.

- *Nhóm giải pháp tăng cường ngoại giao kinh tế:* Tỉnh cần được đặc biệt quan tâm tăng cường công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế nhằm huy động các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao vị thế của tỉnh. Đồng thời tăng cường triển khai công tác xúc tiến đầu tư ở nước ngoài và đón tiếp các đoàn quốc tế đến thăm, làm việc với tỉnh. Tổ chức những ngày hội giới thiệu quảng bá hình ảnh và phổ biến chính sách ưu đãi đầu tư vào các khu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- *Nhóm giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng:* Tỉnh cần tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các công trình về giao thông, điện, nước và viễn thông, để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và hoạt động vận chuyển, xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Cần xây dựng thêm các tuyến đường giao thông kết nối với các địa phương khác trong khu vực và trên toàn quốc để khắc phục hạn chế trong vị trí địa lý của tỉnh. Việc phát triển cơ sở hạ tầng cần tính đến yếu tố phát triển bền vững, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Bên cạnh đó, tỉnh cần thực hiện hỗ trợ những dịch vụ khép kín (điện, nước, xử lý nước thải...) trong khu công nghiệp từ giai đoạn đầu của dự án cho đến khi dự án kết thúc. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành cơ sở hạ tầng để nâng cao hiệu quả và đảm bảo tính tiện ích cho doanh nghiệp. Đồng thời cần thành lập, xây dựng các cơ quan quản lý và vận hành cơ sở hạ tầng nhằm đáp ứng được nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

- *Nhóm giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:* Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực gắn với chiến lược thu hút dòng vốn FDI của tỉnh.

Nắm bắt yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực của các doanh nghiệp nước ngoài để từ đó có kế hoạch phù hợp mang tính “đi tắt đón đầu” trong công tác đào tạo nguồn nhân lực. Để giải pháp này được thực thi tốt nhất, tỉnh cần lấy nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp FDI làm tiêu chí hàng đầu trong phát triển nhân lực, đồng thời cần dựa trên tín hiệu của thị trường lao động và mức độ đáp ứng về nhân lực hiện nay để hoạch định chính sách, đào tạo nguồn nhân lực. Cùng với đó, tỉnh cần tăng cường hợp tác với doanh nghiệp trong việc đào tạo nhân lực chất lượng cao và tìm kiếm cơ hội việc làm cho người dân địa phương. Thực hiện quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo, dạy nghề nhằm đảm bảo công tác đào tạo, dạy nghề và cung cấp đủ lao động lành nghề tại chỗ cho các doanh nghiệp. Áp dụng công nghệ mới, chuyển đổi số trong công tác đào tạo nguồn nhân lực và giới thiệu việc làm. Khuyến khích xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, tạo điều kiện thu hút mọi nguồn lực của xã hội tham gia đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp, từ đó tạo ra nguồn lao động chất lượng cao dồi dào đáp ứng tốt yêu cầu phát triển và hội nhập./

Tài liệu tham khảo:

1. Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2012 – 2022), *Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
2. Nguyễn Viết Lợi, *Chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và những vấn đề cần cải thiện*, Viện chiến lược và chính sách tài chính.
3. PGS. TS. Vũ Chí Lộc (2011). Giáo trình *Đầu tư quốc tế*, NXB Đại học Ngoại thương.
4. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2022), *Báo cáo Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2023*.
5. Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên Ban quản lý các khu công nghiệp.

Tình hình đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý của tỉnh Thái Nguyên ước đạt 1.528,7 tỷ đồng (bằng 18,2% kế hoạch), tăng 13,1% so với cùng kỳ. Chia ra: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh ước đạt 923 tỷ đồng (bằng 25,4% kế hoạch), tăng 14,8% so với cùng kỳ; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện ước đạt 572,4 tỷ đồng (bằng 12,7% kế hoạch), tăng 13,5% so với cùng kỳ; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã ước đạt gần 33,3 tỷ đồng (bằng 12,3% kế hoạch), giảm 23,2% so với cùng kỳ.

Tình hình giải ngân vốn đầu tư công: Tính đến thời điểm 31/3/2023, trên địa bàn tỉnh đã giải ngân vốn đầu tư công được trên 772,5 tỷ đồng, đạt 9,8% kế hoạch vốn do Thủ tướng giao và đạt 9,2% kế hoạch địa phương giao. Ước lý kể từ đầu năm đến hết ngày 30/4/2023, toàn tỉnh giải ngân khoảng 1.327 tỷ đồng, đạt 16,9% kế hoạch vốn do Thủ tướng giao và đạt 15,8% kế hoạch địa phương giao.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh có 08 dự án FDI cấp mới với tổng số vốn đăng ký là 98,2 triệu USD; điều chỉnh tăng vốn cho 03 dự án với số vốn tăng là 7,35 triệu USD. Luỹ kế đến nay trên địa bàn tỉnh có 180 dự án FDI còn hiệu lực với tổng mức đầu tư đăng ký đạt gần 10,5 tỷ USD./.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên

Thanh Hóa: Vận tải hành khách và hàng hóa tăng cao so với cùng kỳ

Doanh thu vận tải hàng hóa tháng 4/2023 ước đạt 953,9 tỷ đồng, tăng 2,4% so với tháng trước, tăng 25,6% so tháng cùng kỳ; hàng hoá vận chuyển 6,1 triệu tấn, hàng hóa luân chuyển 272,2 triệu tấn.km; so với tháng trước, tăng 1,3% về hàng hóa vận chuyển, tăng 2,1% về hàng hóa luân chuyển; so với tháng cùng kỳ năm trước, tăng 20,4% về hàng hóa vận chuyển, tăng 20,1% về hàng hóa luân chuyển.

Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 430,3 tỷ đồng, tăng 3,2% so tháng trước, tăng 71,8% so tháng cùng kỳ. Doanh thu bưu chính, chuyển phát ước đạt 6,1 tỷ đồng, tăng 3,0% so tháng trước, tăng 37,1% so tháng cùng kỳ.

TIN ĐỊA PHƯƠNG

Luỹ kế 4 tháng đầu năm 2023, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 1.762 tỷ đồng, tăng 64,7% so với cùng kỳ, hành khách vận chuyển 13,9 triệu người, hành khách luân chuyển 913,2 triệu người.km, tăng 64,0% về hành khách vận chuyển, tăng 65,6% về hành khách luân chuyển so với cùng kỳ năm trước; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 3.699 tỷ đồng, tăng 25,3% so với cùng kỳ; hàng hoá vận chuyển 23,7 triệu tấn, hàng hóa luân chuyển 1.058 triệu tấn.km, tăng 20,6% về hàng hóa vận chuyển, tăng 18,8% về hàng hóa luân chuyển so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 1.447 tỷ đồng, tăng 49,4% so cùng kỳ; doanh thu bưu chính, chuyển phát ước đạt 23,8 tỷ đồng, tăng 37,1% so cùng kỳ./.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa

Quảng Trị: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng khá

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tỉnh Ninh Thuận ước tính đạt 10.179,99 tỷ đồng, tăng 18,54% so với cùng kỳ năm trước.

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 8.184,21 tỷ đồng, chiếm 80,40% tổng mức và tăng 17,73% so với cùng kỳ năm trước. Các nhóm hàng có tổng mức bán lẻ hàng hóa lớn và tăng khá như: hàng may mặc tăng 24,37%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 22,71%; ô tô con tăng 22,27%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 17,21%...

Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước tính đạt 1.465,33 tỷ đồng, chiếm 14,39% tổng mức và tăng 27,05% so với cùng kỳ năm trước; bao gồm: doanh thu dịch vụ lưu trú 71,68 tỷ đồng, tăng 99,07%; doanh thu dịch vụ ăn uống 1.393,65 tỷ đồng, tăng 24,73%.

Doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 1,12 tỷ đồng, chiếm 0,01% tổng mức và tăng 24,86% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 529,33 tỷ đồng, chiếm 5,20% tổng mức và tăng 9,77% so với cùng kỳ năm trước./.

Nguồn Cục thống kê tỉnh Quảng Trị

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 - Hoạt động của các doanh nghiệp trên 50% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam

“Tổng điều tra kinh tế năm 2021 – Hoạt động của các doanh nghiệp trên 50% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam” là một ấn phẩm chuyên sâu đánh giá về kết quả hoạt động của các doanh nghiệp có trên 50% vốn góp thuộc các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Affiliates Statistics - FATS). Đây là ấn phẩm về kết quả hoạt động của các chi nhánh, công ty con nước ngoài tại Việt Nam được tổng hợp và biên soạn từ kết quả cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2021, điều tra doanh nghiệp hằng năm của Tổng cục Thống kê và một số dữ liệu do các Bộ, ngành cung cấp. Ấn phẩm này vừa được Tổng cục Thống kê biên soạn và công bố quý IV năm 2022.

Nội dung ấn phẩm bao gồm một số nhận định khái quát và số liệu thống kê về kết quả hoạt động của các doanh nghiệp FATS giai đoạn 2016-2020, phản ánh quá trình hội nhập của Việt Nam với thế giới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cách thức tiếp cận thị trường của các nước thông qua các chi nhánh, công ty con của mình tại nước sở tại, được Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) gọi là “Hiện diện thương mại-Phương thức 3”, đang phát triển nhanh chóng.

Ấn phẩm có 03 phần, trong đó:
Phần I: Khái quát về các chi nhánh, công ty con nước ngoài có trên 50% vốn góp thuộc nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài với các nội dung: (1) Doanh nghiệp FATS chiếm tỷ trọng lớn trong khối doanh nghiệp FDI và hoạt động tập trung chủ yếu

ở các vùng kinh tế lớn; (2) Doanh nghiệp FATS chủ yếu hoạt động trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; (3) Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp FATS ổn định và bền vững hơn so với các doanh nghiệp khác; (4) Xuất, nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp FATA có xu hướng tăng và tốc độ tăng cao hơn tốc độ tăng chung của nền kinh tế; (5) Các doanh nghiệp FATS chủ yếu đến từ các nước phát triển thuộc khu vực châu Á.

Phần II: Các bảng biểu số liệu về các nội dung: Một số chỉ tiêu chủ yếu của doanh nghiệp phân loại theo loại hình doanh nghiệp; Một số chỉ tiêu của doanh nghiệp có trên 50% vốn góp thuộc nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài so với loại hình doanh nghiệp khác; Số doanh nghiệp có trên 50% vốn góp thuộc nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 phân theo ngành kinh tế, phân theo địa phương; Lao động trong các doanh nghiệp có trên 50% vốn góp thuộc nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 phân theo ngành kinh tế, phân theo địa phương;

Các số liệu về: Nguồn vốn, Tài sản cố định và đầu tư dài hạn, Doanh thu thuần, Lợi nhuận trước thuế, Xuất khẩu hàng hóa, nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp có trên 50% vốn góp thuộc nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 phân theo ngành kinh tế...

Phần III: Một số khái niệm và định nghĩa liên quan: Nguồn số liệu, đơn vị điều tra, lao động, nguồn vốn, tài sản cố định và đầu tư dài hạn, doanh thu thuần, lợi nhuận, xuất khẩu hàng hóa, nhập khẩu hàng hóa, nước góp vốn đầu tư.

Với những số liệu, phân tích và đánh giá về đánh giá về kết quả hoạt động của các doanh nghiệp có trên 50% vốn góp thuộc các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài tại ấn phẩm đã cho thấy, các doanh nghiệp FATS đã và đang sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng là cầu nối giữa nền kinh tế Việt Nam và thế giới, với nguồn lực khá bền vững và ổn định từ các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp FATS luôn duy trì và phát triển ổn định, giải quyết tốt vấn đề việc làm cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế-xã hội cho các địa phương và toàn bộ nền kinh tế. Kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FATS đóng góp vào tăng trưởng xuất khẩu, cải thiện cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam và tăng trưởng GDP của toàn nền kinh tế.

Cuốn sách cũng cho thấy, các doanh nghiệp Việt Nam chưa tham gia nhiều vào các ngành công nghiệp phụ trợ do trình độ sản xuất thấp, thiếu cạnh tranh và đặc biệt là chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu để tham gia chuỗi cung ứng, sản xuất toàn cầu nói chung và cung cấp cho doanh nghiệp công nghiệp FATS nói riêng, đây cũng là cơ hội và thách thức không nhỏ cần phải cải thiện trong năm tới./.

T.H

KẾT QUẢ NĂM ĐẦU TIÊN THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU ĐẾN NĂM 2045 NƯỚC TA TRỞ THÀNH NƯỚC PHÁT TRIỂN, THU NHẬP CAO

TS. Nguyễn Huy Lương

Nguyên Cục trưởng CTK - Chủ tịch Hội Thống kê tỉnh Phú Thọ

Tháng 1 năm 2021, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2045 nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Vậy tại năm gốc 2020 nước ta đang ở ngưỡng nào so với mục tiêu? Và sau một năm (đến hết năm 2021) kết quả thực hiện mục tiêu đó như thế nào? Bài viết này sẽ trả lời hai câu hỏi đó trên cơ sở áp dụng Phương pháp biên soạn chỉ số đánh giá trình độ phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH) của Việt Nam¹ của Tổng cục Thống kê.

Phương pháp biên soạn chỉ số đánh giá trình độ phát triển KT - XH của Việt Nam

Chỉ số phát triển KT-XH (Sociol Economic Development Index - Viết tắt là SEDI) là một chỉ số tổng hợp được tính toán trên cơ sở kết quả thực hiện các chỉ tiêu thành phần. SEDI được sử dụng để đánh giá, so sánh, xếp hạng trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương, các vùng trong một nền kinh tế, hoặc giữa các nền kinh tế với nhau. Trên Thế giới đã có một số nước và tổ chức quốc tế nghiên cứu xây dựng,

1. Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp bộ, mã số 2.1.6-B20-21 đã được Cục Thông tin và Khoa học công nghệ quốc gia - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy Chứng nhận số 2021-74-1058/KQNC ngày 03/6/2021.

biên soạn, công bố SEDI như: Thổ Nhĩ Kỳ, Ngân hàng Trung ương châu Âu,...

Ở Việt Nam, Tổng cục Thống kê đã hoàn thành nghiên cứu, công bố phương pháp biên soạn chỉ số đánh giá trình độ phát triển Kinh tế - Xã hội của Việt Nam (ký hiệu là Sⁿ) để đánh giá trình độ phát triển Kinh tế - Xã hội (KT - XH) cho phạm vi toàn quốc, phạm vi từng vùng và phạm vi từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết chung là tỉnh) ở nước ta đến một năm nhất định (n). Theo đó, toàn quốc/hoặc vùng/ hoặc tỉnh sẽ trở thành nước/hoặc vùng/hoặc tỉnh phát triển, thu nhập cao khi đạt các tiêu chí thành phần sau:

- Về kinh tế gồm 4 tiêu chí:

(1) Thu nhập bình quân đầu người (tương ứng ngưỡng nước phát triển, thu nhập cao do Ngân hàng Thế giới (WB) công bố hằng năm);



(2) Tỷ lệ đô thị hóa (ĐTH) đạt 80%;

(3) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) đạt 100%;

(4) Tỷ lệ lao động đang làm việc trong các ngành phi nông lâm thủy sản (LĐPN) đạt 90%.

- Về xã hội gồm 4 tiêu chí:

(5) Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ từ sơ cấp trở lên (LĐQĐT) đạt 50%;

(6) Tuổi thọ trung bình của dân số tính từ lúc sinh (TTTB) đạt 80 năm;

(7) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (TLHN) dưới 2,5%;

(8) Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (GINI) đạt 0,3.

- Về môi trường gồm 2 tiêu chí:

(9) Tỷ lệ diện tích rừng hiện có so với tổng diện tích đất lâm nghiệp (TLRHC) đạt 100%;

(10) Tỷ lệ hộ dân cư được sử dụng nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh (HVS) đạt 100%.

Quy trình biên soạn S^n gồm các bước chính sau:

- Thu thập thông tin, tính toán kết quả đạt được của từng tiêu chí thành phần đến năm cần đánh giá (n) phạm vi toàn quốc/hoặc vùng/hoặc tỉnh;

- Tính trọng số tương ứng kết quả đạt được của từng tiêu chí thành phần; xác định mức chuẩn thu nhập bình quân đầu người tương ứng với ngưỡng nước thu nhập cao do WB công bố áp dụng cho năm nghiên cứu;

- Tổng hợp, xác định chỉ số phát triển chung và các chỉ số thành phần theo thang điểm 100;

- Xếp hạng các tỉnh, hoặc xếp hạng các vùng (trường hợp áp dụng đánh giá trình độ phát triển của các vùng, các tỉnh).

Kết quả năm đầu thực hiện mục tiêu phấn đấu đến năm 2045 nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao

Trình độ phát triển của cả nước đến năm 2020 và đến năm 2021

Bảng 1. Kết quả thực hiện các tiêu chí thành phần đến năm 2020

Tiêu chí	Đơn vị tính	Chuẩn 2020	Kết quả 2020
A	B	C	1
1. Thu nhập bình quân (tương ứng ngưỡng nước thu nhập cao của WB)	Triệu đồng	185,3	51,0
2. Tỷ lệ đô thị hóa	%	80	36,82
3. Tỷ lệ xã đạt xã nông thôn mới	%	100	65,23
4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	90	71,46
5. Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo	%	50	21,1
6. Tuổi thọ trung bình	Năm	80	73,7
7. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	≤ 2,5	4,8
8. Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập	Lần	0,3	0,373
9. Tỷ lệ diện tích rừng hiện có	%	100	95,3
10. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh	%	100	97,4

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2021 của Tổng cục Thống kê; Dữ liệu thống kê đất đai năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, dữ liệu xã nông thôn mới của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới Trung ương và tính toán của tác giả.

Bảng 2. Kết quả thực hiện các tiêu chí thành phần đến năm 2021

Tiêu chí	Đơn vị tính	Chuẩn 2021	Kết quả 2021
A	B	C	1
1. Thu nhập bình quân (tương ứng ngưỡng nước thu nhập cao của WB)	Triệu đồng	177,6	50,5
2. Tỷ lệ đô thị hóa	%	80	37,12
3. Tỷ lệ xã đạt xã nông thôn mới	%	100	70,66
4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	90	71,02
5. Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo	%	50	26,1
6. Tuổi thọ trung bình	Năm	80	73,6
7. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	≤ 2,5	4,4
8. Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập	Lần	0,3	0,374
9. Tỷ lệ diện tích rừng hiện có	%	100	95,7
10. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh	%	100	98,1

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2021 của Tổng cục Thống kê; Dữ liệu thống kê đất đai năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, dữ liệu xã nông thôn mới của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới Trung ương và tính toán của tác giả.

Từ kết quả đạt được tại Bảng 1 và Bảng 2 trên đây, áp dụng phương pháp biên soạn chỉ số đánh giá trình độ phát triển KT - XH của Tổng cục Thống kê thu được các chỉ số thành phần và chỉ số phát triển chung của cả nước đến năm 2020 và đến năm 2021 như sau:

Bảng 3. Chỉ số phát triển của cả nước đến năm 2020 và đến năm 2021

Đơn vị tính: Điểm

Tiêu chí	Chuẩn cần đạt	Chỉ số phát triển đến 2020	Chỉ số phát triển đến 2021
A	B	1	2
Chỉ số phát triển chung (Sⁿ)	100	61,78	63,25
1. Thu nhập bình quân (tương ứng ngưỡng nước thu nhập cao của WB)	18,18	5,0	5,17
2. Tỷ lệ đô thị hóa	16,36	7,53	7,59
3. Tỷ lệ xã đạt xã nông thôn mới	12,73	8,3	8,99
4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	10,91	8,66	8,61
5. Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo	14,55	7,01	7,59
6. Tuổi thọ trung bình	7,27	6,7	6,69
7. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	5,45	5,19	5,21
8. Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập	9,09	8,14	8,13
9. Tỷ lệ diện tích rừng hiện có	3,64	3,46	3,48
10. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh	1,82	1,77	1,78

Theo Bảng 3, đến năm 2020 (năm trước năm tiến hành Đại hội lần thứ XIII của Đảng) nước ta đạt 61,78/100 điểm so với ngưỡng của nước phát triển, thu nhập cao, đến năm 2021 (sau một năm tiến hành Đại hội lần thứ XIII của Đảng) nước ta đạt 63,25/100 điểm, tăng 1,47 điểm, trong đó có 7/10 tiêu chí thành phần đạt trên 50% ngưỡng nước phát triển, thu nhập cao, còn có 3/10 tiêu chí thành phần đạt dưới 50% ngưỡng nước phát triển, thu nhập cao đó là: Thu nhập bình quân đầu người mới chỉ đạt 27,52%; tỷ lệ đô thị hóa mới chỉ đạt 46,03% và tỷ lệ lao động đã qua đào tạo mới chỉ đạt 48,2%.

Như vậy để trở thành nước phát triển, thu nhập cao trong những năm tới nước ta cần ưu tiên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư nguồn lực nhằm tạo nhiều việc làm để nâng cao thu nhập bình quân đầu người, đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa và nâng cao tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo./.

TÌNH HÌNH KINH TẾ...

(Tiếp theo trang 15)

Từ ngày 08/3/2021 đến ngày 25/4/2023, tổng số liều vắc xin phòng Covid-19 đã được tiêm là 266,2 triệu liều.

c) Hoạt động văn hóa, thể thao

Về thể thao thành tích cao, trong tháng 4/2023 diễn ra một số sự kiện và thành tích nổi bật như: Trao giải Vô địch cờ vua đồng đội quốc gia năm 2023 được tổ chức tại Bắc Giang; Giải vô địch bóng chuyền các câu lạc bộ nữ châu Á Cúp VTV Cab năm 2023 diễn ra tại Vĩnh Phúc; Liên đoàn Bóng đá Việt Nam (VFF) đã tổ chức họp báo trước thêm vòng loại thứ nhất U17 nữ châu Á 2024; Tổng cục Thể dục thể thao đã tổ chức họp báo thông tin về công tác chuẩn bị của đoàn Thể thao Việt Nam tham dự SEA Games 32. Đoàn tham dự gồm 1.003 thành viên, trong đó: 31 cán bộ, 31 bác sĩ, 37 lãnh đội, 10 chuyên gia, 189 huấn luyện viên và 702 vận động viên.

d) Tai nạn giao thông

Tính chung 4 tháng đầu năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 3.159 vụ tai nạn giao thông làm 1.895 người chết, 1.252 người bị thương và 902 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 17%, số người chết giảm 16,7%, số người bị thương giảm 5,7% và số người bị thương nhẹ giảm 18,3%. Bình quân 1 ngày trong 4 tháng đầu năm, trên địa bàn cả nước xảy ra 26 vụ tai nạn giao thông làm 16 người chết, 10 người bị thương và 08 người bị thương nhẹ.

đ) Thiệt hại do thiên tai

Tính chung 4 tháng đầu năm nay, thiên tai làm 4 người chết, 9 người bị thương; hơn 1 nghìn ngôi nhà bị sập đổ và hư hỏng; hơn 4 nghìn con gia súc, gia cầm bị chết; 10,2 nghìn ha lúa và hoa màu bị hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 123,3 tỷ đồng, giảm 96,6% so với cùng kỳ năm 2022.

e) Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ

Tính chung 4 tháng đầu năm nay đã phát hiện 6.763 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 5.919 vụ với tổng số tiền phạt là 95,5 tỷ đồng, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4 tháng đầu năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 525 vụ cháy, nổ, làm 25 người chết và 30 người bị thương, thiệt hại ước tính 49,3 tỷ đồng, giảm 37,8% so với cùng kỳ năm trước./.

(Trích Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội tháng Tư và 4 tháng đầu năm 2023 - TCTK)

ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG VỚI CUỘC SỐNG VÀ CẢM NHẬN HẠNH PHÚC CỦA THANH NIÊN VIỆT NAM QUA KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ TRẺ EM VÀ PHỤ NỮ

ThS. Tô Thúy Hạnh

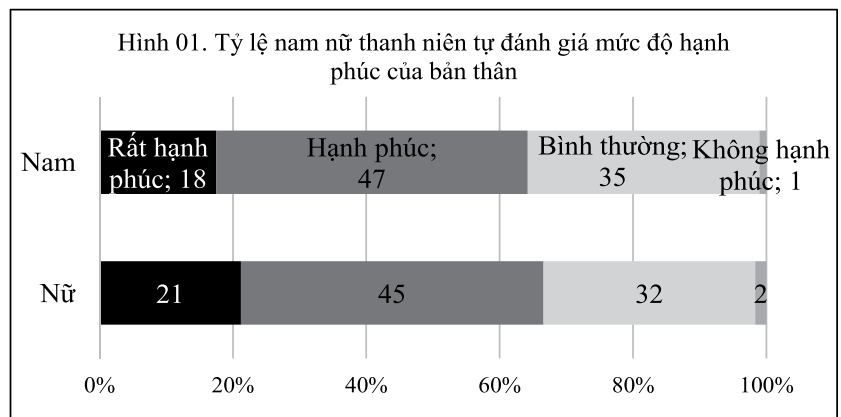
Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường - TCTK

Thanh niên theo Luật Thanh niên quy định thanh niên là những người từ đủ 16 đến 30 tuổi, đây là lực lượng xung kích trong các phòng trào phát triển xã hội khi hội tụ đầy đủ các đặc điểm sức trẻ, sức khỏe, sức sáng tạo và nhiệt huyết. Các kết quả trong bài viết về đánh giá sự hài lòng với cuộc sống và cảm nhận hạnh phúc của thanh niên Việt Nam được tác giả tự tính từ Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ (gọi tắt là SDGCW 2020-2021) của Tổng cục Thống kê phối hợp với Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc.

SDGCW 2022-2021 là cuộc điều tra mẫu hộ gia đình trên toàn quốc với quy mô mẫu 14000 hộ, thu thập các thông tin về trẻ em, phụ nữ và nam giới trong độ tuổi từ 15-49 tuổi. Khoảng hơn 4000 nữ thanh niên và gần 2000 nam thanh niên đã được phỏng vấn 2 câu hỏi đơn giản về hạnh phúc và sự hài lòng với cuộc sống. Theo đó thanh niên được phỏng vấn tự đánh giá xem cảm nhận cuộc sống qua 5 mức độ từ rất hạnh phúc cho đến rất không hạnh phúc và tự xếp hạng mức độ hài lòng với cuộc sống qua thang điểm từ 0 đến 10.

Khi nghĩ đến thanh niên, chúng ta luôn nghĩ đến tinh thần vui vẻ lạc quan, nhiệt huyết và luôn sẵn sàng,

dường như đó là độ tuổi mà mỗi cá nhân đều cảm thấy hạnh phúc và lạc quan. Qua kết quả Điều tra SDGCW 2020-2021, đáng ngạc nhiên là 66% nữ thanh niên và 65% nam thanh niên cảm thấy hạnh phúc hoặc rất hạnh phúc, như vậy còn tới hơn 30% thanh niên cảm thấy cuộc sống này chưa đạt được mức độ hạnh phúc. Trong đó 32% nữ thanh niên và 35% nam thanh niên cảm thấy bình thường, 1% nam và 2% nữ cảm thấy không hạnh phúc.

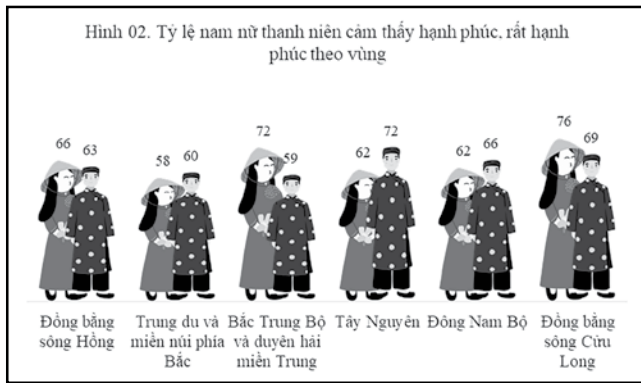


Khu vực sống, trình độ học vấn, dân tộc, tình trạng hôn nhân hay tình trạng giàu nghèo có ảnh hưởng tới cảm nhận hạnh phúc của thanh niên.

Mức độ hạnh phúc của thanh niên có sự khác biệt giữa các vùng kinh tế, có tới 76% nữ thanh niên ở vùng đồng bằng sông Cửu Long cảm thấy hạnh phúc, trong khi tỷ lệ này ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 58%. Tỷ lệ nam thanh niên cảm thấy hạnh phúc cao nhất ở vùng Tây Nguyên với 72% và thấp nhất ở vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung với 59%.

Một điểm đáng ngạc nhiên là nếu như không thấy sự khác biệt chung nam thanh niên và nữ thanh niên cả nước về cảm nhận hạnh phúc thì 2 vùng Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ, khác biệt cảm nhận hạnh phúc theo giới khá lớn (trên 10%). Ở vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, nữ thanh niên cảm thấy hạnh phúc nhiều hơn nam thanh niên (72% so với 59%), trong khi đó ở vùng Tây Nguyên

thì ngược lại (72% ở nam so với 62% ở nữ).



Không có gì đáng ngạc nhiên khi tỷ lệ thanh niên cảm thấy hạnh phúc khá thấp ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc, đây là vùng kinh tế kém phát triển nhất trong cả nước và tập trung đông người dân tộc. Năm 2021, theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê thì vùng Trung du và miền núi phía Bắc có tỷ lệ nghèo cao nhất cả nước là 13,4% (cao gấp 3 lần tỷ lệ nghèo đa chiều cả nước)¹. Cảm nhận về hạnh phúc giữa nữ thanh niên dân tộc Kinh so với dân tộc thiểu số khác biệt lớn (lên tới 18%), nếu như 69% nữ thanh niên dân tộc Kinh cảm thấy hạnh phúc thì chỉ có 52% nữ thanh niên dân tộc thiểu số có cảm giác này. Khoảng cách này là 10% trong nhóm nam thanh niên (66% cho nhóm Kinh/Hoa và 56% nhóm dân tộc thiểu số).

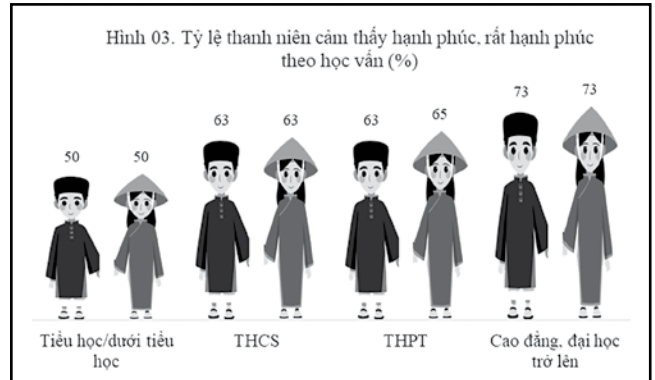
TP. Hồ Chí Minh có mật độ dân số gấp 1,8 lần Hà Nội², nhiều thanh niên trẻ vào tìm cơ hội phát triển nên áp lực về cuộc sống ở Hồ Chí Minh đối với thanh niên có phần nặng hơn so với Hà Nội. Có 74-75% thanh niên nam nữ sống ở Hà Nội cảm thấy hạnh phúc, cao hơn 10% so với tỷ lệ thanh niên cảm thấy hạnh phúc với cuộc sống ở thành phố Hồ Chí Minh (66% với nữ và 64% với nam thanh niên).

Hôn nhân dường như có nhiều tác động tích cực đối với nam thanh niên, có 78% nam thanh niên đã kết hôn/ đang chung sống như vợ chồng cảm thấy hạnh phúc (hoặc rất hạnh phúc) với cuộc sống, trong khi tỷ lệ này 57% ở nhóm thanh niên nam độc thân. Với nữ giới thì sự khác biệt không nhiều, 69% nữ thanh niên đã kết hôn cảm thấy hạnh phúc so với 63% nữ thanh niên độc thân.

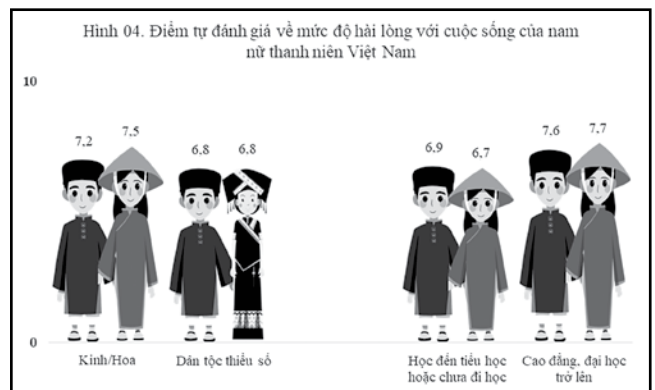
Đối với nam nữ thanh niên học đến tiểu học, có ít trong số họ cảm thấy hạnh phúc/ rất hạnh phúc như nhóm thanh niên học đến cao đẳng, đại học trở lên.

Chỉ có 50% nam nữ thanh niên có trình độ tiểu học hoặc dưới tiểu học cảm thấy hạnh phúc trong khi hơn 73% thanh niên có trình độ cao đẳng đại học trở lên cảm thấy điều này.

Yếu tố hoàn cảnh kinh tế (hay tình trạng giàu nghèo) cũng tác động đến cảm nhận hạnh phúc của thanh niên. Có 56% thanh niên nam nữ thuộc các hộ có mức sống thấp nhất cảm thấy hạnh phúc, trong khi 81% nữ thanh niên và 75% nam thanh niên thuộc các hộ có mức sống khá giả nhất cảm thấy điều này.



Thanh niên trong Điều tra SDGCW 2020-2021 được phỏng vấn tự đánh giá mức độ hài lòng với cuộc sống theo thang điểm 10 với 0 là cuộc sống tồi tệ nhất và 10 là cuộc sống tốt nhất có thể. Thanh niên Việt Nam tự đánh giá ở mức 7,1/10 đối với nam và 7,4/10 đối với nữ. Mức điểm về độ hài lòng với cuộc sống không có sự khác biệt lớn giữa các khu vực sống, giới tính, mức sống giàu nghèo. Tuy nhiên, nam nữ thanh niên có trình độ thấp hay thuộc dân tộc thiểu số có xu hướng chưa đạt được sự hài lòng với cuộc sống như nhóm trình độ cao, dân tộc Kinh.



Như vậy theo quan điểm tự đánh giá của thanh niên có thể thấy, phần đông thanh niên Việt Nam đang cảm thấy hạnh phúc và khá hài lòng với cuộc sống, các yếu tố khu vực sống, giáo dục, dân tộc, giới tính và tình trạng giàu nghèo đều có những tác động đến cảm nhận hạnh phúc của thanh niên.

1. Tỷ lệ nghèo đa chiều cả nước năm 2021 là 4,4%. Kết quả Khảo sát mức sống dân cư năm 2021, Tổng cục Thống kê
 2. Mật độ dân số Hà Nội là 2480 người/km² và Hồ Chí Minh là 4375 người/km² năm 2021, theo số liệu của Tổng cục Thống kê

Bảng: Phần trăm nam nữ thanh niên cho rằng cuộc sống khá hạnh phúc hoặc rất hạnh phúc và điểm tự đánh giá về sự hài lòng với cuộc sống, SDGCW 2020-2021

	% thanh niên cho rằng cuộc sống hiện tại khá hạnh phúc hoặc rất hạnh phúc		Điểm thanh niên tự đánh giá về sự hài lòng với cuộc sống hiện tại		Số thanh niên được phỏng vấn	
	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam
Cả nước	67	64	7.4	7.1	4187	1891
Khu vực						
Thành thị	68	64	7.6	7.1	1241	535
Nông thôn	66	64	7.3	7.1	2946	1356
Vùng						
Đồng bằng sông Hồng	66	63	7.5	7.0	718	312
Trung du và miền núi phía Bắc	58	60	7.0	6.8	1006	434
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	72	59	7.4	7.0	561	246
Tây Nguyên	62	72	7.1	7.5	509	286
Đông Nam Bộ	62	66	7.4	7.0	830	375
Đồng bằng sông Cửu Long	76	69	7.8	7.5	563	238
Thành phố						
Hà Nội	74	75	7.6	7.3	414	163
Hồ Chí Minh	66	64	7.6	7.2	437	189
Trình độ học vấn						
Học đến tiểu học/ chưa đi học	50	50	6.7	6.5	657	224
THCS	63	63	7.3	7.0	1105	615
THPT	65	63	7.4	7.0	1350	649
Trung cấp	73	57	7.6	7.2	124	61
Cao đẳng, đại học trở lên	73	73	7.7	7.4	951	342
Tình trạng hôn nhân						
Đã kết hôn/đang chung sống như vợ chồng	69	78	7.4	7.3	2719	853
Chưa kết hôn	63	57	7.5	7.0	1467	1038
Dân tộc						
Kinh/Hoa	69	66	7.5	7.2	2464	1072
Khác	51	56	6.8	6.8	1723	819
Nhóm mức sống						
Nghèo nhất	56	56	7.0	6.9	1599	782
Nghèo	61	57	7.3	6.8	732	339
Trung bình	65	65	7.4	7.1	664	271
Khá giả	72	70	7.6	7.2	623	275
Khá giả nhất	81	75	7.8	7.6	569	224

* Tác giả tự tính toán từ số liệu Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ 2020-2021, Tổng cục Thống kê.

Để phát huy được tinh thần và sức trẻ của thanh niên trong công cuộc xây dựng đất nước, thì việc quan tâm đến cảm nhận và tâm tư của thanh niên về cuộc sống là vô cùng cần thiết. Thông qua hai chỉ tiêu là tỷ lệ thanh niên cho rằng cuộc sống hiện tại khá hạnh phúc hoặc rất hạnh phúc và điểm tự đánh giá về sự hài lòng với cuộc sống hiện tại, bài viết cung cấp một vài nhận định về sự bất bình đẳng trong sự hài lòng và hạnh phúc với cuộc sống của các thanh niên nam nữ trên cả nước. Sự bất bình đẳng tồn tại ở yếu tố địa lý, trình độ giáo dục, dân tộc, giới tính và giàu nghèo. Do vậy nếu muốn cải thiện đời sống thanh niên cũng như giảm đi bất bình đẳng, các chính sách về thanh niên cần phải được lồng ghép vào các chương trình và chính sách xã hội như về giáo dục, giới, chương trình giảm nghèo, chính sách đối với người dân tộc, các chương trình chính sách theo vùng miền./.

Tài liệu tham khảo

Tổng cục Thống kê và UNICEF 2021. Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2020-2021. Báo cáo kết quả điều tra. Hà Nội, Việt Nam: Tổng cục Thống kê

Tổng cục Thống kê (2022). Thông cáo báo chí kết quả Khảo sát mức sống dân cư 2021. Truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/06/thong-cao-bao-chi-ket-qua-khao-sat-muc-song-dan-cu-2021/>.

Tổng cục Thống kê (2022). Số liệu Diện tích, dân số và mật độ dân số phân theo địa phương 2021. Truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/dan-so/>.

Tác động của việc Fed tăng lãi suất đến nền kinh tế Việt Nam: **NHẬN DIỆN VÀ GIẢI PHÁP**

TS. Hoàng Thị Xuân

Giảng viên trường Đại học Công Nghệ Đông Á

Tóm tắt: Mỹ là nền kinh tế lớn nhất thế giới, nên việc tăng lãi suất có ảnh hưởng lớn đến thị trường toàn cầu, đặc biệt là với các quốc gia châu Á trong đó có Việt Nam. Trước bối cảnh là một nền kinh tế mở với 70% kim ngạch xuất, nhập khẩu bằng USD, việc nghiên cứu tác động khi Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) tăng lãi suất sẽ giúp Việt Nam chủ động để ứng phó với sự biến động lớn này.

Đặt vấn đề

Trước bối cảnh lạm phát cao ở Mỹ trong suốt năm 2022 và năm 2023, cụ thể vào tháng 2 năm 2023 đã tăng 6,0% so với cùng kỳ năm 2022, cùng với đó là việc hai ngân hàng lớn của Mỹ là Silicon Valley Bank bị sụp đổ và Credit Suisse bị cưỡng chế mua lại, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã tăng lãi suất thêm 0,25% vào ngày 23/03/2023, trong khoảng từ 4,75% đến 5,00% là mức cao nhất kể từ khi xảy ra khủng hoảng tài chính năm 2008. Điều này dẫn đến những ảnh hưởng rất lớn tới kinh tế toàn cầu, đặc biệt là các quốc gia châu Á, trong đó có Việt Nam [5].

Nội dung nghiên cứu

Tổng quan mức lãi suất của Fed (từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023)

Lạm phát cao hơn đi kèm với tăng giá hàng hóa đặt ra những thách thức phức tạp đối với các nhà hoạch định chính sách tiền tệ, buộc họ phải quyết định lựa chọn với hai mục tiêu trái ngược nhau là ổn định giá cả và tăng trưởng cao hơn. Mục đích của việc tăng lãi suất là để ổn định giá cả trong nền kinh tế Mỹ. Khi giá ổn định có nghĩa là kiểm soát được lạm phát. Việc tăng lãi suất sẽ khiến chi phí vay tăng lên, dẫn đến nhu cầu về hàng hóa và dịch vụ giảm xuống. Khi nhu cầu giảm, lạm phát sau đó cũng sẽ giảm. Tuy nhiên, điều này lại có tác động tiêu cực đến kinh tế toàn cầu, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển, làm chậm quá trình phục hồi kinh tế.

Bảng 1. Lãi suất của Fed theo các năm

Ngày	Mức lãi suất
26/01/2022	0% – 0,25%
16/03/2022	0,25% – 0,50%
04/5/2022	0,75% – 1,00%
15/6/2022	1,50% – 1,75%
27/7/2022	2,25% – 2,50%
21/9/2022	3,00% – 3,25%
02/11/2022	3,75% – 4,00%
14/12/2022	4,25% – 4,50%
01/02/2023	4,50% – 4,75%
23/03/2023	4,75% đến 5,00%

Nguồn: tác giả tổng hợp [5]

Đối với các quốc gia trong khu vực châu Á, nếu họ đang gánh nhiều khoản nợ bằng đồng USD sẽ thực sự gặp khó khăn khi lãi suất cao như hiện nay. Lãi suất đồng USD tăng, giá trị đồng USD cũng tăng, điều này dẫn đến nhiều nền kinh tế trong khu vực có thể



sẽ phải cân nhắc cũng tăng lãi suất để bảo vệ đồng nội tệ, nhất là khi những nền kinh tế này cũng đang đối mặt với tỷ lệ lạm phát cao, như Thái Lan hay Indonesia. Ngoài ra, đồng USD tăng giá, gây sức ép lên các đồng tiền khác cũng sẽ tạo ra áp lực cho những nền kinh tế xuất khẩu nhiều sang các quốc gia khác. Qua đó làm suy yếu nhu cầu thương mại toàn cầu.

Lãi suất tăng làm giảm thanh khoản toàn cầu, điều này có thể làm chậm quá trình phục hồi kinh tế nói chung. Đối với các doanh nghiệp, môi trường tín dụng chặt chẽ hơn dẫn đến chi phí đi vay cao hơn, làm giảm khả năng sinh lời và động cơ đầu tư. Khi chi phí đi vay tăng lên, nhu cầu chi tiêu giảm đi và tăng trưởng toàn cầu giảm đặt ra những thách thức đối với ngành sản xuất và xuất khẩu.

Việc thắt chặt tiền tệ ở Mỹ đã dẫn đến việc các nhà đầu tư rút tiền ra khỏi các nền kinh tế châu Á, gây ra sự mất giá tiền tệ ở hầu hết các nền kinh tế. Đồng tiền mất giá mạnh thường làm tăng áp lực lạm phát thông qua giá nhập khẩu lương thực và năng lượng cao hơn, làm xấu đi cán cân tài khoản vãng lai và do đó có thể dẫn đến việc các quốc gia gặp khó khăn trong việc thanh toán các mặt hàng nhập khẩu thiết yếu hoặc thanh toán các khoản nợ nước ngoài. Các nền kinh tế phụ thuộc nhiều hơn vào các chủ nợ bên ngoài trong các khoản nợ bằng đồng USD. Cùng với đó, việc tăng lãi suất sẽ làm giá của trái phiếu giảm đó là nguyên tắc căn bản trong thị trường tài chính, bởi vì trái phiếu là một loại hình chứng khoán hưởng lợi tức cố định.

Tác động của việc Fed tăng lãi suất đến nền kinh tế Việt Nam

Việc tăng lãi suất của Fed khiến kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng trên các khía cạnh: Hoạt động xuất nhập khẩu, đầu tư trực tiếp (FDI) và đầu tư gián tiếp (FPI), hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Tác động rõ và khá mạnh là tới thị trường tiền tệ và giá trị của đồng Việt Nam (VND). Trong một tháng, kể từ đầu tháng 10/2022 đến ngày 3/11/2022 so với cuối tháng 9/2022, VND đã mất giá 4,1% so với USD, lũy kế từ đầu năm 2022 đến 3/11/2022, VND đã mất giá khoảng 8,8% trên thị trường chính thức. Tại thời điểm ngày 8 tháng 12/2022 so với cuối năm 2021, VND mất giá 4,29% so với USD. Dự báo cả năm 2022, VND mất giá khoảng 4 - 5% so với USD [5].

Trước sức ép rất lớn của USD tăng giá (do Fed liên tục tăng lãi suất với tốc độ nhanh), Ngân hàng

Nhà nước đã điều chỉnh biên độ tỷ giá, đồng thời trong vòng 1 tháng đã hai lần tăng lãi suất điều hành. Việc thực hiện đồng bộ công cụ lãi suất và tỷ giá đã góp phần đạt được 2 mục tiêu quan trọng, đó là bảo đảm giá trị VND và kiểm soát lạm phát.

Với 70% giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam được thực hiện bằng USD, khi lãi suất USD tăng làm suy giảm tổng cầu thế giới, các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam có xu hướng bị thu hẹp, giá hàng hóa thế giới tăng gây tác động tiêu cực tới thương mại quốc tế, tới sản xuất kinh doanh và gia tăng lạm phát chi phí đẩy của kinh tế Việt Nam [3].

Với việc Fed đã 8 lần tăng lãi suất trong gần 1 năm qua, dòng vốn trực tiếp và gián tiếp vào Việt Nam đã có xu hướng giảm, thậm chí so với nền tảng thấp của năm 2021. Năm 2022, tổng vốn đăng ký đạt 27,72 tỷ USD, giảm 11% so với cùng kỳ năm 2021; Trong Quý I/2023, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đạt 5,45 tỷ USD, giảm 38,8% so với cùng kỳ.

Đầu năm 2022, trong khi lãi suất chính sách tại Việt Nam là 4%, thì lãi suất tại Mỹ là 0-0,25%, sau liên tiếp 8 đợt tăng lãi suất, lãi suất Mỹ đã tăng lên 4,5-4,75% nên việc tăng lãi suất VND là tất yếu, để đảm bảo giảm rủi ro cho đồng VND và giảm áp lực lên tỷ giá. Với việc NHNN đã 2 lần tăng lãi suất vào tháng 9-10/2022 (mỗi đợt 1 điểm %), các ngân hàng thương mại (NHTM) cũng đã tiến hành tăng lãi suất huy động tiền gửi với mức dao động từ 0,5%-1,0%, lãi suất cho vay. Lãi suất tăng sẽ làm tăng chi phí vốn của các doanh nghiệp, nhất là khi đã chịu sự thiệt hại nặng nề do đại dịch Covid-19

sau hơn 2 năm qua. Đà phục hồi của các doanh nghiệp do đó có thể gặp thêm trở ngại [1].

Thực tế khi lãi suất áp dụng trên thị trường tăng sẽ tác động đến tăng trưởng kinh tế nói chung. Xét về mặt tổng thể, riêng quý IV/2022, các doanh nghiệp niêm yết có lợi nhuận giảm 38% so với cùng kỳ với nguyên nhân chính là do nền lãi suất tăng.

Sự sụt giảm đó đã cho thấy sự ảnh hưởng rõ rệt và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phải cân đối giữa việc duy trì ổn định tăng trưởng kinh tế với những biến số như lạm phát, tỷ giá [2].

Việc Fed liên tục tăng lãi suất trong những tháng gần đây khiến kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, trong khi đó chi phí đi vay của doanh nghiệp và người dân ở nhiều nước tăng lên, từ đó làm cho họ cân nhắc đầu tư, tiêu dùng, nhất là bằng vốn vay nhiều hơn. Nhu cầu hàng hóa - dịch vụ giảm, từ đó làm giảm sức cầu hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Việc tăng lãi suất của Fed khiến đồng USD trở nên mạnh hơn gây khó khăn cho các doanh nghiệp nhập khẩu, làm đẩy chi phí nhập khẩu nguyên liệu tăng cao, điển hình là ở các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi, năng lượng. Đặc biệt, hàng điện tử với giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn và chiếm tỷ trọng cao trong GDP của Việt Nam cũng sẽ bị ảnh hưởng do nguyên liệu chủ yếu phải nhập khẩu. Thực tế, năm 2022, giá trị nhập siêu của Việt Nam tăng lên đối với các thị trường chính như Trung Quốc (tăng 11,5%), Hàn Quốc tăng (11,5%), ASEAN (tăng 10,6%) [5].

Bên cạnh đó, Fed tăng lãi suất sẽ dẫn đến dòng vốn quốc tế có xu hướng chảy về thị trường Mỹ, làm giảm khả năng vay vốn, khả năng

phục hồi của doanh nghiệp, tác động đến khả năng thu hút dòng vốn FDI. Tỷ giá chịu áp lực lớn khi đồng USD sẽ giá trị cao hơn và sức hấp dẫn cao hơn, nghĩa là những đồng tiền khác, cụ thể đồng VND sẽ bị mất giá.

Khi tình hình tài chính toàn cầu thắt chặt hơn và sẽ làm giảm triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế thế giới, dẫn đến nhu cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam thấp hơn. Các khoản nợ nước ngoài cũng sẽ chịu tác động tăng khi tỷ giá chịu sức ép điều chỉnh.

Thực tế cho thấy, những bất lợi của việc Fed tăng lãi suất, Việt Nam đã có chính sách tài chính thận trọng cũng như kinh tế vĩ mô ổn định tạo điều kiện chống đỡ tốt với những tác động lớn từ bên ngoài. Việt Nam đã huy động vốn đáng kể thông qua thị trường trái phiếu trong nước bằng nội tệ. Đồng nội tệ Việt Nam đồng cũng khá bình ổn. Việt Nam là nước xuất khẩu lương thực ròng, tức là Việt Nam hưởng lợi khi giá thực phẩm tăng tại các quốc gia châu Âu và Mỹ.

Kết luận

Việt Nam cần chủ động và có những hành động chính sách kịp thời, đón đầu để giúp ổn định nền kinh tế trước những biến động khó lường của thị trường toàn cầu, đặc biệt là khi Fed tăng lãi suất, cụ thể:

Thứ nhất, NHNN sẽ tiếp tục theo dõi sát diễn biến thị trường tiền tệ trong nước, quốc tế, dự báo lạm phát và lãi suất thị trường để chủ động, linh hoạt hơn trong điều hành lãi suất phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát và mục tiêu chính sách tiền tệ, qua đó hỗ trợ cho các doanh nghiệp phục hồi và phát triển.

Thứ hai, ổn định thị trường vĩ mô, phấn đấu giữ ổn định mặt bằng

lãi suất, nhất là cho vay để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân phục hồi sản xuất kinh doanh, ổn định tỷ giá. Đối với dòng vốn đầu tư nước ngoài, cần phải theo dõi và tiếp tục tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi để nhà đầu tư tin tưởng, tiếp tục bỏ tiền đầu tư vào Việt Nam hiện nay và thời gian tới.

Thứ ba, áp dụng các chính sách kinh tế vĩ mô thận trọng, bao gồm tỷ giá hối đoái linh hoạt để đối phó với các cú sốc bên ngoài, chính sách tiền tệ tích cực để kiểm chế lạm phát và chính sách tài khóa đo lường để giữ nợ công ở mức hợp lý.

Do đây chưa phải là lần cuối cùng trong năm nay Fed điều chỉnh tăng lãi suất nên sức ép và áp lực lên kinh tế Việt Nam sẽ còn tiếp diễn, bởi vậy, Chính phủ cần nhìn nhận rõ những tác động, ảnh hưởng để lường đón và chủ động các giải pháp điều hành trong thời gian tới./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thúy Hà (2023), *FED tăng lãi suất lần thứ 9, tác động thế nào đến kinh tế Việt Nam*, VietnamPlus
2. <https://infofinance.vn/fed-tang-lai-suot-anh-huong-nhu-the-nao-den-viet-nam-2022/>
3. Nguyễn Bích Lâm (2023), *Tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2023, ứng phó với lạm phát và biến động lãi suất thế giới*, Tạp chí Kinh tế Việt Nam
4. Ngọc Trang (2023), *Kinh tế ASEAN năm 2023 và những tác động từ việc Mỹ tăng lãi suất và suy giảm kinh tế ở Trung Quốc*, Tạp chí điện tử VnEconomy.
5. <https://theleader.vn/kinh-te-toan-cau-chiu-tac-dong-ra-sao-khi-my-tang-lai-suot-1655181871036.htm>
6. <https://vtv.vn/kinh-te/fed-tiep-tuc-tang-lai-suot-ky-luc-kinh-te-viet-nam-chiu-tac-dong-the-nao-20220922104751868.htm>

QUYỀN CON NGƯỜI VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI PHẢI LÀ TRỌNG TÂM CỦA MỌI CHÍNH SÁCH VÀ THẢO LUẬN VỀ DÂN SỐ

Björn Andersson,

Giám đốc khu vực Châu Á – TBD của Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc

Dân số thế giới đạt 8 tỷ người vào tháng 11 năm 2022 – một dấu mốc quan trọng của nhân loại và đánh dấu những tiến bộ trong chăm sóc sức khỏe, giáo dục, khoa học và phát triển kinh tế xã hội.

Khi dấu mốc này được kỉ niệm thì đồng thời cũng có những lo lắng đáng kể rằng thế giới đang đối mặt với nhiều thách thức chồng chéo, từ đại dịch COVID-19 đến khủng hoảng khí hậu, các nền kinh tế yếu kém, xung đột, thiếu lương thực, thực phẩm và dịch chuyển dân số hàng loạt. Trong bối cảnh này, sự sợ hãi và lo lắng về thay đổi dân số đang tác động đến quyền của phụ nữ được lựa chọn việc có sinh con hay không và khi nào có con và có bao nhiêu con.

Báo cáo Tình trạng Dân số Thế giới năm nay của Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc đã tháo gỡ mối “lo lắng về nhân khẩu học” này – những lo ngại nổi lên từ những quan tâm về tác động của quy mô dân số, thay đổi dân số, cơ cấu dân số hay tỷ suất sinh.

Báo cáo mới chỉ rõ rằng những lo ngại đó, chỉ tập trung vào con số, đôi khi sẽ dẫn đến những biện pháp bắt buộc nhằm kiểm soát mức sinh. Những vi phạm các quyền cơ bản của con người như vậy để đưa ra quyết định về số con, nếu có, và khoảng cách sinh con là sai lầm và có nguy cơ bỏ qua những vấn đề thực chất trong xã hội.

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực rộng với đa dạng nhân khẩu học. Một số nước đang trải qua vấn đề giảm dân số, trong khi đó một số nước khác đang tăng dân số. Và ở hầu hết các nước, tăng trưởng dân số đang chậm lại, tạo ra những xã hội với tỷ lệ người cao tuổi cao hơn.

Dù trong tình huống nào thì những dao động về tỷ suất sinh và thay đổi quy mô dân số như vậy đòi hỏi các chính sách cần phải được sửa đổi và mở rộng ra ngoài lĩnh vực nhân khẩu học. Tuy nhiên, tất cả các chính sách như vậy phải chú trọng vào việc thúc đẩy bình đẳng giới và đẩy nhanh hơn tiến bộ về trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái.

Kinh nghiệm trên thế giới cho thấy, các kế hoạch làm chậm hay thúc đẩy tỷ suất sinh, kể cả các chính sách đặc biệt nhằm khuyến khích và không khuyến khích sinh con, chỉ đem lại tác động

không đáng kể và trong một vài tình huống những chính sách đó lại trở thành có hại. Các chính sách phải vượt ra ngoài những quan điểm quá đơn giản về việc có “quá nhiều” hay “quá ít” người. Để giải quyết những quan tâm thực chất như biến đổi khí hậu, những thách thức về kinh tế, già hóa dân số và nhiều vấn đề khác nữa, chúng ta cần có những chính sách hợp lý, dựa trên bằng chứng và quyền con người chứ không phải là những chính sách cố gắng định hướng về tỷ suất sinh.

Thúc đẩy bình đẳng giới là vấn đề mấu chốt để giải quyết thay đổi về dân số và kiến tạo một xã hội có thể thích nghi được và đứng vững được. Trao quyền cho phụ nữ và tạo cơ hội cho họ phát triển tiềm năng để đưa ra các quyết định liên quan đến cơ thể họ và cuộc sống của họ sẽ hỗ trợ họ, gia đình của họ và xã hội của họ phát triển thịnh vượng. Cần đầu tư



Ông Björn Andersson trong chuyến đi thăm tỉnh Bắc Kạn tháng 10 năm 2022

vào mỗi giai đoạn khác nhau trong cuộc đời của một phụ nữ: Thông qua việc đảm bảo giáo dục cho trẻ em gái, đảm bảo trẻ em gái và phụ nữ được tiếp cận với các thông tin và dịch vụ liên quan đến sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục và các quyền cũng như đảm bảo để họ có thể tham gia một cách đầy đủ và bình đẳng trong mọi lĩnh vực của xã hội.

Các chính phủ cũng cần phải thể chế hóa các chính sách gia đình thân thiện và tạo điều kiện cho mỗi người dân có thể thực hiện nguyện vọng về sinh đẻ của mình - ví dụ như các chương trình để người cha được nghỉ trông con mới sinh, các dịch vụ chăm sóc trẻ em có chất lượng, chế độ làm việc linh hoạt - và đảm bảo phủ rộng chăm sóc sức khỏe toàn dân, trong đó có cả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục. Các chính phủ cũng nên tăng cường các chế độ lương hưu và thúc đẩy tuổi già năng động và khỏe mạnh.

Áp dụng hướng tiếp cận “vòng đời”, trong đó các trẻ em gái và phụ nữ được trao quyền tại mỗi thời điểm khác nhau trong cuộc đời của họ để họ có thể tự đưa ra các quyết định và lựa chọn, kể cả lựa chọn về sinh sản, sẽ cho phép các trẻ em gái và phụ nữ có thể theo đuổi những ước mơ, khát vọng trong cuộc sống của họ và giúp thúc đẩy phát triển kinh tế.

Vậy làm thế nào để Châu Á và Thái Bình Dương thành công trong vấn đề bình đẳng giới và thực hiện các quyền về sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục của phụ nữ? Trong khi chúng ta chứng kiến nhiều thành tựu thì vẫn còn có nhiều vấn đề cần nỗ lực hơn nữa. Hơn 130 triệu phụ nữ vẫn chưa được tiếp cận các dịch vụ và thông tin về kế hoạch hóa gia đình để họ có thể có kế hoạch sinh con. Trong khi hơn một nửa trong số 1,8 tỷ thanh thiếu niên trên thế giới hiện đang sống ở Châu Á và TBD, hầu hết trong số họ vẫn chưa được tiếp cận chương trình giáo dục tình dục toàn diện để giúp họ có thể có những quyết định đúng đắn về cơ thể của họ. Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực thể chất và/hay bạo lực tình dục bởi bạn tình của họ vẫn còn cao.

Giờ đã đến lúc cần phải thúc đẩy tiến độ thực hiện các cam kết được đưa ra tại Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển năm 1994, tại đó một Chương trình Hành động đã được thông qua, nhìn nhận quyền con người và nhân phẩm của mỗi cá nhân, trong đó có sức khỏe sinh sản và các quyền, trao quyền cho phụ nữ và bình đẳng giới, là những trọng tâm của phát triển.

Các chính sách phát triển, kể cả các chính sách giải quyết các vấn đề về dân số, đều phải trên cơ sở đảm bảo quyền. Chúng ta hãy cùng nhau hợp tác hướng tới đặt các quyền và lựa chọn của phụ nữ và trẻ em gái là trọng tâm - để xây dựng các xã hội có thể đứng vững và phát triển thịnh vượng trước những dao động về khuynh hướng dân số./.

Mới đây, Mỹ đã công bố nội dung chi tiết Đạo luật CHIPS và Khoa học với nhiều biện pháp quyết liệt nhằm trở lại vị trí dẫn đầu ngành sản xuất chất bán dẫn.

Kế hoạch tham vọng

Đạo luật CHIPS và Khoa học đã được Tổng thống Mỹ Joe Biden ký ban hành thành luật từ tháng 8/2022 với quy mô lên tới 280 tỷ USD. Đây là một kế hoạch đầy tham vọng của chính phủ Mỹ nhằm đưa nước này quay lại thời hoàng kim, trở thành nước dẫn đầu không chỉ về các phát minh và sở hữu bản quyền công nghệ, mà còn là nhà sản xuất chất bán dẫn hàng đầu trong thập niên tới.

Đạo luật này được đưa ra sau khi tình trạng thiếu chất bán dẫn làm ảnh hưởng đến sản xuất ô tô, thiết bị gia dụng và các sản phẩm khác trong đại dịch Covid-19 và mối lo ngại về sự tập trung sản xuất chip tiên tiến ở Đông Á ngày càng tăng.

Tháng 2/2023, Mỹ bắt đầu triển khai Đạo luật CHIPS và Khoa học để thúc đẩy sản xuất chip. Bộ Thương mại Mỹ đã lên kế hoạch trợ cấp sản phẩm chip và cung cấp thêm thông tin chi tiết về cách thức các công ty đăng ký tài trợ.

Đạo luật trên bao gồm khoản đầu tư giá trị khoảng 39 tỷ USD để khuyến khích các nhà máy sản xuất chip và các nhà máy sản xuất vật liệu và thiết bị, cùng với khoản 13.2 tỷ USD dành cho nghiên cứu, phát triển và đào tạo lực lượng lao động của ngành. Đạo luật còn kèm theo các ưu đãi về thuế, cung cấp khoản tín dụng thế đầu tư nâng cao 25% cho thiết bị sản xuất và chế biến. Theo Hiệp hội công nghiệp chất bán dẫn của Mỹ, hơn 40 dự án đã được công bố với cam kết đầu tư gần 200 tỷ USD vào các cơ sở sản xuất mới. Các nhà sản xuất công nghệ hàng đầu của Mỹ như Intel, Micron Technology và Texas Instruments... đều đã công bố kế hoạch mở rộng sản xuất.

Theo Bộ trưởng Bộ thương mại Mỹ Gina Raimondo, Đạo luật CHIPS và tầm nhìn dài hạn cho vai trò lãnh đạo công nghệ của Mỹ đã khẳng định, Mỹ sẽ đặt mục tiêu tạo ra ít nhất hai cụm sản xuất chất bán dẫn hàng đầu vào năm 2023 để hoàn tất giai đoạn đầu

MỸ KỲ VỌNG NÂNG TẦM VỊ THẾ

Tiến Long

trong kế hoạch nhằm đưa hoạt động sản xuất chip trở lại nước Mỹ.

Bộ trưởng Raimondo cũng nhấn mạnh, việc xây dựng sẽ giúp tạo ra hệ sinh thái gồm các nhà máy chế tạo, phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu và phát triển (R&D), cơ sở đóng gói phục vụ lắp ráp chip và các nhà cung cấp giúp đáp ứng yêu cầu hỗ trợ đối với từng giai đoạn. Sau khi hoàn thành triển khai sáng kiến tầm nhìn của chính quyền Tổng thống Biden là nhằm biến Mỹ trở thành quốc gia duy nhất trên thế giới tập trung các công ty có khả năng sản xuất các dòng chip tiên tiến, các cơ sở sản xuất có quy mô lớn và trung tâm R&D.

Có thể thấy, chính quyền Mỹ muốn tận dụng tối đa những lợi ích gói hỗ trợ cho ngành bán dẫn mang lại. Họ vừa muốn thu hút đầu tư vào Mỹ, vừa muốn quản lý chặt chẽ các hoạt động sản xuất bán dẫn trên đất Mỹ. Để hiện thực hóa kế hoạch đầy tham vọng này, chính quyền Mỹ đang tích cực thúc đẩy đầu tư tư nhân, tăng cường hợp tác với các đối tác, đồng minh, tập trung xây dựng lực lượng lao động chất lượng cao; cắt giảm thời gian và chi phí xây dựng nhà máy, cũng như thực thi các hàng rào bảo vệ. Điều này đều hướng tới mục tiêu cuối cùng và quan trọng nhất là đưa Mỹ trở lại vị trí dẫn đầu về sản xuất chất bán dẫn toàn cầu.

Bên cạnh đó, Mỹ tận dụng triệt để vị thế của cường quốc kinh tế mạnh nhất cũng như thị trường lớn nhất thế giới để thu hút dòng vốn đầu tư vào ngành sản xuất

chip, trong khi làm suy yếu các đối thủ cạnh tranh. Việc thâm nhập thị trường Mỹ là điều bắt buộc cho các công ty công nghệ nước ngoài để tiếp tục đứng vững trong ngành sản xuất bán dẫn, nhưng cùng với đó sẽ là những đánh đổi và lựa chọn khó khăn.

Những lo ngại về Đạo luật CHIPS và khoa học

Các nhà giám đốc điều hành doanh nghiệp, nhà lập pháp và những người trong ngành cho rằng, chỉ riêng Đạo luật CHIPS và khoa học sẽ không đủ để giải quyết các thách thức mà Mỹ phải đối mặt để củng cố ngành công nghiệp này trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt từ Trung Quốc.

Bên cạnh đó, Đạo luật trên còn gây lo ngại cho các doanh nghiệp nước ngoài. Hàn Quốc và Mỹ đã hợp tác để xây dựng chuỗi cung ứng bán dẫn, tuy nhiên, Hàn Quốc cho biết, hiện có nhiều lo ngại liên quan đến việc Đạo luật CHIPS và khoa học đòi hỏi quá nhiều thông tin để đối lấy trợ cấp.

Theo Đạo luật CHIPS và khoa học, để nhận được trợ cấp, các nhà sản xuất bị cấm thực hiện các khoản đầu tư mới để sản xuất chip ở Trung Quốc trong 10 năm; đồng thời phải cung cấp thông tin về nhà máy, kế hoạch tài chính, tham gia các dự án nghiên cứu và phát triển cũng như chia sẻ lợi nhuận với chính phủ Mỹ nếu lợi nhuận vượt mức dự kiến. Chính phủ Hàn Quốc cho rằng, bán dẫn là ngành có tính biến động cao. Vì vậy, các vấn đề liên quan đến việc đòi hỏi quá nhiều thông tin hoặc các hạn chế liên quan đến hoạt động

ở Trung Quốc có thể gây ra các vấn đề nghiêm trọng.

Tuy nhiên, Nhà Trắng cho rằng, việc giảm sự phụ thuộc của Mỹ vào các vi mạch do nước ngoài sản xuất là rất quan trọng giữa bối cảnh thị phần của Mỹ trên thị trường chip toàn cầu đã giảm từ 37% năm 1990 xuống 12% hiện nay. Trong khi đó, những năm tới, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Đài Loan (Trung Quốc) và Trung Quốc đại lục sẽ cung cấp các khoản trợ cấp và giảm thuế cho ngành trị giá hàng trăm tỷ USD này.

Chính quyền Mỹ cho rằng, Đạo luật CHIPS và khoa học không nhằm mục đích giúp nước Mỹ tự cung tự cấp tất cả chip. Nước Mỹ không hề tìm cách tự đóng cửa mình khỏi thị trường toàn cầu hoặc sự cạnh tranh mà đang tìm cách giành chiến thắng trong cuộc đua đổi mới, cũng như bảo vệ an ninh quốc gia và tương lai kinh tế của nước mình.

Đạo luật CHIPS và khoa học được cho là phép thử đối với Mỹ về việc theo đuổi chính sách công nghiệp và xây dựng lại chuỗi cung ứng trong nước để có đủ khả năng chống đỡ các cuộc khủng hoảng trong tương lai. Các nhà phân tích của Goldman Sachs ước tính chương trình có thể hỗ trợ tăng thị phần của Mỹ trong sản xuất chip toàn cầu. Chính quyền Biden kỳ vọng, Đạo luật CHIPS và khoa học sẽ giúp nước Mỹ giành thắng lợi trong cuộc cạnh tranh về kinh tế, đưa Mỹ trở lại vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất chip hàng đầu thế giới và là bước đột phá đưa Mỹ nâng tầm vị thế./

MỘT SỐ HÌNH ẢNH LỄ TỔNG KẾT DỰ ÁN “CẢI THIỆN HỆ THỐNG THỐNG KÊ QUỐC GIA VIỆT NAM” DO CHÍNH PHỦ I-TA-LI-A TÀI TRỢ



Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương phát biểu khai mạc điểm lại những kết quả đạt được của các hợp phần của Dự án và khẳng định, những kết quả đáng khích lệ đạt được trong gần 5 năm qua là nhờ sự hợp tác chặt chẽ, hiệu quả từ các bên



Ngài Antonio Alessandro, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền I-ta-li-a tại Việt Nam chúc mừng thành công của Dự án và mong muốn Cơ quan Thống kê I-ta-li-a và Tổng cục Thống kê Việt Nam tiếp tục duy trì mối quan hệ hiện tại và mở rộng lĩnh vực hợp tác trong tương lai



Bà Tiziana Fusco, Giám đốc Cơ quan Hợp tác và Phát triển I-ta-li-a (AICS) tại Hà Nội cho rằng, Lễ Tổng kết là cơ hội để chia sẻ những kết quả đạt được của Dự án qua sự hợp tác quý báu giữa Tổng cục Thống kê Việt Nam và cơ quan Thống kê I-ta-li-a



Các khách mời đại diện đến từ Cơ quan Thống kê thuộc Ủy ban Kinh tế - xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương; Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc; Trường Đại học Kinh tế quốc dân; Tạp chí Kinh tế Việt Nam và Bộ Tài nguyên và Môi trường tham dự Phiên Tọa đàm cấp cao “Điều phối thông minh, thống kê hiệu quả”



Các đại biểu tham gia Lễ Tổng kết



Toàn cảnh Lễ Tổng kết